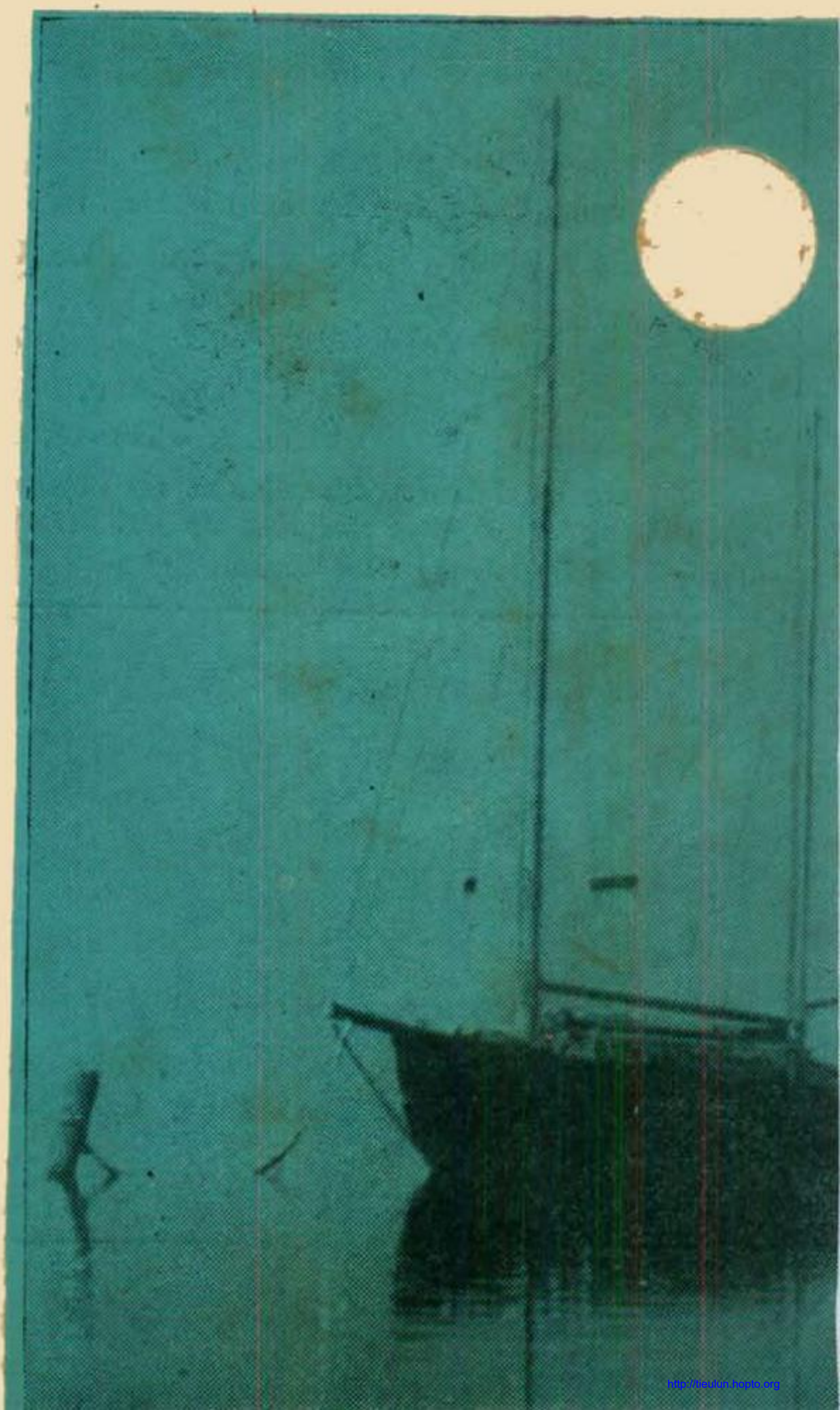


G I A I P H Ầ N

BÁCH KHOA

TỪ MINH — PHẠM
VIỆT CHÂU — VÕ
QUANG YẾN — ĐOÀN
NHẬT TẤN — LÊ
XUÂN KHOA —
NGUYỄN VĂN XUÂN
— MINH ĐỨC HOÀI
TRINH — VŨ HOÀNG
CHƯƠNG — TẠ TỰ —
NGUYỄN HIẾN LÊ —
DU LI — BÙI KHIẾT
— HUỲNH KIM SƠN
— NGU Í — TRÀNG
THIÊN — TỬ DIỆP.



BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM

Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG
MỘT NĂM

1.100đ.

2.100đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 360đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 500đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Kampuchia	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 195đ
— Ai-lao	: 40đ.	— Pháp	: 220đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 55đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-cửu, Đại-dương-châu	: 245đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 120đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 270đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	8000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
		000		
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	3000đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1500đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

KD số 346 PTUDV/KBCNT/
KSALP/GĐ ngày 1-6-1973.

B Á C H K H O A

M :

TỪ MINH nước Úc dưới triều đại Gough Whitlam	05
PHẠM VIỆT CHÂU bài học xứ Lào : Chiến tranh và Hòa bình (II)	15
VÔ QUANG YẾN thuốc trị bá chứng : Prostaglandine	23
ĐOÀN NHẬT TẤN ngụ ngôn	29
LÊ XUÂN KHOA mùa Phật đản 2.517 : cuộc đời Phật Thích Ca	35
NGUYỄN VĂN XUÂN những phát giác kỳ dị về « những phát giác kỳ dị chung quanh cuốn Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc »	43
MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH lá thư Ba-lê	53
DU LI trong lòng sơn (truyện)	59
BÙI KHIẾT tiền đưa — đêm mưa hành quân (thơ)	64
HUỲNH KIM SƠN chén rượu chiều 30 (thơ)	65

SINH HOẠT

HOÀNG THAO tuần lễ văn hóa ở Cổ đô	67
NGUYỄN HIẾN LÊ Hư Chu (1923-1973)	73
VŨ HOÀNG CHƯƠNG khóc Hư Chu	77
NGÊ BÁ LÍ bài thơ ấy của ai ? Đồ Chiếu hay Bút Trà	78
BÁCH KHOA phỏng vấn họa sĩ Tạ Tỵ về họa phái Lập Thể và Picasso.	79
TRÀNG THIÊN — THUTHỦY thời sự văn nghệ	81
TỪ MINH thời sự thế giới	84
TỬ DIỆP thời sự khoa học	89
Họa sĩ VĂN-THANH trình bày bìa	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon
GIÁ : 100\$ Công số : 200\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 15\$ mỗi số

Sách nhận được trước 1-6-73

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— **Quyền lực**, nguyên tác của Bertrand Russell, bản dịch của Đàm Xuân Cật và Nguyễn Vương Chấn, Hiện Đại xuất bản và dịch giả gửi tặng. Tác phẩm dày 380 trang, gồm 18 chương, trình bày « sự tiến hóa của ý niệm quyền lực theo suốt giòng lịch sử » và phân tích đầy đủ dưới nhãn quan xã hội, tâm lý, chính trị, văn hóa, kinh tế, tôn giáo, luân lý và triết học. .

— **Tôn giáo và Dân tộc của Lý Chánh Trung**, do Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 124 trang gồm 5 chương, tác giả suy nghĩ về những mâu thuẫn căn bản giữa tôn giáo và dân tộc để tìm kiếm những đường hướng khả dĩ đưa tới một sự hòa hợp chân thực và lâu bền. Bản đặc biệt.

— **Thơ vịnh Kiều** do Nguyễn văn Y sưu tập, Lạc Việt xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày trên 570 trang, gồm 6 phần và Phụ lục với hàng ngàn bài thơ Nôm, thơ chữ Hán, tập Kiều, lấy Kiều, câu đố, câu đối đáp của hàng trăm nhà thơ V.N. từ khoảng 150 năm về trước đến ngày nay.

— **Trung-hoa tình sử** do Hư Chu tỉnh dịch, Mặc Lâm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 208 trang, gồm 44 truyện tình Trung Hoa, thuộc các loại tình khác nhau : Tình duyên, tình báo, tình hiệp, tình tư v.v... mỗi truyện đều có 4 câu thơ đề điềm, bút pháp điêu luyện.

— **Băng điềm**, truyện dài, nguyên tác của Ayako Miura, bản dịch của Liêu Quốc Nhĩ theo « The Freezing Point », Phương Đông xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 590 trang, trình bày trang nhã.

— **Giòng sông trắng**, truyện dài trường thiên của Triều Linh gồm 4 phần khúc. Phần khúc II : Những giòng chia rẽ, do Quạt Khởi xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 422 trang. Giá 480đ.

— **Phi Lạc sang Tàu**, của Hồ Hữu Tường, do Trí Đăng xuất bản và gửi tặng. Tác phẩm nổi tiếng của tác giả, in lần thứ 7, được hiện-kim-hóa và bổ túc.

— **Ngoài song mưa bay** truyện của Ý Yên, do Tuổi Hoa xuất bản trong loại « Hoa tím » (dành cho tuổi 16-18), bìa của Vi Vi rất đẹp, dày 110 trang. Giá 110đ.

— **Bức tranh dòng họ Nguyễn** truyện của Chân Phương, do Tuổi Hoa xuất bản trong loại « Hoa đỏ », bìa của Vi Vi, dày 110 trang. Giá 90đ.

— **Introduction to Literature and Prose Fiction Compilation and summing up into diagrams** by Doãn Quốc Sỹ, Tập 1 và Tập 2, dành riêng cho sinh viên, do Đại học Văn khoa ấn hành, cả 2 tập dày 320 trang.

— **Tình biên nghĩa sông thi tuyển tập 2** của Hoàng Thoại Châu, do Hướng Dương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 92 trang « Đọc Hoàng Thoại Châu » của Kiên Giang, Bạt của Sơn Nam, gồm 45 bài thơ. Giá 195đ.

— **Hải mộng tập thơ** của Hồ Thế Phát do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 80 trang, « Vào đề » của Lương Trọng Minh, gồm trên 60 bài thơ. Bản đặc biệt.

Nước Úc dưới triều-đại Gough Whitlam

Tháng 12-1972 vừa qua một cuộc ‘cách mạng nhỏ’ đã bùng nổ tại Úc, một quốc gia mà từ trước tới nay người ta vẫn coi là thâm lặng và khiêm tốn. Thật vậy, cuộc bầu cử Hạ-viện đã đưa đảng Lao-động trở lại chính quyền sau 23 năm đóng vai trò đối lập. Lãnh tụ đảng Lao-động, Gough Whitlam, được cử làm Thủ tướng đã tìm đủ mọi cách để xóa bỏ vết tích của một chính phủ thuộc đảng Tự do. Chỉ nửa giờ sau khi tuyên thệ làm Thủ tướng, Gough Whitlam đã đưa ra những quyết định táo bạo

nhất và được dư luận đề cập sôi nổi nhất.

Từ ngoài nhìn vào người ta có cảm tưởng Úc đương mang một bộ mặt hoàn toàn đổi mới. Nhưng thật ra thì các biện-pháp cải tổ của ông Gough Whitlam chỉ là kết quả của một chính sách ‘táo bạo’ của một nhân vật ‘bốc đồng’. Rút cục lại thì ông Whitlam chỉ ‘thay đổi đề mà thay đổi’ thôi, chứ xã hội Úc, dù dưới triều đại của đảng Tự-do hay đảng Lao-động, cũng vẫn giữ nguyên những đặc tính cổ truyền của quốc gia này.

I.— MỘT CHÍNH SÁCH ‘TÁO BẠO’

Cho tới khi ông Gough Whitlam lên nắm chính quyền, Úc-đại-lợi luôn luôn là một nước đồng minh ngoan ngoãn của Anh và của Mỹ. Đối với Anh, Úc là một người trong gia đình. Nữ-hoàng Anh, Elizabeth II, cũng đồng thời là Nữ-hoàng Úc. Đối với Mỹ, một quốc gia giữ nhiệm vụ canh sát bảo-vệ an-ninh trên Thái-bình-dương, thì Úc cũng luôn luôn tỏ ra là một nước đồng minh trung thành. Năm 1964, khi Mỹ bắt đầu tham chiến ở Việt Nam thì Úc đã quyết định thiết lập một chế độ quân dịch để có đủ lính gửi sang dự chiến ở Việt Nam. Làm như vậy Úc cũng chỉ thi hành các nhiệm vụ ấn định trong liên

minh phòng thủ Anzus ký năm 1951 với Hoa-kỳ và Tân-tây-lan, cũng như trong Minh-ước Thái-bình-dương ký năm 1954 với Phi-luật-Tân, Thái-lan, Anh, Pháp và Mỹ...

Nói tóm lại, Úc-đại-lợi, cho tới khi Whitlam lên cầm quyền, đã luôn luôn tỏ ra nhã nhặn, khiêm tốn, kín đáo và trung thành. Nhưng khi năm được đưa số vào tháng 12-1972 vừa qua, đảng Lao-động của ông Whitlam đã quyết định đi ngược hẳn lại với chính sách cổ truyền.

Chỉ trong vòng 30 phút sau lễ tuyên thệ làm Thủ-tướng, Gough Whitlam đã bãi bỏ chế độ quân-dịch. Sau đó ông gửi thư phản đối Hoa-

kỳ ném bom Hà-nội và ông thiết lập ngoại giao với các nước Cộng-sản như Trung-Cộng, Bắc Việt và Đông Đức. Rồi Ông rút quân đội Úc khỏi Việt-Nam nhưng vẫn tiếp tục viện trợ kinh tế và chủ trương thành lập một vùng trung-lập Ở Đông-Nam-Á

Tại Liên-Hiệp-Quốc, Whitlam đã phá vỡ sự liên kết giữa các quốc-gia thuộc khối Liên-hiệp Anh-bằng cách ủng hộ quyết nghị chống chính sách kỳ thị chủng tộc của Rhodésie và Cộng-hòa Nam-Phi. Tại quốc nội, ông hủy bỏ lệnh cấm những người da màu di dân vào Úc.

Riêng đối với Anh, ông Whitlam đã có một thái độ cứng rắn nhất. Ông cố gắng cắt đứt mọi giây liên lạc từ trước vẫn thắm thiết giữa Úc và «mẫu quốc» Anh. Chính phủ Úc đang dự tính làm một bản quốc thiều mới để thay thế bản «God Save the Queen». Úc từ chối không cử người nhận tước phong của Nữ-hoàng Anh. Danh từ thần dân Anh (British subject) sẽ bị loại bỏ trên thông hành của người dân Úc. Cao-ủy Úc tại Anh, John Armstrong, tuyên bố rằng Úc sẽ trở thành một nước Cộng-hòa thay vì là một vương quốc.

Về chính sách đối nội, ông Whitlam cũng hoạt động không kém. Ông can thiệp vào mọi lãnh vực từ phòng học tới phòng ngủ. Ông đưa ra các biện pháp cải tổ nền giáo dục trong nước, thiết lập hệ thống chuyên chở học sinh, trợ giúp cho ngành sản-xuất thuộc ngựa thai để khuyến khích việc

kế-hoạch-hóa gia-đình. Whitlam còn hy vọng hạ tuổi bầu cử của cử tri xuống 18 tuổi, vận động đề tăng hưu bổng cho người già và thực hiện bình-đẳng giữa lương bổng của đàn ông và đàn bà. Sau hết ông ban hành những biện pháp giản-dị-hóa thủ tục ly-dị khiến cho các cặp vợ chồng không những bỏ nhau được dễ dàng mà lại còn phải chịu ít chi phí kiện tụng.

Lần đầu tiên trong lịch-sử Úc người ta thấy một lãnh tụ hiệu-động đến như vậy. Một số người tỏ ra e ngại trước cuộc phiêu lưu mà ông Whitlam đang dẫn dắt quốc-gia Úc đi tới. Một số người khác tỏ ra sửng sốt trước những biện-pháp quá cấp-tiến được ban hành trong một khoảng thời-gian quá ngắn ngủi. Và các đối thủ của Whitlam đã lên tiếng chỉ trích ông nặng nề. Lãnh tụ đảng Tự-do, Billy Snedden, tố cáo Whitlam «ôm ấp giấc mơ trở thành một De Gaulle nội-hóa». Douglas Anthony thuộc thuộc đảng Country Party cho rằng Whitlam đang làm Úc trở thành một «nước cộng-hòa khuynh tả do các nghiệp-đoàn điều khiển». Thượng Nghị-sĩ John Kane thuộc đảng Lao-động Dân-chủ thì lại cho rằng: «Dưới quyền lãnh đạo của Whitlam, Úc đang đánh đuổi bạn hữu và ôm hôn kẻ thù».

Một người như Gough Whitlam đã kích thích sự tò mò của dân chúng. Người ta tự hỏi nhân vật Whitlam là ai mà có những hành động táo bạo như vậy?

Gough Whitlam sinh ngày 11-7-



Thủ tướng Gough Whitlam

1916 tại Kew, một đô thị nhỏ ở vùng ngoại-ô Melbourne, nơi mà người ta thường bỏ phiếu cho đảng Tự-do. Cha của Gough, ông Harry Frederick Ernest Whitlam là một luật gia trứ danh. Ông đã từng giữ chức vụ Cố-vấn Luật-pháp Hoàng-triều. Vì cả đời tranh đấu để bảo vệ nhân quyền ông Harry Whitlam được cử vào Ủy-hội Nhân quyền Liên-Hiệp-Quốc. Với một tinh-thần thượng-tôn luật-pháp, ông Harry đã dạy cho cậu con thế nào là giá trị con người và thế nào là môn biện-luận. Gough lại được tính hiếu học nên ngay từ khi còn nhỏ đã chịu khó đến nỗi đến bữa ăn còn mang theo cuốn từ-điển bách-khoa để ở sau lưng. Năm Gough lên 2 tuổi được cha mẹ đưa tới sống ở Sidney. Năm Gough lên 10 tuổi thì gia đình lại dọn nhà tới thủ-đô Canberra. Tại Sidney, Gough Whitlam đã có một lần bỏ học vì bị ông thầy chê là vô liêm-sĩ. Tại trường Trung-học ở Canberra, Gough được liệt vào loại học trò chăm chỉ nhưng không lấy gì

làm xuất sắc. Cậu được các thầy giáo khen là giỏi Anh văn và tiếng Latinh, dốt Toán và vẫn bị các thầy coi là... lỳ lợm(!).

Khi lên Đại-học thì Gough Whitlam được các bạn quý mến vì cậu có tính hay đùa rỡ để chọc quê người khác. Năm 1942, Gough Whitlam trở thành một cậu sinh viên 26 tuổi, cao lênh khênh (1m,92). Trong một buổi hội của nhà trường cậu sinh viên cao kều này đề ý tới một cô gái cũng cao vượt lên mọi người cả cái đầu. Đó là cô Margaret Dovey cao 1m87, con của vị thẩm phán Tối cao Pháp viện của Tiểu-bang New South Wales. Và chỉ vài tháng sau là hai người làm lễ cưới. Giống như Gough, Margaret đối với người dân Úc cũng là một của lạ. Cô ăn nói mạnh dạn như đàn ông và có những tư tưởng thật táo bạo.

Lấy nhau được ít lâu thì chiến-tranh thế-giới thứ hai bùng nổ, Gough rời ghế nhà trường tình nguyện vào ngành Không-quân Hoàng-gia-Úc. Trong khi chiến tranh tiếp diễn, Gough Whitlam vừa lái máy bay đi thả bom vừa tổ chức hội-thảo chính-trị tại căn-cứ không-quân. Ngay trước khi giải ngũ, Gough đã gia nhập đảng Lao-động. Khi chiến tranh chấm dứt, Whitlam về học tiếp ngành luật-khoa và sau khi tốt nghiệp, thì ông vừa mở văn phòng luật-sư vừa làm chính-trị.

Sau hai lần thất bại, Gough Whitlam đắc cử dân-biểu Hạ-viện Liên-bang vào năm 1952 và từ đó ông liên tiếp tái đắc cử.

II. MỘT CHÍNH KHÁCH KHÔNG GIỐNG AI

Những năm đầu tại Quốc-hội, Gough Whitlam đã gặp nhiều khó khăn không nhỏ: Ngay trong đảng Lao-động người ta cũng nhìn ông bằng cặp mắt nghi kỵ. Đảng Lao-động Úc là một đảng qui tụ các công nhân và nằm trong tay của các nghiệp đoàn. Các chính khách của đảng đều là những người xuất thân từ hàng ngũ thợ thuyền. Whitlam thì lại khác hẳn. Ông là một trí thức xuất thân từ một gia-đình luật-gia trứ danh. Cả đời ông chưa bao giờ làm việc bằng chân tay. Ăn mặc đẹp, nói năng hoạt bát, có học thức, Whitlam đã không giống một ai trong đảng.

Đối với đảng Tự-do, Whitlam lại càng không giống ai. Những người thuộc đảng này đều là đại diện cho trật-tự hiện hữu, nói năng thận trọng, luôn luôn tỏ lòng kính mến Hoàng gia Anh. Trong khi đó Whitlam lại đưa ra một chương trình hoạt động gồm có 130 điều hứa hẹn, nào là ông sẽ trở thành Thủ-tướng, sẽ cắt đứt giây liên liên lạc với «mẫu quốc» Anh tuy mẫu quốc giờ đây đã yếu sùu và hiền khô chẳng bao giờ dám nuôi mộng thống-trị các thuộc-địa cũ nữa.

Nhất là tại Quốc-hội Úc, người ta cố gắng có một thái độ lịch sự kiểu «Ăng-lê» thì Whitlam lại hung hăng nóng nảy đến nỗi ném cả ly nước vào đầu một ông Tổng-trưởng tên là Paul Hasluck. Paul Hasluck giờ đây làm Toàn-quyền Úc tức là đại-diện Nữ-hoàng Elizabeth để đóng vai trò Quốc-trưởng Úc. Tháng 12-

1972 vừa qua khi được bầu làm Thủ-tướng, chính Whitlam đã phải tuyên thệ trước Hasluck là sẽ làm tròn nhiệm-vụ bảo vệ xứ sở.

Nhưng với tính hiếu động Whitlam, trong vòng có 8 năm trời, đã bắt đầu năm được guồng máy đảng. Năm 1960 ông được bầu làm Phó Chủ-tịch đảng. Năm 1967 ông nghiêm nhiên lên làm Chủ-tịch đảng và tuyên bố là sẽ trở thành Thủ-tướng trong vòng 6 năm sắp tới.

Đối với Whitlam, việc ông làm Thủ-tướng là một định mệnh không tránh nổi. Nên đề chuẩn bị năm chính quyền ông đã cải tổ sâu rộng đảng Lao-động. Dưới sự lãnh đạo của Gough Whitlam đảng Lao động không còn là một đảng dành riêng cho giai cấp thợ thuyền nữa. Đảng Lao-động của Whitlam đặc biệt lôi cuốn những công chức và những người thuộc giai cấp trung lưu.

Mộng của ông là nâng cao mức sống cho trên 80% dân chúng bị thiệt thòi nhất trong xã-hội. Ông muốn hướng mọi hoạt động vào công cuộc cải tạo các dịch-vụ tại Úc. Ông nói: «Khi tôi đến ở Sidney, người ta phải đi 20km mới có một cái hồ tắm, 20km mới có một trường học. Tôi phải đợi 4 năm trời mới được mắc «điện-thoại».

Tuy tất cả những giấc mơ, những mục-tiêu của Gough Whitlam đều có tính cách cao đẹp nhưng vì ông có những phương pháp hành động vụng về, thêm vào đó những lời ăn nói

sống sợng nhiều khi đến thô lỗ, nên nhiều người bị mất lòng.

Bà Whitlam cũng loạn ngôn không kém gì chồng. Giờ bà đã có tới 4 con với ông Whitlam. Tony 29 tuổi hiện làm luật-sư ở Sidney, Nick 28 tuổi làm Thủ quỹ tại một Ngân-hàng ở Luân-đôn, Stephen 22 tuổi đang làm việc tại Bộ Ngoại-giao và cô Cathy 19 tuổi mới bắt đầu vào Đại-học. Bà Margaret Whitlam, sau khi thành bà Thủ-tướng, đã tuyên bố với báo chí là bà chủ trương phải trả lương cho các bà nội trợ, bà không chống đối việc trai gái sống chung với nhau ngoài hôn nhân và nên cho phép dân chúng hút bạch-phấn.

Khi nhà báo yêu cầu bà tự so sánh với Sonia Mc Mahon, một bà vợ trẻ đẹp, ưa trang sức trưng diện của cựu Thủ-tướng Úc vừa nhường quyền cho ông Whitlam, bà Margaret Whitlam tuyên bố: «Tôi khác Sonia về đủ mọi phương diện, về tuổi cũng như về thân xác. Tôi chỉ có mỗi cách trang sức là nói chuyện nhộn mà thôi».

Về phong trào giải-phóng phụ nữ bà nói: «Tôi không ưa phong trào đó. Và giải phóng có nghĩa là đả đảo đàn ông, đả đảo «sú-cheng». Tôi mà không đeo «sú-cheng» thì chả còn ai trông thấy đâu tôi đâu nữa».

Trước khi lên làm Thủ-tướng, Whitlam đã không được Tổng Thống Nixon trọng đãi. Đầu năm 1972 ông sang Hoa-thịnh-đốn và xin yết kiến Nixon, bị Nixon từ chối vì «Tổng Thống Hoa-kỳ đang bận

đọc các tài liệu về Trung Cộng». Đây là một lý do vô lý vì nếu Tổng Thống Nixon muốn chuẩn bị chuyến Hoa du thì ông càng nên gặp Whitlam vì ông này vừa ở Trung-hoa lục-địa trở về.

Năm ngoái, Úc chỉ trích Hoa-kỳ ném bom Hà nội, khiến Tổng Thống Nixon lại giận thêm. Nhưng Hoa-kỳ còn tức hơn nữa khi Tổng-trưởng Hầm-mỏ Úc, Reginald Connor, ra trước Quốc-hội, công khai chế diễu Mỹ hạ giá đồng đô-la. Ông nói: «Ngày nay có ba điều xác nhiên ở trên đời là sự chết, thuế má và...sự liên tục phá giá trường kỳ của đồng đô-la Mỹ».

Nhưng từ mấy tháng nay Tổng-Thống Nixon cũng đã nguôi ngoai nhiều vì sau khi thực hiện được ngưng chiến ở Việt Nam ông đã được Whitlam khen là «số dách». Hơn nữa tuy bị tả phái trong đảng Lao-động gây áp lực nặng nề, ông Whitlam vẫn nhất định duy trì liên minh Anzus với Mỹ và giữ các căn cứ khảo-cứu cùng Hải-quân Mỹ trên đất Úc. Đề đền đáp Whitlam, Nixon đã gửi ông Marshall Green sang làm Đại-sứ Hoa-kỳ tại Úc. Ông Green là một nhà ngoại giao cao cấp nổi tiếng nhất tại Bộ Ngoại-giao Mỹ. Cử ông Green sang Úc, ông Nixon muốn tỏ rằng ông coi Úc là một đồng-minh quan trọng.

Đối với Anh, bang giao giữa 2 nước cũng bắt đầu cải thiện. Trong khi ông Whitlam đòi cắt đứt mọi giây liên lạc với Anh, thì Anh lại không mong gì hơn là ông cắt đi cho rồi để họ

còn rảnh tay thân thiết với cộng đồng kinh-tế Âu Châu. Vì vậy mà khi hai vợ chồng ông Whitlam sang viếng thăm Nữ-hoàng Anh, Chính phủ Anh đã bằng lòng là từ nay Nữ-hoàng không ký ủy-nhiệm-thư cử Đại-sứ Úc nữa và Hội-đồng Tư-vấn Hoàng-gia (Privy Council) không còn là Tòa-án Tối cao của Úc nữa.

Sự nhả nhận của Hoàng-gia Anh đã làm cho hai vợ chồng ông Whitlam vui lòng và bớt chống quân chủ. Bà Margaret kể lại là khi bà mang tấm thảm da cừu đến biếu Nữ-hoàng thì Hoàng-đế Edimbourg đã lột giầy ngay trước mặt mọi người để thưởng thức sự ấm áp của tấm thảm.

Dưới quyền lãnh đạo của Whitlam, Úc đang bước vào một giai-đoạn rất trù phú. Len và thịt tiếp tục được bán ra ngoài mang lại những nguồn lợi lớn cho dân chúng. Số thất nghiệp xuống tới mức kỷ-lục trên thế giới là 1,8%. Và mộng của Whitlam là làm sao biến cải Úc thành một vườn địa-đàng khiến ai ai cũng mơ ước.

oOo

Giấc mơ của Gough Whitlam rất dễ

thành sự thực vì Úc đang trải qua một giai-đoạn giàu mạnh. Dân Úc lại ít nên Whitlam có nhiều hy vọng thành công. Nhưng vì ông là một chính khách bốc đồng luôn luôn muốn đẩy quá mạnh và quá sớm những hàng rào bảo-thủ nên người ta e rằng ông sẽ gặp những phản-ứng bất lợi của dân chúng.

Vì chính phủ xiết chặt quyền kiểm-soát kinh-tế, người ta sợ rằng nguồn đầu tư của Úc từ bên ngoài sẽ gặp nhiều trở ngại.

Hơn nữa Whitlam không nắm được toàn thề Nội các. Trong số 27 Tổng Bộ trưởng, một số lớn là do Đại-hội đảng cử ra nên trong Nội-các các mầm tranh chấp đã nảy sinh ngay từ lúc đầu. Sự hối mại quyền thế cũng là một điều mà Whitlam không tránh nổi. Hai vị Tổng-trưởng của ông đã đem con mình vào làm bí-thư để lĩnh lương của chính phủ. Một trong 2 ông bí-thư này lại vừa bị trường đuổi. Cho nên Gough Whitlam dù có hăng hái đến đâu thì xã-hội Úc cũng chưa thể thay đổi bao nhiêu bộ mặt chính-trị, kinh-tế xã hội, trong những năm sắp tới.

TỪ MINH

TIN BUỒN

Được tin Nhà văn **HƯ CHU** NGUYỄN KỲ THỤY đã từ trần tại Saigon ngày 10-5-1973, hưởng dương 51 tuổi,

Xin trân trọng chia buồn cùng Bà Nguyễn Kỳ Thụy và tang quyến, xin cầu nguyện anh hồn Nhà văn **Hư Chu** sớm về cõi Phật.

NGUYỄN HIẾN LÊ, LÊ NGỘ CHÂU
và các văn hữu trong Bách - Khoa.

Bài học Xứ Lào: Chiến tranh và hòa bình

Quân ngoại nhập

Nói đến quân ngoại nhập tại Lào, thông thường người ta nghĩ ngay đến quân Bắc Việt. Điều đó đúng, vì quân Bắc Việt giữ một vai trò quan trọng bậc nhất trong cuộc chiến tranh tại Lào. Tuy nhiên ngoài quân Bắc Việt cũng còn có quân Mỹ, quân Thái và quân Trung hoa, dưới danh nghĩa này hay danh nghĩa khác.

Bắc Việt đã dính líu vào Lào từ lâu. Ngay từ thời kháng Pháp, kháng chiến quân Việt nam đã tràn sang xứ Lào, lập căn cứ và đánh nhiều trận lớn. Trong cuộc chiến tranh Đông dương lần thứ 2, gần như không lúc nào ở Lào vắng bóng quân Bắc Việt. Nhất là từ năm 1964, vì nhu cầu mở rộng hành lang thâm nhập từ Bắc vào Nam, Bắc Việt đã đem 15.000 quân sang Lào vào đầu năm và tăng gấp đôi số lượng này vào cuối năm. Từ 1965 đến 1972, Bắc Việt đã duy trì trung bình 60.000 quân tại Lào, riêng tại hành lang Hồ Chí Minh đã phải đặt thường trực 30.000 quân (Đoàn 559, vận tải và bảo vệ).

Hành lang Hồ Chí Minh của Cộng sản Việt tại Lào là một hệ thống đường xe tổng cộng chừng 2.500 km với trục đường chính chạy từ Bắc xuống Nam nối các cửa ngõ ở biên giới Bắc Việt (Đèo Mụ Giạ,

Bản Karai, Bản Raving) tới các căn-cứ-địa dọc biên-giới Việt-nam Cộng-hòa và đồng thời vào sâu lãnh thổ Kampuchia. Có thể nói việc duy trì hành lang này là một kỳ công của Bắc Việt trong chiến tranh hiện tại, vì hành lang luôn luôn bị đánh phá bằng cả phi cơ chiến thuật lẫn pháo đài bay chiến lược B52. Công việc sửa chữa, mở rộng, thiết lập hệ thống đường vòng... gần như không lúc nào ngơi, sức người sức của đổ ra thật khó mà lường được.

Về nước Mỹ, hoạt động chiến tranh chính ở Lào là những vụ đánh phá bằng không quân có căn cứ ở ngoài lãnh thổ Lào, nhất là tại Thái. Theo Không lực 7, riêng các phi xuất chiến thuật do Không lực này đảm nhiệm đã lên tới 111.872 vào năm 1970 và 90.059 vào năm 1971. Về hoạt động B52, do Bộ Tư lệnh Thái bình dương Mỹ công bố, năm 1971 đã có tới 8.823 phi xuất ở Lào, chiếm 70% số phi xuất chiến lược trên toàn cõi Đông dương.

Ngoài hoạt động phi cơ, không quân Mỹ cũng còn đặt nhiều vị trí radar và điều không trên lãnh thổ Lào, để điều khiển các phi vụ thám sát và oanh tạc ở Bắc Việt. Một vị trí quan trọng đã được Mỹ thiết lập trên đỉnh Phou Pha Thi, (cao độ gần 2.000m, cách biên giới Bắc Việt 27km)

năm 1966. Ngày 13-1-1968, Bắc Việt đã dùng phi cơ bắn phá, nhưng bị hỏa lực của vị trí hạ hai chiếc Antonov-2. Ngày 11-3-1968 Bắc Việt đã đem đặc công đánh tiêu diệt vị trí, giết hàng chục chuyên viên kỹ thuật không quân Mỹ. Chính sự kiện này đã là một yếu tố quan trọng đưa đến quyết định ngưng ném bom trên vĩ tuyến 20 ngày 31-3-1968 của Johnson (1).

Sau này công tác thám sát và điều không đã được Mỹ tối-tân-hóa thêm một bước bằng cách sử dụng những phi cơ trang bị dụng cụ điện tử đặc biệt có khả năng y như một căn cứ radar và điều không trên mặt đất. Hơn nữa, Mỹ còn đẩy mạnh nỗ lực đặt hàng rào điện tử dọc theo hành lang thâm nhập của Bắc Việt để theo dõi các hoạt động di chuyển trên hành lang. Những dụng cụ được dùng có tên chung là máy điện-giác (electronic sensors), nhưng công dụng mỗi loại một khác. Có loại chuyên bắt các chấn động trên mặt đất; có loại chuyên khám phá các vật bằng kim loại chuyển qua; có loại bắt được những vật có nhiệt lượng cao... Những tín hiệu do máy điện-giác phát ra được chuyển tới một phi cơ điện tử trung gian, thường thường là loại EC130, rồi từ đó mới chuyển về trung tâm hành quân đặt ở Thái (2).

Dẫu sao, các hoạt động điện thám cũng chỉ liên quan tới hành lang Bắc Việt, công việc liên hệ mật thiết hơn đến nội tình xứ Lào là hoạt động của bộ phận Cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) tại Lào. Vào

năm 1962, ngay khi các cố vấn và chuyên viên quân sự rút đi theo tinh thần hiệp định Genève thì phòng tùy viên của sứ quán Mỹ và Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ (USAID) tại Lào cũng tăng nhân viên lên đột ngột. Số nhân viên này thực ra là người của Cơ quan Tình báo Trung ương được đổ vào Lào vừa để nối tiếp công việc cố vấn và tiếp vận của Phái bộ quân sự cũ, vừa nhằm vào một công tác mới có tầm mức quan trọng hơn: đó là việc lập hẳn một lực lượng mới mà Mỹ tin là sẽ chiến đấu tích cực hơn dưới quyền điều khiển trực tiếp của Mỹ.

Lực lượng do Mỹ tuyển dụng gồm chừng 30.000, Bộ Tư lệnh được đặt ở Long Cheng trong tỉnh Xieng Khoang, và do tướng Vang Pao chỉ huy. Vùng trách nhiệm của lực lượng này là Quân Khu 2, gồm tỉnh Xieng Khoang (nơi tranh chấp gay go nhất ở Thượng Lào) và tỉnh Sầm Nứa (do Cộng quân kiểm soát gần hết). Lúc đầu Mỹ chỉ tuyển dụng người Mèo, vì người Mèo rất hiểu chiến và có tinh thần tự vệ cao độ; nhưng sau lính Mèo bị thương vong quá nhiều, Mỹ đã phải tuyển cả người Lào Theng (Thượng ở độ cao trung bình) và người Lào miền xuôi. Mặc dầu trấn giữ một khu vực rất quan trọng, có thể coi là bình phong che chở cho Vientiane và Luang Prabang, nhưng vì không kiểm soát được nên

(1) Donald Kirk, *Wider War*, Praeger Publishers, NY, 1971, trang 225.

(2) Xin đọc *Fareastern Economic Review* số ngày 29-1-1972.

Chính phủ Vientiane rất ít quan tâm đến lực lượng này. Vào tháng 3-1970, giữa khi đang có những trận đánh sinh tử giữa Sư đoàn 316 Bắc Việt và liên quân Mèo Thái tại Xieng Khoang làm xôn xao dư luận thế giới, thì ở Vientiane, Thủ tướng Souvanna Phouma mở tiệc cưới con trai linh đình coi như Xiêng Khoang, Sam Thong, Mương Suoi, Long Cheng... không liên hệ gì đến mình.

Có thể nói, trong xứ Lào nhỏ bé với không đầy 3 triệu dân, người ta đã thấy có cuộc chiến tranh hàng đầu Mỹ-BV ở Hạ Lào (khu vực hành lang) cuộc chiến tranh hàng hai giữa Mèo-Thái (do Mỹ thuê) và BV-CS Lào tại Cánh đồng Chum và vùng chung quanh; sau đó mới tới cuộc chiến tranh nhỏ bé hơn giữa lực lượng chính quy hoàng gia với CS Lào, ở các trục lộ và làng mạc.

Đã nói đến lực lượng do Cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ thuê mướn tất không thể không đề cập đến lực lượng đặc biệt Thái, vì lực lượng này đã góp một phần không nhỏ vào chiến tranh Lào. Lực lượng này gồm toàn người Thái, hầu hết là quân nhân trong quân đội Thái đã từ dịch trên giấy tờ để tránh liên hệ đến chính phủ Thái. Cán bộ khung của đơn vị là những sĩ quan, hạ sĩ quan đã tốt nghiệp các quân trường Thái. Tư lệnh của họ cũng là một tướng Thái. Tuy nhiên, ngay khi được tuyển dụng ở Udorn (nơi có phòng liên lạc của Cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ) họ đều được cải tên họ thành Lào và lập căn cước Lào trước khi vượt biên.

Số người Thái tình nguyện vào lực lượng này khá đông, vì lương bổng cao hơn lương đồng cấp trong quân đội chính quy Thái tới 3, 4 lần (1). Về việc điều dụng lực lượng Thái, người ta chỉ biết đại khái vùng hoạt động thường xuyên nằm trên lãnh thổ Lào dọc biên giới Thái; nhiều khi cũng thấy các đơn vị Thái chiến đấu cạnh quân Mèo ở Cánh đồng Chum. Số lượng lính Thái hiện cũng không ai biết rõ (báo chí đã đưa ra nhiều con số khác nhau), nhưng y cứ vào sự phân phối quân viện năm 1972, ta có thể ước lượng lực lượng Thái có vào khoảng 20 tiểu đoàn (2).

Ở trên đã nói đến nhiều mặt trận riêng biệt trên đất Lào nhỏ bé, nhưng trong cái mảnh đất rách nát vì chiến tranh ấy không phải là không có khu phi chiến. Đó là những khu vực có xa lộ Trung Cộng chạy qua ở Thượng Lào. Trung Cộng thiết lập xa lộ dọc ngang trong miền Bắc Thượng Lào từ hàng chục năm nay. Vientiane lơ đi, coi như không biết đến, vì Phouma luôn luôn muốn giữ thế thăng bằng ảnh hưởng giữa các đại cường được đến đâu hay

(1) Một lính Thái ở Thái lãnh 26 Mỹ kim, nhưng được lãnh 75 MK ở Lào mỗi tháng. Một sĩ quan cấp úy lãnh 125 MK. Ngoài ra còn có tiền thưởng đầu quân và tiền thâm niên hậu hĩ. (Phúc trình Lowenstein Moose của Tiểu ban Đối ngoại Thượng viện Mỹ).

(2) Quân viện của Mỹ cho Thái năm 1972 là 251 triệu MK. Trong số có 85,9 triệu dành cho quân chí nguyện Thái ở Lào. CIA ước tính mỗi tiểu đoàn Thái ở Lào phi tổn hết 4 triệu MK mỗi năm.

đến đây. Mỹ cũng lờ đi, không đụng chạm đến vùng trời nơi này, vì Mỹ cũng chẳng muốn gây chuyện với Trung Cộng. Rút cục, nếu có sự tranh chấp giữa các lực lượng bên ngoài tại vùng này thì chính là tranh chấp Trung Cộng - Bắc Việt. Tuy nhiên, đó chỉ là tranh chấp ngầm ngầm trong sự gieo rắc ảnh hưởng chứ chưa thể đưa đến chiến tranh.

Ngay từ khi cướp được chính quyền ở Hoa-lục, một trong những mối bận tâm của Bắc-kinh là làm thế nào để kiến lập được các trục đường tiến xuống các nước Đông-Nam-Á. Vì vậy Bắc kinh đã không ngại tốn phí luôn luôn đề nghị tiếp tay các nước tu sửa lại hệ thống đường xá đã có trước hoặc tân tạo đường xá nơi chưa có, nhưng bao giờ cũng chỉ ở những khu vực tiếp giáp Trung hoa, cụ thể là những đường vượt biên giới Trung-hoa. BV và Miến-điện đã được Trung-hoa tận tình « giúp đỡ » trong công tác này.

Tại Lào, khởi đầu vào tháng 1-1962 Bắc-kinh đã đề nghị với chính phủ Souvanna Phouma, khi ấy là chính phủ liên hiệp, Trung lập - Cộng sản ở Khang Khay (còn tại Vientiane là chính phủ cánh hữu của Boun Oum), đề lập một đoạn đường ngắn nối hệ thống xa lộ Trung hoa (từ Meng la) với tỉnh lỵ Phong Saly. Souvanna chấp thuận và công tác đã tiến hành ngay. Tới tháng 12-1962, nhân chuyến viếng thăm Bắc kinh của tướng Phoumi Nosavan (khi ấy là Phó Thủ-tướng Chính-phủ liên- hiệp ba thành phần), Bắc-kinh

lại đề nghị làm thêm một đoạn nối hai tỉnh lỵ biên giới cực bắc (Phong Saly và Nam Tha) của Lào lại với nhau. Khi loan tin này, Tân-Hoa-Xã ngày 4-12-1962 cũng đã nói rõ là đoạn đường Phong Saly-Nam Tha, nhưng khi thực hiện, công binh Trung Cộng đã tự ý phóng đường từ Meng La trên đất Trung-hoa sang thẳng Nam-tha, không qua Phong Saly. Thâm ý rõ ràng của Trung Cộng là càng làm được nhiều nhánh vượt biên càng hay. Thế là chỉ trong hai năm trời (hoàn thành năm 1964), Trung Cộng đã tạo được hai ngã sang Lào.

Từ 1964, Bắc kinh coi chính phủ Souvanna là chính phủ cánh hữu, bù nhìn của Mỹ, nên chỉ thu xếp riêng với phe Cộng để tiếp tục tiến hành những đoạn đường sau. Đoạn kế tiếp được nối từ biên giới đến Mường Sai. Mường Sai là vị trí tiền phương của CS Lào, đồng thời cũng là căn cứ hậu cần và trung tâm huấn luyện quan trọng, trong đó có các khóa chuyên huấn luyện người Mèo ở Thái đề tung về Thái hoạt động. Cuối năm 1968, một nhánh đường từ Mường Sai hướng lên Đông Bắc và tới 1969 thì dựng Mường-Khoua trên trục đường 19. Trong khi ấy thì BV cũng tu sửa đường 19 nối từ Điện-Biên-Phủ sang. Nghĩa là vào giữa năm 1970 thì con đường Mường Sai - Điện Biên Phủ dài 115km đã hoàn tất. Từ Mường Sai cũng còn một nhánh đường khác đồ xuống phía Tây Nam qua thung lũng sông Beng tới Pak Beng trên bờ sông Cửu long, gần biên giới Thái.

Trên hệ thống đường, Trung Cộng luôn luôn duy trì một số nhân công làm đường và binh lính bảo vệ. Người ta đã ước lượng số lính Tàu ở đây vào khoảng từ 14.000 tới 20.000 vào đầu năm 1971, tới cuối năm tăng lên từ 20.000 tới 26.000, và sang năm 1972, từ 30.000 tới 33.000. Gọi là đề bảo vệ trục đường, nhưng thực tế, trục đường không bị ai khuấy phá cả. Dù sao, người ta cũng đã ghi nhận một đụng chạm nhỏ giữa Mỹ và Trung Cộng ở đây vào tháng 12-1971. Khi một phi cơ C130 mất tích ở vùng này, Không lực Mỹ ở Thái đã phái hai phi cơ đi tìm kiếm nhưng đã bị hỏa lực phòng không bắn lên dữ dội. Sau vụ này, lệnh cấm bay ngang khu vực của Trung Cộng lại càng được thi hành triệt để hơn.

Ngoài sự hiện diện trên khu vực xa lộ, nhân viên Trung Cộng còn có mặt cạnh CS Lào. Một phái bộ do một tướng Trung Cộng cầm đầu luôn luôn bám sát Bộ Tư lệnh Quân đội Giải phóng Nhân dân Lào. Nhân viên phái bộ này đã làm các công tác tuyên truyền, cổ vũ chiến thuật và huấn luyện, giúp điều hành về mặt kỹ thuật một đài vô tuyến truyền thanh và kiểm soát việc vận chuyển đồ viện trợ của Trung Cộng cho CS Lào qua ngã Bắc Việt. Ngoài ra, Trung Cộng còn đặt tại Phong Saly một tòa Tổng Lãnh sự.

Tuy, trên nguyên tắc, tòa này trực thuộc Đại sứ quán của Trung Cộng tại Vientiane, nhưng chính quyền Vientiane không mấy may kiểm soát được. Phong Saly là một tỉnh nằm

trong khu vực CS Lào, nhưng ảnh hưởng Trung Cộng mạnh đến nỗi tỉnh này gần như tự tách ra khỏi lãnh thổ Lào để nhận lệnh trực tiếp của Bắc Kinh. Tỉnh trưởng Kham-mouane Boupa, nguyên là một tướng thuộc phe Trung lập, nhưng đã chạy sang phe Cộng và được Trung Cộng móc nối. Ảnh hưởng Trung Cộng hiện đang lấn sang Nam Tha và Bắc Luang Prabang làm cho BV lo sợ nên càng phải xiết chặt quyền kiểm soát ở Sầm Nứa hơn.

Tiến tới hiệp-định đình-chiến thứ 3.

Vì chiến tranh tại Lào chỉ là cái đuôi của chiến tranh Việt-nam, nên một khi vấn đề Việt-nam chưa được giải quyết dứt khoát thì vấn đề Lào cũng không thể thu xếp ổn thỏa. Do đó, vào năm 1968, khi hòa đàm Việt-nam được khai diễn ở Pa-ri thì các phe Lào cũng rục rịch nói chuyện. Ngày 22-7-1968 Ủy ban Trung ương của "Mặt trận Lào Yêu nước" đã đưa ra lời tuyên bố không công nhận thỏa hiệp nội bộ Lào trong việc thể hiện chính phủ ba thành phần năm 1962 nữa, mà mọi việc điều giải vấn đề Lào phải y cứ vào Hiệp-định Genève 1962 về Lào. Trong khi ấy tại Vientiane, Souvanna vẫn giữ lập trường cố hữu là không cần có điều giải gì mới hết, 4 ghế trong nội các liên hiệp dành cho CS Lào vẫn còn đó, phe CS chỉ việc "trở về" làm việc lại là xong.

Ngày 6-3-1970, phe CS, vẫn dưới danh nghĩa Ủy ban Trung ương "Mặt

trận Lào Yêu nước» đã dứt khoát đưa ra 5 điểm cụ thể làm nền tảng cho các cuộc thảo luận. Đề nghị này đã dựa vào tinh thần giải pháp toàn bộ 10 điểm của Cộng sản Việt được đưa ra ngày 8-5-1969 (dưới danh nghĩa « Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam VN »), nhằm tái lập chính phủ liên hiệp (dĩ nhiên theo dàn xếp mới) chấp nhận 5 nguyên tắc sống chung hòa bình (do Trung-Cộng đề xướng) và buộc Mỹ phải rút hết nhân viên và vũ khí ra khỏi Lào. (1) Souvanna đã phúc đáp đại ý bác bỏ điều kiện tiên quyết (điều kiện tiên quyết của CS là Mỹ ngưng ném bom), đòi bên cứ tiến hành ngay việc ngưng bắn và đề Ủy-ban kiểm soát quốc tế làm nhiệm vụ kiểm soát đình chiến, rồi sau đó ba phe sẽ họp để tìm giải pháp.

Ngày 27-4-1971, CS lại đưa ra 2 điểm trong thông cáo chung của hội nghị liên tịch giữa « Mặt trận Lào Yêu nước » và « Liên minh các lực lượng Trung lập Yêu nước Lào ». Hai điểm này cũng không có điều gì khác biệt với 5 điểm cũ, vì thực ra chỉ nhằm lập lại đề nghị đã có từ trước nhưng dưới danh nghĩa mà Cộng sản tự cho là rộng lớn hơn. Ngày 26-6-1971, Souvanna trả lời không đáp ứng đề nghị mới và vẫn lập lại rằng « điều cấp bách hiện nay là phải đi đến một cuộc ngưng bắn trên toàn bộ lãnh thổ Lào ».

Sau đó là một loạt thư từ trao đổi giữa hai anh em Souvanna Phouma và Souphanouvong, trong đó có những chuyển hướng quan trọng như

thư của Souphanouvong ngày 22-6-1971 chấp nhận đề nghị thực hiện ngưng bắn trước, thư của Phouma ngày 27-7-1972 chấp nhận lấy giải pháp chính trị 5 điểm của Cộng sản làm căn bản hòa đàm. Dĩ nhiên, đó là những thỏa thuận giữa Hà-nội và Hoa-thịnh-đốn, hai anh em ông Hoàng Lào chỉ là người phát ngôn.

Khó khăn cơ bản của việc thu xếp cho một cuộc hòa đàm là vấn đề đại diện phe Trung lập. Ngày 20-7-1972, bản tuyên bố của Ủy ban Trung ương « Mặt trận Lào Yêu nước », nhân dịp kỷ niệm 10 năm ngày ký hiệp định Genève 1962 về Lào, đã cáo buộc chính phủ Phouma là phản động chỉ phục vụ cho sự can thiệp và xâm lược của Mỹ, đồng thời cũng nhắc lại lập luận cũ là chính phủ 3 phái đã không còn nữa kể từ cuộc đảo chính 19-4-1964.

(1) 5 điểm tóm lược về giải pháp chính trị cho vấn đề Lào của Ủy ban Trung ương « Mặt trận Lào Yêu nước » công bố ngày 6-3-1970 như sau :

1. Mỹ phải chấm dứt việc oanh tạc lãnh thổ Lào, rút hết cố vấn, nhân viên quân sự và vũ khí của Hoa-kỳ ra khỏi Lào.

2. Lào sẽ thi hành chính sách 5 nguyên tắc chung sống hòa bình và nhận viện trợ của tất cả các nước nếu không kèm theo điều kiện ràng buộc nào.

3. Tôn trọng ngôi vua và thành lập chính phủ dân chủ và liên hiệp dân tộc.

4. Mở hội nghị hiệp thương để giải quyết mọi công việc của Lào và lập chính phủ liên hiệp lâm thời.

5. Các lực lượng thân Hoa-kỳ phải rút khỏi các vùng họ đã chiếm đóng và đưa dân chúng trở về quê cũ, cùng bồi thường thiệt hại.

Sau cùng, hội nghị cũng đã được triệu tập và mỗi bên đều tự nhận đại diện cho cả phe mình (tả hoặc hữu) lẫn phe Trung lập. Do đó phái đoàn CS mới có đại diện « Mặt trận Lào Yêu nước » và đại diện « Liên minh các Lực lượng Trung lập Yêu nước Lào » (tướng Phoume Sipraseuth), trên thực tế cả hai đại diện đều được đặt dưới sự chi phối của cố vấn Phoumi Vongvichit, Tổng Bí thư « MT Lào Yêu nước ». Còn Vientiane thì cố xoay chuyển để lập lại ngôi vị « ông Hoàng trung lập » cho Phouma, trong đó có việc thành lập đảng Trung-lập (nhưng mãi đến 17-2-1973 mới bầu được Ban Chấp hành Trung-ương).

Hội nghị đã diễn ra khá lằng nhằng trên vấn đề thủ tục ; mãi đến khi có hiệp định Paris về Việt nam (27-1-1973), guồng máy hội nghị mới chạy đều đặn. Tuy vậy, cũng đã phải mất gần một tháng sau, ngày 20-2-1973, đôi bên mới thỏa thuận xong văn kiện được gọi là Hiệp định về Lập lại Hòa bình Thực hiện Hòa hợp Dân tộc ở Lào. Cộng-sản Lào đã thuận vì Bắc Việt thuận. Bắc Việt thuận vì đã hoàn tất kế hoạch chuyển nhập xuống căn-cứ-địa Đông dương 15.000 quân, 250 xe tăng, 50 thiết vận xa, một số lượng quan trọng đại pháo 122 ly, 130 ly, trên 1300 tấn đạn dược và quân nhu (1), mặc dù trong suốt thời gian này Mỹ đã oanh tạc liên miên xuống hành lang Hồ Chí Minh với mức độ 50 phi xuất B52 và 200 phi xuất chiến thuật mỗi ngày. Con về phía Mỹ,

Mỹ muốn có một thỏa ước về Lào trong tay khi đi dự hội nghị quốc tế về Việt-nam ở Paris ngày 26-2-1973. Vì vậy, Bạch-cung đã gửi Sullivan tới Vientiane để gây áp lực với Phouma. Áp lực cụ thể là Mỹ sẽ đơn phương ngưng ném bom từ ngày 25-2. Phouma đã phải miễn cưỡng chấp nhận, cả với điều « chua sót » là chính phủ mà ông cầm đầu chỉ được gọi là chính phủ Vientiane (thay vì chính phủ Hoàng gia Lào), còn phe bên kia thì được gọi là Các lực lượng Yêu nước !

Ngày 21-2, hiệp định đã được ký kết lúc 11 giờ tại tư dinh Thủ-tướng Phouma. Toàn văn hiệp định gồm 5 phần, 14 điều khoản. Nội dung đã được dựa theo bản hiệp định về Việt-nam, tuy nhiên tính chất « ngang nhau » của hai phe rõ rệt hơn, do đó có lợi hơn cho phe Cộng-sản Lào, so với phe Cộng-sản ở Nam Việt-nam. Theo hiệp định, hai bên sẽ ngưng bắn ngay từ ngày hôm sau, 22-2-1973 ; Sau đó thành lập ngay ban liên hợp thi hành hiệp-định hai phe. Trong vòng 30 ngày sau, chính phủ liên hiệp dân tộc lâm thời và hội đồng chính trị hiệp-thương sẽ được thành lập, vừa đề điều-hành quốc sự vừa bắt tay ngay vào việc tổ chức bầu Quốc hội và lập Chính phủ liên hiệp dân tộc chính thức. Trong vòng 60 ngày sau khi chính phủ lâm thời được thành lập, các lực lượng ngoại nhập sẽ phải rút ra khỏi Lào

(1) Ngũ giác đài công bố, qua bản tin của AP ngày 20-2-1973 tại Hoa thịnh đốn.

và những người đôi bên bắt giữ sẽ được trao trả.

Đề giải quyết vấn đề phe thứ ba, cũng như trong hiệp định về Việt Nam, Hiệp định về Lào đã quy định sẽ do đôi bên thỏa thuận, nghĩa là mỗi bên sẽ góp người của mình. Nói trắng ra thì chẳng làm gì có phe thứ ba, vì quãng đại quần chúng có tự tách ra thành thứ nhất, thứ hai gì đâu mà có thứ ba, thứ tư. Thực sự đó chỉ là danh từ mà một số chính khách "mặt tăng" tự nhận trong khi chưa được tả hay hữu thu dụng. Một khi có "chỗ" ngon lành, chính khách loại này sẽ tức khắc tự đồng hóa với bên cho "chỗ". Cảnh ấy đã thấy đầy đây, không cần phải đưa thí dụ ra đây làm gì.

Trên lập trường dân tộc, thể đứng của nhân dân là thể đứng không bao giờ thay đổi, đó là thể đứng của những người bị áp bức trong một nước bị xâm lược. Thể đứng ấy tự đối lập với kẻ xâm lược. Hôm nay xâm lược là Cộng sản, là Tư bản; hôm qua chúng đã từng là thực dân, là phát xít; ngày mai chúng có thể là X là

Y gì đó. Và nói chung, chúng cùng là một thứ, ở cùng một bên, bên đối lập với quần chúng nhân dân trong quốc gia bị chúng chọn làm đối tượng khuynh đảo.

Thành ra, hiệp định này, thỏa ước nọ chỉ là chuyện của các phe đối chiến, nạn nhân không có tiếng nói và cũng chẳng được hỏi tới. Nhìn sang Lào, hữu phái lạc quan sẽ cho rằng rút cục sau 1/4 thế kỷ chiến đấu, CS cũng đã chẳng đạt được ý đồ xích hóa xír Lào của chúng. Điều ấy đúng. Nhưng đối với CS, sự thành công không nhất thiết chỉ hạn chế trong cuộc đấu tranh của một thế hệ. Kế hoạch gia CS sẽ tính sổ một cách thiết thực hơn như sau: "Trong thành phần Chính phủ Liên hiệp ở Vientiane, tả phái đã được chia 2 ghế trong Liên hiệp 1 năm 1958, 4 ghế trong Liên hiệp 2 năm 1962, 11 ghế trong Liên hiệp 3 năm 1973". Và cứ cái đà lũy tiến ấy, chắc Liên hiệp 4 (nếu có) tả phái sẽ lãnh đủ 22 ghế trong cái nội các cũng vừa 22 ghế ở Vientiane!

PHẠM VIỆT CHÂU

Đã phát hành :

MỘT MÌNH, NHƯ CÁNH LÁ

thơ HẠC THÀNH HOA

GIAO ĐIỀM xuất bản

Hãy đọc MỘT MÌNH, NHƯ CÁNH LÁ để biết vì sao thi phạm đầu tay của Hạc Thành Hoa (do VĂN xuất bản) đã bán hết.

PROSTAGLANDINE

Thuốc trị bá chứng

Vài con số để chỉ rõ ngay tầm mức quan trọng của loại thuốc mới này : từ hai, ba năm nay, 500 phòng thí nghiệm sinh vật hóa học khắp các nước, nhất là ở Hoa-kỳ, Thụy-sĩ, Nhật-bản, Anh, Pháp và Đức, đua nhau khảo cứu ; đã có gần 2000 bản thuyết trình đầy dẫy trên các báo chuyên môn ; hiện nay, trung bình mỗi ngày có hai bài bản về chế tạo hay tính chất của những loại thuốc ấy. Sau các thuốc kháng sinh, cortisone, chúng ta đang bước chân vào thời đại prostaglandine.

Prostaglandine, gọi tắt là PG, là thuốc gì mà được kỹ nghệ bào chế đồ xô vào như vậy ? Lúc đầu được đưa ra làm thuốc viên ngừa thai, nay nó đang nhảy vào mọi lãnh vực trị liệu, từ cảm suyễn, phong thấp đến tăng gia huyết áp, ung thư dạ dày. Thật gần hẳn một chất thuốc trị bá chứng. Lẽ tất nhiên trong số mục đích mà các phòng thí nghiệm đang đeo đuổi sẽ có một phần lớn không đạt được tiêu chuẩn, nhưng trong lúc chờ đợi, mọi hy vọng đều được ấp ủ, nâng cao. Điều đáng được chú ý nhất là trước khi kỹ nghệ được phẩm tổn công bỏ của vào công cuộc khảo cứu, chất PG chưa từng được chứng minh là một chất thuốc hoàn toàn hay ho mà không đem lại một chút bất tiện nào.

Một đầu và hai đuôi.

Cách đây khoảng bốn mươi năm, hai nhà sinh lý học Mỹ Kurzrok và Lieb đã chứng minh tinh dịch cơ thể gây ra co thắt hay bất giãn tử cung. Năm 1936, giáo sư Von Euler,

người Thụy-điền, vừa mới được giải Nobel sinh lý và y học, đặt tên protaglandine cho một chất ông trích được từ tinh dịch con người ra và tưởng nó chỉ được chế tạo trong dịch quan mà thôi : người Âu Mỹ gọi cơ quan này là prostate. Ngày nay tên vẫn còn được giữ mặc dầu người ta đã tìm được các chất cùng loại, ít nhất cũng 16 công thức tương tự, ở trong hầu hết các cơ quan của cơ thể.

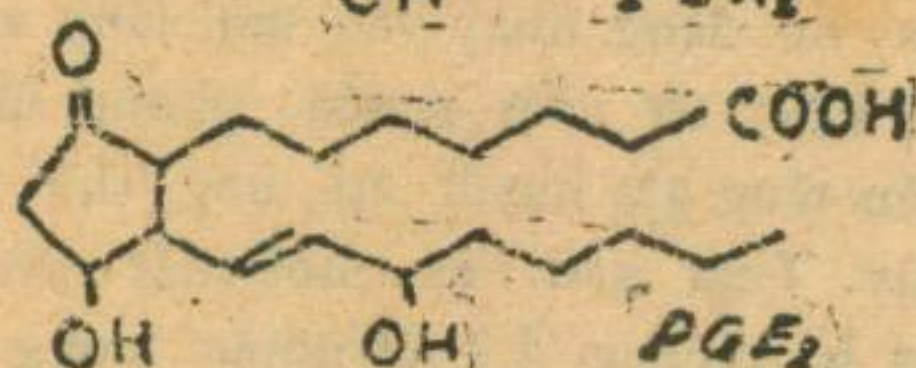
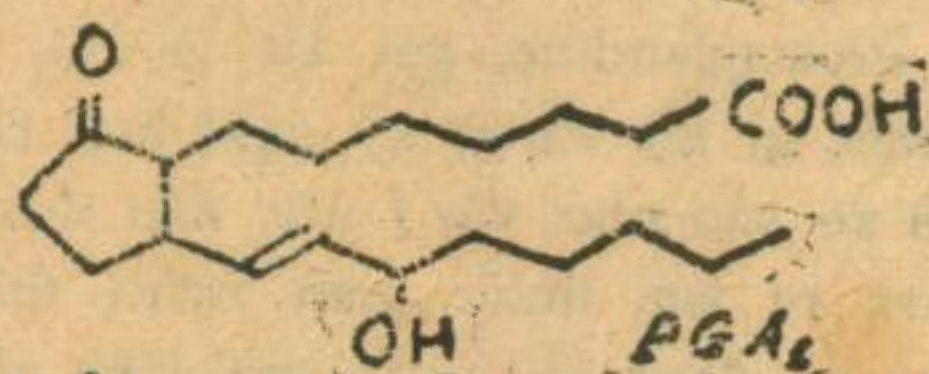
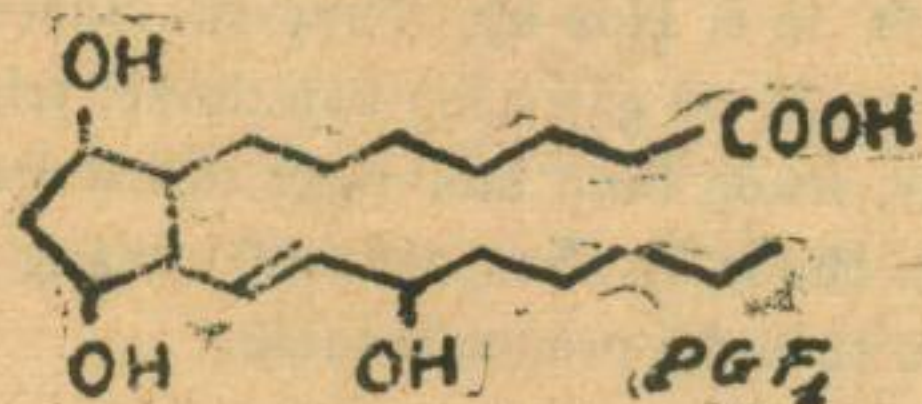
Cả ba nhà khảo cứu này đều chú ý đến PG vì nó có tính chất rất hay là kích thích bắp thịt và giảm hạ huyết áp. Nhưng vào thời ấy các phương pháp phân giải hóa học chưa được tân tiến nên rất khó lòng đeo đuổi cuộc học hỏi. Hai mươi năm sau, một nhà bác học Thụy-điền khác, Sune Bergstrom, trở lại cuộc khảo cứu. Ông tìm ra được PG trong các tuyến hạch tinh dịch của cừu. Người ta bảo vì cần tăng gia ngân sách phòng thí nghiệm, ông đã phải cộng tác với một bạn đồng nghiệp cũ, bác sĩ David Weisblat, hiện là một trong những giám

đốc các phòng thí nghiệm Upjohn bên Hoa-kỳ. Từ đây, cuộc khảo cứu tiến hành mau lẹ. Bên phần Bergstrom thì ông tiếp tục khai trích được luôn 13 loại PG. Còn hãng Upjohn thì chuyên về phương pháp tổng hợp các chất ấy. Ngân sách dồi dào, phương tiện đầy đủ, các PG không mấy chốc được lôi ra ánh sáng, làm thành mỏ vàng mà mỗi viện bào chế muốn rút một phần về cho mình.

Chúng tôi không có ý định làm rối bạn đọc với những công thức hóa học hữu cơ rườm rà, có khi chẳng có ích chi cho cuộc hiểu biết, nhưng tưởng cũng nên thấy sơ qua cấu tạo các PG. Trước hết nên biết công thức của chúng tương đối đơn giản hơn công thức các kích tố. Vì vậy nếu kích tố được chế tạo ở một nơi nhất định rồi cơ thể di chuyển nó đến chỗ cần dùng, thì các chất PG được tổng hợp tại chỗ và không xê dịch đi đâu.

Rường cột các chất PG là một cái đầu năm cạnh (nghĩa là có 5 nguyên tố carbone ở 5 đỉnh) và hai cái đuôi dài, một cái có 8 nguyên tố carbone, cái kia chỉ có 7 nhưng lại thêm vào một chức acide: trong mỗi đuôi có một hay nhiều dấu nối đôi. Những PG khác nhau ở số và chỗ những dấu nối đôi này, ngoài những nhánh oxy (O) hay hydroxy (OH) mọc lên ở đầu hay đuôi. Người ta chia 16 chất PG đã được khai trích làm thành 6 nhóm: A, B, C, D, E, F cùng rường cột với acide prostanoïque nhưng acide này không

có một hoạt động sinh lý học nào.



PCF₁, PGA₁, PGE₂ là những chất prostaglandine được học hỏi nhiều nhất.

Thuốc ngừa thai lý tưởng

Ta biết sơ cấu tạo PG như vậy là đủ. Bây giờ hãy xét đến những tính chất của chúng.

Hoạt động sinh lý học của các chất PG đã biết được lúc trước về co thắt bắp thịt lẽ tất nhiên hướng các nhà khảo cứu về môn sản khoa. Người ta đã muốn dùng PG hoặc để phát khởi cuộc sanh sản hoặc để gây ra cuộc sảy thai. Những thí nghiệm lâm sàng đã chỉ rõ những PG loại E và F đã có những hiệu ứng rất mãnh liệt lên tử cung mang thai. Khi thuốc được tiêm vào trước khi sanh để thì những

co thắt diễn ra điều hòa. Đến nay chỉ có kích tố oxytocine từ não thụ tiết ra là được xác nhận có độc quyền điều khiển những co thắt. Và trước prostaglandine thì chỉ có oxytocine là được dùng trong những cuộc sanh đẻ khó khăn.

Đến nay, vì thí nghiệm còn ít, người ta chưa có thể so sánh rõ ràng để xem chất nào tốt hơn, nhưng PG như tuồng đã thắng được một mặt rồi: nó không giúp cơ thể giữ nước lại. Mà người ta lại biết hiện tượng này rất quan trọng ở trạng thái động kinh nơi người đàn bà sắp ở cữ, đặc biệt khi người này mắc chứng đau tim hay đau thận. Ở bên Anh, đấu thủ đang tiến hành giữa oxytocine và PGE_2 .

Đây là bàn về tác dụng vào lúc sanh đẻ. Nếu xét trong thời kỳ thai nghén thì kích tố oxytocine không có một chút hiệu ứng nào lên tử cung. Vì vậy đến nay trong trường hợp cần phải cho sảy thai, người ta chỉ biết những phương pháp cơ học. Bây giờ các chất PG đưa lại một phương tiện dễ dàng và ít đem đến những bất tiện thường thấy nếu không chỉ là ít nhiều buồn nôn, tháo dạ. Hai nhà khảo cứu Wiquist và Bygdeman ở Stockholm vừa mới chứng minh dùng PGF_2 cho tiêm vào đàn bà có thai từ 6 đến 8 tuần, trong luôn 7 giờ với những định phân càng ngày càng lớn thì tất cả 7 trường hợp được đem thí nghiệm đều đưa lại sảy thai. Đáng khác, người ta cũng nhận thấy cho PGF_2 vào cơ thể khi cái ngày từ đầu chu kỳ kinh nguyệt

thì chất này cũng ngăn cản được hoạt động của vật vàng, không để nó tiết ra kích tố cần thiết cho cuộc đóng trứng ở tử cung.

Như vậy thì PG thành ra thuốc ngừa thai, phá thai lý tưởng vì theo một định nghĩa đã từng được đưa ra ở một hội nghị thì thuốc phải không độc mà là hiệu nghiệm, dễ dùng, người đàn bà có thể một mình uống khi cần. Ngày nay người ta có thể dùng thuốc PG theo hai phương cách: hoặc để ngừa thai thì dùng định phân nhỏ từ lúc thai có thể thụ, hay để phá thai thì dùng định phân lớn, thai sẽ sảy tức khắc, có khi quá 5 tháng cũng thành công. Người ta tính đến nay đã có hơn 2000 người chịu cho dọa thai với thuốc PG mà chưa thấy có trường hợp nào gặp bất tiện, khó khăn. Dễ dàng như vậy nên đã có người gán cho nó tên thuốc nhuận trường tử cung.

Chưa biết rõ cơ chế

Nhưng PG không chỉ phải hay ho ở trong lãnh vực ngừa thai, phá thai. Chất này còn có thể dùng để điều hòa kinh nguyệt. Người ta còn biết 8% đàn ông không có con được vì thiếu PG!

Ngoài ra, PG còn cống hiến nhiều hy vọng trong địa hạt huyết áp tăng gia. Từ nhiều năm nay, các nhà khảo cứu đã từng dò kiểm yếu tố trong thận lãnh trọng trách điều hòa huyết áp. Thật vậy, thí nghiệm cắt thận ở thú vật thì thấy ngay huyết áp tăng lên. Nhà sinh lý học James Lee

ở Viện Đại học Saint-Louis có khai trích từ thận ra được một chất đặt tên là "medulline". Sau này đem phân giải thì là một chất PG. Nó tác dụng theo hai tính chất khác nhau : một đằng nó cho nở rộng mạch máu, một đằng nó điều hòa huyết thông quanh thận. Theo nhà bác học này thì huyết áp tăng gia vì thiếu PGE_2 . Những cuộc trị liệu dùng PGA đã đem lại kết quả mỹ mãn, huyết áp trung bình từ 20/10 đã xuống đến 14/8.

Nhưng muốn được xứng với danh hiệu thuốc trị bá chứng, PG còn phải chữa cho lành được nhiều chứng bệnh khác. Tuy nhiên, ngoài những áp dụng đã thấy, những tính chất sau đây còn nằm ở vòng thực nghiệm.

Trong lãnh vực hô hấp, PGE_1 như tuồng có thể cho nở cuống phổi từ 10 đến 100 lần lớn hơn so với những thuốc hiện được thường dùng như isoprenaline, mà không gây ra một chút thay đổi gì ở các mạch tim. Đẳng khác PGE_1 giảm hạ rất nhiều tính chất các tiểu bào huyết có thể tập hợp và di chuyển: từ đây, người ta đã nghĩ cách dùng nó để chống những chứng huyết tắc.

Chất PG còn tỏ ra có thể ngăn chặn dịch vị, làm tan mủ trong mũi khi bị cảm. Tuy nhiên, người ta cảm thấy chưa biết được tất cả các tính chất của các chất PG. Trái lại, lắm khi người ta đang còn phân vân trước thái độ của vài loại. Chẳng hạn có PG làm giảm hạ huyết áp thì lại

có PG làm tăng huyết áp. Lại hơn nữa là có PG khi cho tiêm vào não thất thì gây ra hiệu ứng đỡ đau, nhưng nếu cho vào mắt thì trái lại làm tăng gia vô cùng áp lực bên trong. Và thật ra người ta chưa biết rõ cơ chế tác dụng của các PG lên thần kinh hệ. Rất có thể một chất đã được dùng để vận dụng thông điệp ở các PG cũng như ở các kích tố : chẳng hạn những adenosine monophosphate còn gọi là AMP kết vòng mà chúng tôi sẽ bàn tới trong một dịp khác.

Xin kê sơ qua sau đây một vài thí nghiệm trên thú vật khó giải thích : cho PGE vào não thất mèo thì nó trở nên sợ sệt và run rẩy ; cũng PGE này cho tiêm vào mạch máu gà con thì làm các bắp thịt trở nên yếu ớt, nhu nhược, còn nếu cho tiêm PGF thì chân và cổ lại dài ra. Người ta đã tìm ra được nhiều PG trong các tổ chức não bộ. Tuy chưa định rõ được vai trò PG trong công cuộc điều hòa các chức vụ của thần kinh, người ta nghi PG đã đụng chạm đến hoạt động các tế bào thần kinh. Như vậy thì thấy tác dụng của những PG rất là nhiều mà lại có vẻ lung tung, hỗn độn. Các nhà khảo cứu đang tìm kiếm một điểm chung, một tính chất gì có thể làm liên quan giữa các tác dụng ấy. Nhìn kỹ công thức thì chẳng thấy thay đổi bao lắm từ một PG này qua một PG khác. Đẳng khác công thức các PG cũng không khác mấy công thức các kích tố : đây chẳng phải là chuyện tình cờ !

Coi chừng cuộc ứng dụng

Nhiều giả thuyết nay đã được đưa ra làm căn bản cho cuộc khảo cứu. Giả thuyết được thịnh hành nhất là PG đã đóng một vai trò điều hòa như kích tố nhưng chỉ ở những vị trí nhất định, có khi chống đối các tác dụng của kích tố. Người ta chưa giải thích được cơ chế điều hòa của PG nhưng 500 phòng thí nghiệm đang phong tỏa, bao vây như đề lung bắt một thủ phạm. Và trước những lợi ích khá rõ ràng đã được đặt làm mục đích, những phòng thí nghiệm này đang ráo riết tìm kiếm.

Mỗi một nhóm khảo cứu làm việc theo một con đường riêng biệt. Đặc biệt những nhân viên các phòng thí nghiệm bào chế thì chỉ kiểm cách khai trích PG từ các tổ chức thú vật. Họ đã khám phá chẳng hạn loại san hô *Plexandra Homomalla* là một nguồn nguyên liệu PG quý báu vì vừa nhiều, vừa rẻ. Hơn nữa, một phòng thí nghiệm khác vừa tìm ra được cách chế biến các PG đã khai trích ra, không có tác động, thành những PGE_1 và PGF_2 , hoàn toàn năng động.

Còn có nhiều cuộc chế biến khác, từ PG này qua PG nọ, đem lại những loại PG kháng cự được giếu tố hay những cuộc tiêu hủy có dưỡng khí. Đáng khác, người ta cũng

vừa tìm ra được cách phân giải các PG cho nên có thể biết được tường tận chẳng hạn số lượng PG trong cơ thể. Người ta còn biết cơ thể sản xuất mỗi ngày 100 microgramme (1 microgramme là một phần ngàn miligramme) PGE. Sau đấy, chất PG nhân tạo đầu tiên cũng đã ra đời.

Biết bao khám phá về mặt tính chất, tổng hợp, cũng như về phía tìm hiểu cơ chế tác dụng đang tới tấp dồn dập đề một ngày mai đây trong bất cứ lãnh vực trị liệu nào người ta cũng chỉ nói đến prostaglandine, như một độ nào aspirine đã là chất thuốc được dùng rất nhiều trong mọi trường hợp. Nhưng y dược là những ngành quan trọng, khó khăn. Đừng nên vội tưởng tìm ra được một tính chất của một chất thuốc là đủ: còn cần phải biết tất cả các tác dụng khác, có khi nguy hiểm cho cơ thể. Vì vậy trong kỳ hội nghị vừa qua tại New-York dành cho Prostaglandine, những chuyên gia lên tiếng yêu cầu các khảo cứu viên phải coi chừng, nhất là những người mới nhập làng PG. Chỉ mong rằng sau này nếu ta còn trở lại PG thì đề bàn tới cuộc cách mạng trị liệu mà nó đã gây ra chứ không phải đề than phiền về những phá hoại trong cơ thể vì đã đem dùng mà chưa hiểu biết tường tận.

VÕ-QUANG YẾN.

Sách do An Tiêm xuất bản :

- KHUNG CỬA HẸP của André Gide
sách in lần thứ 5, ấn loát toàn trên giấy đẹp và một phụ bản 4 màu của Đinh Cường.
- AO NGHĨA THƯ *Upanishads*
do Aurobindo bình giải, Thạch Trung Giả dịch.
- THỰC HIỆN TOÀN MÃN, *Sâdhanâ*
của Rabindranath Tagore
bản dịch của Nguyễn Ngọc Thơ
- KẼ LẠ Ở THIÊN ĐƯỜNG
của Simone Weil, bản dịch của Phùng Thăng
- TÔI VÀ EM
truyện dài của Hoàng Ngọc Tuấn
- MỘT THỜI ĐỀ YÊU VÀ
MỘT THỜI ĐỀ CHẾT
tiểu thuyết của Remarque, bản dịch của Cô Liệu,
sách in lần thứ 4.
- HIẾN CHƯƠNG GIÁO DỤC
sách của Kim Định, in lần thứ 2.
- TẶNG VẬT
của Rabindranath Tagore
Đỗ Khánh Hoan dịch và giới thiệu.
- THIỀN LUẬN (III)
của D.T. Suzuki bản dịch của Tuệ Sỹ
- THIỀN HỌC GIẢNG THOẠI
của D.T. Suzuki, bản dịch của Nguyễn Ngọc Thơ.
- TỊNH KHẦU
Thơ Nguyễn Đức Sơn

Những sách rao ở trên có cuốn đã phát hành, có cuốn đang in và tất cả sẽ phát hành trong tháng 5 và 6-73. Các vị mua sách lẻ và các hiệu sách xin liên lạc với những địa chỉ sau đây : nhà ĐỒNG NAI, 240, Đề Thám Saigon, nhà LÁ BỐI, Chung cư Minh Mạng Saigon và 243 Hồng Thập Tự Saigon...

NGỤ NGÔN

Nội-dung trong văn-thể

Dù cho bề ngoài có những chỗ giống nhau hay khác nhau giữa Đông và Tây phương, rõ ràng là đâu đâu ngụ-ngôn cũng đang xác-định cho mình một số đặc-điểm về nội-dung để trở thành một văn-thể có cương-vị riêng biệt :

Nhiều ngụ-ngôn đã đi được vào đại-chúng nhờ ở nội-dung : cha dạy cho con, thầy dạy cho trò, từ chợ búa đến diễn-đàn, đâu đâu hễ có cơ-hội là người ta không quên dùng ngụ-ngôn cho câu chuyện thêm đậm-đà ý-nghị và nhất là để dễ thuyết-phục người nghe, mặc dù ai cũng biết ngụ-ngôn chỉ là chuyện *hoàn toàn bịa đặt* !

Cho nên, một đảng thì chỉ là chuyện bịa, một đảng thì chứa đựng một sự thực nhờ đó mà được bày tỏ rõ-ràng, ngụ-ngôn là *cộng-sinh giữa hai cái mâu-thuẫn*. Thần-thoại không đích-thực là ngụ-ngôn vì còn ít nhiều vẻ tôn-nghiêm không được tục-phạm như chuyện bịa. Cồ-tích cũng không phải là ngụ-ngôn khi người ta còn tin ít nhiều rằng nó đã được dệt thêu từ một chuyện có thực. Tiều-thuyết vì dài-dòng, văn-hoa, kênh-kieu lại được xây dựng quá chặt-chẽ, bởi vậy đó là chuyện có thể có, có thể thực, nên dù bịa đặt nhưng cũng không thể là ngụ-ngôn. Có thể nói không sai rằng « ngụ-

ngôn » là làm một chuyện ngược đời : *lấy cái giả mà thể-hiện ra cái thực*. Vì ghi nhận được một chân-lý có giá trị lâu dài nên ngụ-ngôn mới được lưu-truyền phổ-biến rộng-rãi ; vì chỉ là chuyện bịa đặt nên nó đem lại được thích-thú sáng-tạo cho người kể và cả thích-thú khám-phá tìm hiểu cho người nghe. Bởi đó mà nó xứng đáng có một chỗ đứng trong văn-chương, nghệ-thuật vì cứu cánh của nghệ-thuật là phát-huy sức sáng tạo nơi con người, vì tác-động của nghệ-thuật là lôi cuốn, quyến rũ : Tô-Tàn nhờ uốn ba tấc lưỡi bịa ra chuyện « bạng duật tương trì » mà thuyết-phục được vua Huệ-vương nước Triệu bỏ ý-đồ gây cuộc binh-đao. La Fontaine đã thấy cái huyền-diệu ấy của ngụ-ngôn cũng như người xưa thấy cái huyền-diệu của văn-chương và tài hùng-biến : « Tôi không hiểu làm sao mà người xưa không cho ngụ-ngôn là đã từ trên trời xuống và đã do một vị thần-linh gọi hứng cho con người như là thi-ca và tài hùng-biến vậy (Préface de La Fontaine 1668) ».

Ở Đông-phương vì ngụ-ngôn được sử-dụng kín đáo nên không thấy có ai phê-phán về loại văn này. Bên Tây-phương vì nó tự xưng danh nên đã có người nói này nói nọ : J. J. Rousseau đã chỉ-trích nặng-nề những ngụ-ngôn của La Fontaine

nhất là khi đem dạy cho con trẻ. Đề chỉ-trích tất cả, Rousseau đã chọn một bài mà ông cho là tuyệt-tác (chef d'oeuvre) của tác-giả đề mà kích bác: bài Le Corbeau et le Renard (con quạ và con cáo). Tôi đề một bên những điều chỉ-trích về văn-pháp như ở những chữ *un arbre perché, par l'odeur alléché*,.. (xem Émile quyển II) mà Rousseau đã vô-tình hay cố ý tách ra khỏi đồng-văn đề phê-bình và ta cũng không lấy làm lạ khi Rousseau là người sống trong không-khi cởi-mở, tự-nhiên hơn của thế-kỷ 18 ở Pháp (trước khi tiến tới lãng mạn trong thế-kỷ 19) còn La Fontaine lại là con người kiêu cách cầu kỳ của thế-kỷ 17. Vậy xin chỉ bàn đến những lời phê-bình về văn-thê mà thôi: Rousseau đã vạch ra rằng miếng phó-mát mà bay mùi đến nỗi chồn, cáo trong hang sâu bụi rậm cũng đánh hơi được là vô lý; rồi con quạ bao lớn mà miệng ngậm được một miếng phó-mát? Quạ với chồn cùng nói một thứ tiếng sao? v.v. Những lời lẽ như vậy đã chứng tỏ rằng nhà phê-bình là một tiểu-thuyết-gia (tác-giả của La Nouvelle Héloïse), một triết-gia tài ba nhưng không phải đã nắm vững những yếu-tính của ngụ-ngôn hơn là tác-giả. Đã là ngụ-ngôn thì tất cả là bịa đặt, nếu điều đó đáng công-kích thì ngay cáo mà biết nói đã là chuyện công-kích được rồi. Nếu nhà ngụ-ngôn mà lên tiếng được thì chắc đã phân-trần: « Ngụ-ngôn mà! » Thật vậy, một bài ngụ-ngôn càng có bịa đặt vẽ-vời như vậy mới càng đem lại thích-thú cho

người đọc đề rồi dẫn họ sau cùng đến một kết-luận đích danh:

« Apprenez que tout flatteur

Vit aux dépens de celui qui l'écoute... »

(Tạm dịch là: Nhớ cho, bọn nịnh
bao giờ

Cũng chuyên nịnh để sống nhờ
người nghe.)

một kết-luận mà, xót xa thay, chính cáo lại né n vào mặt quạ! Cho nên La Fontaine cũng có thể còn giải bày thêm với Rousseau: « Ta không muốn nói cáo thật đâu, mà là một con cáo ngụ-ngôn, cái loại cáo biết nói, biết đánh hơi cả tiền-tài không mùi, danh vọng từ xa, rồi cuối cùng chế điều kẻ bị mình lừa phỉnh, ấy mà! » Trong Cồ-học tinh-hoa Nguyễn-văn-Ngọc cũng có nhiều bài ngụ-ngôn bịa đặt, trắng-trợn như vậy: Đời nào lại có chuyện mất một cái trâm bằng cỏ mà khóc nỉ-non? Đời nào lại có người tham đến nỗi ra đường gặp gì cũng lấy? Nước Tống nào lại có thỏ chạy đâm đầu vào gốc cây mà chết để cho có người khờ đến ôm cây đợi thỏ? Rồi cũng có anh mắc phải bệnh quên? Bọ ngựa gì lại ra đường dương cang chống xe để quan quân tướng sĩ phải tránh?

Chính những chỗ bịa đặt kỳ-cục như vậy mới dẫn được người đọc ra ngoài ngụ-ngôn để tìm về cái thực-tại ở đời, cái chân-lý trong con người, vì không còn tin gì nữa ở nhân-vật ngụ-ngôn dù được gọi tên rõ-ràng trong truyện. Không đâu cái giả càng ngô-nghe lộ-liếu, càng biểu-tượng được cho cái thực đến thế.

Nhưng dù văn-thề có phóng - dật đến đâu, mục-đích của ngụ-ngôn cũng hướng về giáo-dục và thường có cái phần đuôi là *luân-lý* (*moralité*) ở sau cùng. Rousseau cũng đã lấy quan-điểm của một nhà tiểu-thuyết (vì thực ra *Émile* cũng chỉ là một tiểu-thuyết) mà chê rằng phần *luân-lý* của ngụ-ngôn là vô-ích (*Émile* quyển IV) vì nó phải thoát từ nội-dung của chuyện kể mà ra và không nên đưa ra một giải-thích nào khả dĩ hạn chế cái ý-nghĩa cao sâu của câu chuyện. Luận-cứ này rất đúng, nhưng Rousseau cũng nên thấy rằng đã là bài học thì phải cần rõ-ràng sáng-sủa. Ở Việt-nam ta, mỗi bài diễn-ca trong Nhị thập tứ hiếu của Lý-văn-Phức (1785-1849) cũng không bao giờ bỏ sót cái phần « Cho hay... » cuối cùng đề trưng ra cái *luân-lý* của toàn bài mặc dù ai cũng biết rõ đó là một bài *luân-lý*. Ở thời nào nước nào nhà giáo-dục cũng không khỏi cái mặc cảm chung là sợ người thụ-giáo không hiểu được mình (1). Nhưng đã là một văn-tài thì La Fontaine cũng phải thấy như Rousseau, nên trong Bài Tựa năm 1668, nhà thi-hào đã bày tỏ rằng trước ông, Ésope, Phèdre và các nhà ngụ-ngôn khác, không ai bỏ qua cái phần *luân-lý*, nhưng ông thì chỉ đưa vào ngụ-ngôn khi nó duyên-dáng và ở nơi nào tự độc-giả không thấy được dễ dàng mà thôi, tuy ông cũng nhận rằng ngụ-ngôn mình hướng về giáo-huấn.

Ngụ-ngôn ở học-đường

Thế nên, bàn về ngụ-ngôn mà

không nhìn nó trong học-đường thì chưa đủ. Các nhà giáo đem dạy ngụ-ngôn ở nhà trường không phải vì trẻ em có thể hiểu những ý-nghĩa cao xa, mà chỉ vì lối văn này gợi được những hình ảnh cụ-thể vừa tầm trực-giác của trẻ, cũng như những chuyện thần-thoại hấp-dẫn được tâm-hồn chất-phác của nhân-loại ngày xưa. Rồi sau khi nghe được một câu chuyện thích-thú, nhận được một kinh-nghiệm sống vui vui như vậy, trẻ em còn có năm lòng một đề-tài để suy gẫm lâu dài về sau. Đó là một cái *vốn tâm-linh* mà ta cần phải gây dựng cho tuổi trẻ. Câu chuyện *Con cò con trai* có thể chỉ là một chuyện vui, gợi một hình ảnh ngộ-nghĩnh cho tuổi trẻ, nhưng sau này lớn lên với tầm tư-lự cao xa hơn, nó sẽ không đại gì chấp-nhận thân-phận của một kẻ « trường-kỳ kháng-chiến nhất định thắng lợi » mà không suy đi nghĩ lại đề cuối cùng nếu không chết khô chết đói thì cũng chỉ làm lợi cho một ngư-ông dù không có ý sẵn cò mò trai cũng thừa được cơ-hội. Cuộc đối-thoại : « — Hôm nay không mưa ngày mai không mưa, thế nào trai cũng phải chết. — Hôm nay không rút được mỏ, ngày mai không rút được mỏ, thế nào cò cũng phải chết. » rồi ra sẽ đem lại nhiều nghĩ-ngợi hữu ích sâu xa. (xem Chú thích A ở cuối bài).

Nhiều ngụ-ngôn như vậy trong

(1) Cứ xem cái thói quen « hừ, hê, hiểu không ? » của các thầy giáo ở lớp học thì đủ rõ.

Cồ-học tinh-hoa có thể chọn dùng được ở trường ta. Ngày xưa đã có vài chuyện như vua nước Sở mất cung, thầy Mẫn-Tử hiếu-nghĩa, cũng đã được đưa vào sách giáo-khoa Tiều-học. Nếu trẻ con Pháp không cần biết Marc-Aurèle (trong *Le paysan du Danube*), người dân Mogol (trong *Le songe d'un habitant du Mogol*) là người nước nào, ở đâu, mà vẫn cảm biết được những gì nói trong các ngụ-ngôn ấy, thì những nhân-danh, địa-danh như Tử-Sản nước Trịnh, Hoàn-Công nước Tề cũng không thể là khó khăn trở ngại cho trẻ con ta; đọc ngụ-ngôn thì đừng hiểu ý trong từ.

Nhà văn Sơn-Nam, trong một truyện ngắn, đã mô tả cái «Tinh-nghĩa giáo-khoa-thư» khó phai mờ về sau dù lớn lên người ta có «đi làm ăn rày đây mai đó» mà đến tuổi «đầu bạc hoa râm» mới thật sự nhận ra. Đó là một phát-giác rất bồi-ích cho các nhà giáo ta suy gẫm bởi vì đến nay hình như họ chưa ý-thức được cái thực-tại tâm-lý ấy để xây dựng cho thế-hệ ngày mai. Cứ xem lối chọn những bài dạy cho trẻ em trong các sách quốc-văn thì đủ rõ.

Nếu trong gần 250 bài ngụ-ngôn La

Fontaine, các nhà giáo Pháp đã chọn được độ 50 bài để dùng làm văn-chương cồ-diễn ở trường học thì trong 251 bài của Cồ-học tinh-hoa Nguyễn-văn-Ngọc, chúng ta có thể chọn được hơn số ấy cùng với một số bài dịch ngụ-ngôn Tây-phương của các văn-hào ta, đem ghi hẳn vào chương-trình Việt-ngữ Tiều-học để gây dựng cho con em chúng ta một cái vốn cồ-diễn đồng-nhất về đạo-lý và cảm-tình.

Trong một nền giáo-dục vừa nhân-bản vừa dân-tộc, những giai-thoại lịch-sử hẹp-hòi, những cách-ngôn đức-dục khô-khan lặt-lẻo chưa đủ để hun đúc trong tâm-hồn thanh-thiếu-niên ta một khối tình «giáo-khoa-thư» một căn-bản hòa-đồng, một bản-linh dân-tộc. Ngụ-ngôn mới là then-chốt vì nó đã đi sâu được vào tâm-khảm từ tuổi ấu thơ, lại được giữ chặt lâu dài ở đó để rồi theo đà khôn lớn của con người mà làm đuốc soi cho phần đời của họ ngày mai.

«Con người là một cây sậy biết tư-duy»; nhưng chỉ vì là cây sậy nên họ cần dựa vào một cái gì cụ-thể, vững chắc mới có thể tư-duy.

ĐOÀN NHẤT TẤN

Chú thích (A)— Nhưng nếu là cần chiến-đấu với một kẻ thù không thực-tâm thì ngụ-ngôn cũng khuyên người ta đừng tỏ ra ngây thơ nhu-nhuộc. Tôi xin dịch lại đây bài «*Les Loups et les Brebis*» của La Fontaine (bài XIII quyển III), lấy nguồn từ một ngụ-ngôn của Ésope, cách nay khoảng 2500 năm, mà nghe như chuyện mới bây giờ và có thể là chuyện sắp tới nữa. Nếu có chỗ chưa được hay thì đó là lỗi người dịch :

Sói và Cừu

Binh-đao đã quá nghìn năm,
 Cùng Cừu, Sói mới tỉnh phen nghị hòa.
 Rõ ràng phe địch phe ta
 Hai bên đều lợi, can qua đâu cần ?
 Vì chưng nếu Sói lẫn-khân,
 Da mình đâu dễ bọc thân lâu dài !
 Mục-phu cũng phải ra oai.
 Tự-do rồi chẳng một ai hưởng nào :
 Đồng kia Cừu ngại tiêu-dao,
 Rừng này đâu được Sói nào ở yên ?
 Vậy nên hòa-hội liên-miên,
 Từ-bình, tính chuyện hai bên phẳng sông :
 Sói thì đòi lấy bảy con,
 Cừu thì nhận lại chó ngoan mấy chàng.
 Lễ-nghi trao trả đường hoàng,
 Ủy-viên kiểm-soát một đoàn trông coi.
 Thời gian thoăn-thoắt đưa thoi,
 Sói con chợt lớn nổi nòi ông cha :
 Thừa cơ người giữ vắng nhà
 Vào chuồng vắn cổ Cừu ta nửa bầy,
 Dem vào rừng rậm phan thanh thấy
 Giết luôn bọn chó thơ ngây ngủ khì.
 Bất ngờ ai biết mà nghi,
 Tỉnh ra thì đã còn gì thịt xương,
 Cho hay gặp bọn lật lờng
 Thì thà chiến-đấu không ngừng còn hơn.
 Hòa-bình, đẹp đấy, bà con !
 Nhưng đâu với kẻ vẫn còn manh tâm !

Sợ lời dịch không sát, tôi xin ghi lại đây nguyên-văn phần luân-lý của
 La Fontaine :

«Nous pouvons conclure de là
 Qu'il faut faire aux méchants guerre continuelle.
 La paix est fort bonne de soi ;
 J'en conviens ; mais de quoi sert-elle
 Avec des ennemis sans foi ? »

(La Fontaine)

פזיב

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Cuộc đòi Phật Thích - Ca

Chuyển pháp luân

Mặc dầu từ chối lời khẩn cầu của Mára, sau khi đắc đạo dưới gốc cây vả (từ nay được gọi là cây bồ-đề), đức Phật đã có thái độ do dự, không muốn giảng pháp ở thế-gian. Về việc này, kinh Mahàvagga có chép như sau :

Sau khi ngộ đạo, Phật Thích - Ca liền phát hiện ý nghĩ : « Ta đã đạt được trí tuệ rộng lớn và sâu xa vô lượng, khó thấy khó vào, chỉ có những bậc đại-giác mới có thể hiểu được. Nay nếu ta đem giảng dạy cho chúng sinh đang ngụp lặn trong cõi vô minh thì tức là ta chỉ làm một việc tốn công vô ích ». Ngài lại nghĩ thêm rằng : « Ta đã mất bao công phu khó nhọc mới tìm được Chánh pháp. Chúng sinh vốn mê muội vì lòng tham dục, tà kiến, kiêu mạn và tình cảm yêu ghét hỗn độn thì không thể nào nhận biết được Chánh pháp vô cùng thâm sâu và huyền diệu. Vậy ta hãy lặng lẽ đi vào Niết-bàn. »

Khi ấy, Thần Phạm Thiên Sahampati nhờ sức thần thông hiểu được ý nghĩ của Phật liền kinh hoàng nghĩ rằng : « Thế gian này sẽ bị tiêu diệt nếu đức Như Lai chọn sự yên nghỉ mà không giảng Pháp ». Thần bèn hiện

ra trước mặt đức Phật và cầu xin Ngài hãy vì chúng sinh mà giảng Pháp. Hai lần Thần Phạm Thiên khẩn cầu, hai lần đức Phật đều ngần ngại chối từ. Đến lần thứ ba, Phật phóng tầm thiên nhãn quan sát lại thế gian, nhận thấy trong chúng sinh có nhiều căn cơ và trình độ trí tuệ khác nhau, nhưng hầu hết đều mang nặng nỗi lo âu về tội lỗi và sự chết, và đều khao khát một đời sống yên vui hằng cửu. « Cũng như trong một hồ sen, có những bông mọc và chìm luôn dưới nước, có những bông mọc dưới nước nhưng lại chồi lên mặt nước, có những bông mọc dưới nước nhưng lại vươn được lên cao, nhưng tất cả đều cố gắng vươn lên để đón nhận ánh sáng mặt trời ».

Thấy như vậy rồi, đức Phật mới chấp thuận lời thỉnh cầu của Phạm-Thiên và chuẩn bị lên đường hoằng pháp. Khi ấy, có hai anh em thương gia là Trapusa và Bhalika cùng với đoàn xe năm trăm chiếc đi ngang qua đó bỗng như bị một sức mạnh vô hình làm cho dừng bước. Họ tìm thấy Phật và dâng lên cho Ngài mía và bánh mật. Nhưng kể từ nay, Phật chỉ nhận vật thực trong một *pàtra* tức là bát khất thực, một tục lệ mà các tì-kheo sau này sẽ phải noi theo.

Bốn vị thần cai quản bốn phương bèn dâng lên bốn chiếc bát làm bằng ngọc quý. Phật từ chối. Họ lại dâng lên bốn chiếc bát bằng đá thường. Phật nhận lấy và biến chúng thành một bát duy nhất. Sau đó, Ngài nhận bánh và mía của anh hai anh em thương gia, chấp nhận họ làm đệ tử tại gia rồi ban cho móng tay và tóc để họ đem về dựng bảo tháp tại quê nhà. Đây là hành động giáo hóa đầu tiên của Phật, và hành động này có ý nghĩa rất quan trọng vì nó mở đầu cho việc thành lập hàng ngũ cư sĩ, chứng tỏ tinh thần bình đẳng tôn giáo của đạo Phật, chống lại truyền thống độc quyền tâm linh của đẳng cấp bà-la-môn.

Từ biệt hai anh em thương gia, đức Phật nghĩ ngay tới việc tìm lại hai vị đạo sư cũ của Ngài là Rudraka và Àrada, nhưng thiên nhân của Ngài cho biết là cả hai vị đều đã qua đời. Ngài bèn tiến về Benaras để tìm gặp năm đệ tử đầu tiên đã bỏ Ngài. Tới bờ sông Hằng-hà (Ganga), vì người lái đò đòi Phật phải có tiền mới chịu chở qua sông, Phật liền dùng phép khinh thân sang tới bờ bên kia và tới Benaras một cách dễ dàng. Năm vị đệ tử cũ, khi ấy đang ngụ trong tịnh thất tại vườn Mrgadava (Lộc-dã hay Lộc-uyên), trông thấy Phật từ xa đến, bàn tính quyết định không đánh lễ Ngài với lòng tôn kính như xưa. Tuy nhiên, khi đức Phật tới gần, phong thái của Ngài đã làm cho cả năm người phải đứng dậy tiếp rước Ngài một cách kính cẩn. Mặc dầu vậy, họ vẫn

gọi Ngài bằng danh hiệu « đạo-hữu » (āvuso), một lối xưng hô giữa người ngang hàng hay giữa người trên xưng với người dưới. Bấy giờ, Phật báo tin cho họ biết rằng Ngài đã thành tựu đạo quả vô thượng và sẵn sàng truyền dạy lại cho họ.

Bài thuyết pháp đầu tiên mà Phật giảng dạy cho năm vị đệ tử là bài giảng về Tứ Diệu Đế (Ariya Saccani) bốn Chân lý căn bản của triết học Phật giáo. Bài giảng đầu tiên này mở đầu cho giai đoạn chính thức truyền bá Phật Pháp, và việc này được mệnh danh là Dharmacakrapravartana (Chuyển Pháp Luân) có nghĩa là Lăn Bánh Xe Pháp. Khi nghe xong, Kiều-Trần-Như (Kaundinya) rồi lần lượt cả bốn vị kia đều đắc quả Tu-đà-hoàn (Sotāpatī). Đến lần thứ hai, khi nghe giảng kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhana Sutta) thì tất cả năm vị đều đắc quả A-la-hán.

Giáo-Hội thành lập

Năm người trong nhóm Kiều-Trần-Như là thành phần chính thức đầu tiên của Giáo Hội Tăng-Già Phật giáo (sangha). Kể đó là trường hợp thấu nhận những đệ tử thể tục thọ lễ qui y tam bảo. Thoạt tiên là Yasás, (Da-xá) con của một nhà trưởng giả ở Benaras, nghe tin Phật thành đạo và giảng pháp, cũng từ bỏ cuộc sống giàu sang, tìm đến vườn Lộc-dã xin qui y và gia nhập hàng ngũ tùy-kheo. Cha, mẹ và vợ của Yasás đến tìm chồng con, được nghe Phật giảng pháp, cũng xin thọ giới làm đệ tử tu tại gia. Bốn người bạn của Yasás là Purnajit

(Phú-lan-na-ca), Vimaly (Tỳ-ma-la, Gavàmpati (Già-đà-bạt-đề) và Subà-hu (Tu-bà-hầu) cũng noi gương Yasás trở thành tỳ kheo. Sau đó, còn có năm mươi người khác đều là bạn của Yasás cũng xuất gia đầu Phật. Như vậy, trong giai đoạn đầu tiên, Giáo Hội Tăng già gồm có sáu mươi vị, tất cả đều đắc quả A-la-hán.

Công cuộc hoằng pháp

Khi mùa mưa chấm dứt, Phật chỉ thị cho chúng đệ tử chia nhau đi các nơi truyền bá giáo pháp. Chính Ngài cũng lên đường đi Uruvilvà. Dọc đường Ngài gặp một nhóm ba chục thanh niên đang lùng kiếm một kỹ nữ đã lường gạt họ lấy hết tiền bạc và châu báu. Phật cảm hóa họ bằng câu hỏi: «Các anh thử nghĩ nên đi tìm một người đàn bà hay nên tự tìm ra chính mình thì hơn?» Sau khi nghe giảng pháp, cả ba mươi người đều quyết định xuất gia theo đức Phật.

Trong cuộc chu du hoằng pháp, Phật thuyết phục và thu nhận đủ các hạng người, như ba anh em đạo sĩ khổ hạnh là Uruvilvà Kàshyapa (Ưu-lâu-tần-loa Ca-diếp), Gaya-Kàshyapa (Già-da Ca-diếp) Nadi-Kàshyapa (Na-đề Ca-diếp cùng hàng trăm đệ tử của họ. Hai đạo sĩ bà-la-môn sau này trở thành những đệ tử nổi tiếng của Phật là Xá-Lợi-Phất (Sàriputra) và Mục-kiền-liên (Maudgalyàyana). Trong những năm sau đó, còn phải nhắc đến tên tuổi của một số nhân vật hữu danh khác đã được Phật thu nhận vào hàng thiện nam, tín

nữ, như Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Visàkhà, lương y Jivaka, vua Bimbisàra (Bình-sa-vương), vua Pasenadi Kosala (Ba-tư-nặc). Về phía thân quyến của Phật, Ngài đã độ cho phụ hoàng Suddhodana, và công chúa Yashodarà; thái tử Ràhula khi ấy mới lên bảy tuổi được nhận vào hàng sa-di (sràmanera), bà mẹ nuôi là hoàng hậu Prajapati Gautami được nhận làm tỳ-khưu-ni (bikkhuni) đầu tiên trong giáo hội. Ngoài ra, còn có Nanda, em cùng cha khác mẹ với Phật, được xuất gia là tỳ kheo; hoàng thân Ananda, em họ của Phật, cùng năm người khác trong hoàng tộc cũng qui y tam bảo. Riêng Ananda trở thành vị hầu cận thường xuyên của đức Phật trong suốt hai mươi lăm năm đến khi Ngài nhập diệt Niết bàn.

Trong thời gian hoằng pháp, Phật cũng đã gặp phải nhiều sự chống đối và mưu hại của những phần tử bà-la-môn và những hệ phái tôn giáo khác. Một thí chủ bà-la-môn là Srigupta lừa cho Phật và các đệ tử của Ngài rớt xuống hầm lửa nhưng hầm này biến thành một hồ sen đỡ lấy mọi người. Hai lần khác, Phật bị vu cáo phạm tội tà dâm với hai thiếu phụ là Cincà và Sundari nhưng lần nào cũng thoát được âm mưu hiểm độc. Đáng chú ý hơn cả là trường hợp phản nghịch của Devadatta (Đề-bà-đạt-đa). Ông này là anh họ và cũng là anh vợ của Phật. Devadatta xuất gia cùng một lúc với Ananda và các hoàng thân dòng Thích ca. Lúc đầu, Ông là một tỳ-kheo có đức hạnh cao quý đến độ

Sariputra (Xá-lợi-phất) phải hết lời xưng tụng. Về sau, nhờ được vua Ajàtashatru (A-Xà-Thế-Vương) hậu thuẫn và bị danh lợi trần thế làm mù quáng, Devadatta đã sinh lòng đố kỵ và trở thành kẻ thù nghịch nguy hiểm nhất đối với Phật. Trước đây, dù chưa đắc được thánh quả nào, Devadatta cũng có được nhiều phép thần thông, nhưng từ khi sinh lòng thù ghét Phật thì bao nhiêu phép thần thông của Devadatta tự nhiên mất hết.

Devadatta xúi dục Ajàtashatru giết chết phụ vương là Bimbisàra để cướp đoạt ngai vàng. Sau đó, Devadatta tính đến việc giành lấy cho mình quyền tổng quản Giáo Hội Tăng già. Y thỉnh cầu Phật giao cho quyền đó vì Ngài đã già yếu (năm đó Phật 72 tuổi). Bị Phật từ chối, y bèn tìm cách ám hại Ngài. Lần đầu, Devadatta thuê những kẻ giết mướn nhưng những tên này khi gặp Phật đều xin quỳ y theo Ngài. Lần thứ hai, Devadatta tự tay xô một tảng đá xuống nơi Phật đi qua dưới chân núi Gijjhakùta, nhưng chỉ có một mảnh bắn trúng chân Ngài làm máu chảy. Lần thứ ba, Devadatta thả con voi dữ Nàlàgiri để đạp chết Phật trong lúc Ngài đi trì bình nhưng thú dữ đã bị khắc phục bởi tâm « Từ » (maitrì) của Phật. Hăm hại Phật không được Devadatta tìm cách chia rẽ Giáo Hội Tăng già bằng cách cùng với tỷ-kheo Kokàlika chiêu mộ được năm trăm đệ tử mới lập ra một Giáo hội riêng biệt. Trung tâm giáo hội này đặt tại Gayàsirsa, có chủ trương tu hành

khô hạnh hơn nữa. Đức Phật bèn phái Xá - lợi - Phất và Mục-kiền-Liên tới giải thích giáo pháp và lời cuốn những người lầm đường ấy trở về với Phật. Bị mọi người ruồng bỏ, Devadatta lâm bệnh mà chết. Trước khi nhắm mắt, Devadatta thành thật ăn năn hối lỗi cho nên, mặc dầu phải thác sinh vào địa ngục khổ sở, về sau Devadatta cũng trở thành một vị Phật độc giác tên là Atthissara.

Những ngày cuối cùng

Trong những năm cuối của cuộc đời, đức Phật vẫn không ngừng truyền bá giáo pháp nhưng khuyến cáo các đệ tử chớ nên quá quan tâm đến vấn đề tổ chức giáo hội và người lãnh đạo giáo hội, mà cần nhất phải nương tựa vào đạo pháp và chính mình. Năm 79 tuổi, Ngài rời Rājāgrha đi Pāṭaligrāma, nơi đây người ta đang xây cất một thành quách lớn sau được đặt tên là Pāṭaliputra (Hoa thị thành) và được Phật báo trước tương lai huy hoàng của nó. Sau Ngài lại đi Vaishālì và ngụ tại vườn xoài của Àmrapālì, một kỹ nữ có đạo tâm thành khăn đã mau mắn đón rước Phật cùng chư đệ tử trước cả các nhà quý tộc Licchavi (Lục sĩ) ở thành này. Mùa mưa vừa tới, đức Phật dạy các đệ tử nhập hạ ở chung quanh thành Vaishālì, còn Ngài thì cùng Ànanda nhập hạ tại Venugrāma (Làng Trúc). Trong thời gian này, hai đại đệ tử Sariputra và Maudgalyāyana đều từ trần. Chính đức Phật, ít lâu sau, cũng lâm bệnh trầm trọng đến gần chết. Phật dùng ngị lực

thiền định để khắc phục bệnh vì muốn truyền dạy lại cho Giáo hội những lời dạy cuối cùng.

Phật đặc biệt nhấn mạnh đến điều kiện chính yếu để đạt đạo giải thoát là sự cố gắng của cá nhân chứ không phải sự trông cậy vào những phương tiện nào khác ở bên ngoài. Việc qui y tam bảo (Phật, Pháp, Tăng) cũng chỉ nên coi như tìm về một môi trường thuận tiện cho việc thực hiện những cố gắng của mỗi cá nhân.

«...Này Ananda, hãy tự coi chính con là hải đảo của con, chính con là chỗ nương tựa của con. Không nên tìm nơi nương tựa bên ngoài. Hãy xem Giáo pháp như hải đảo của con, Giáo pháp như chỗ nương tựa của con. Không nên tìm nương tựa ở bên ngoài.

«... Dẫu ngay hiện giờ hay sau khi Như Lai nhập diệt, mỗi người hãy sống đúng theo như vậy, xem chính mình như hải đảo của mình, như chỗ nương tựa của mình, không tìm nương tựa đâu bên ngoài. Xem Giáo pháp như hải đảo, như chỗ nương tựa, không tìm nương tựa nơi đâu bên ngoài, những thầy tỉ-kheo ấy sẽ đứng hàng đầu trong những người sống hoàn toàn theo giới luật.» (1)

Sau đó, Phật trở lại Vaisáli, ngụ trong tịnh thất Cápàlacaitya. Tại đây, ba lần Phật có nói cho Ananda biết là, nếu được thỉnh cầu, Ngài sẽ có thể kéo dài cuộc sống cho đến trọn kiếp sống của thế gian. Nhưng cả ba lần, Ananda đều lưỡng trí không thỉnh cầu việc ấy. Lợi dụng cơ hội, Ma-

vương (Màra) bèn xuất hiện nhắc lại lời hứa của Phật rằng Ngài sẽ nhập diệt khi nào Giáo hội đã được thành lập hẳn hoi. Phật chấp thuận lời nhắc nhở của Màra và kêu Ananda tới báo trước rằng trong ba tháng nữa Ngài sẽ nhập diệt. Bấy giờ Ananda mới chợt nhớ lại lời Phật dạy và thỉnh cầu Ngài sống thêm một kiếp nữa, nhưng Phật trả lời rằng đã quá muộn. Vì sự sơ xuất này, mà về sau Ananda suýt bị trục xuất khỏi Giáo hội. Phật chỉ thị cho Ananda triệu tập các tỉ-kheo ở gần đó để Ngài dặn dò một lần chót, rồi cùng Ananda và một số đệ tử, Ngài đi tới một làng nhỏ gọi là Pàpà. Tại đây, một người thợ rèn tên Cunda thỉnh Ngài và chư tăng về thọ thực. Với lòng thành khẩn, Cunda dâng lên Phật một món ăn gọi là «sùkaramaddava», có nghĩa là thịt heo rừng hay món rau có thịt heo (2). Sau khi dùng xong, Phật mắc chứng kiết lỵ rất nặng. Tuy nhiên, Ngài cố nhịn đau và lại lên đường đi Kusínagara, cách đó chừng ba

(1) Sách dẫn trên trang 247 và 250.

(2) Vấn đề món ăn này là thịt hay là rau không quan trọng vì đức Phật không ngăn cấm việc các tỉ-kheo dùng đồ mặn do người ta dâng cho một cách ngẫu nhiên. Phật đã từng nói với Devadatta: «... ta cũng cho phép (các tỉ-kheo) được dùng món cá tinh khiết với ba điều kiện, là người ăn không trông thấy việc bắt con cá ấy, không nghe nói hay ngờ vực rằng con cá ấy được cố ý dùng làm món ăn cho mình». (Luật tạng, Cullavagga, 7 —

Xem Brewster; *Gotama le Bouddha*, sách đã dẫn, trang. 172)

do-tuần (yojana) (1), là thủ đô của những người thuộc họ Malla và cũng là nơi mà Ngài lựa chọn để nhập diệt Niết-bàn. Dọc đường, Ngài đã dừng chân tới 25 lần để nghỉ ngơi vì quá mệt. Một lần, Ngài khát nước và sai Ananda đi kiếm nước uống. Hai lần đòi uống, Ananda đều cho biết rằng dòng nước ở gần đó bị xe cộ qua lại làm vẩn đục không thể uống được. Lần thứ ba, Phật kêu khát thì nước bỗng trong trở lại và Ananda đã có thể lấy cho Ngài uống. Khi ấy có người tên Putkasa đi ngang, tán thán Phật và dâng lên cho Ngài hai bộ y có nạm vàng. Ananda khoác y cho Phật thì thấy nước da của Phật bỗng chiếu sáng rực rỡ lẫn át cả sắc vàng trên áo. Đó là ánh hào quang của Ngài trong đêm thành đạo trước kia và trong đêm nhập diệt hôm nay. Phật xuống tắm lần cuối cùng ở dòng sông Kakutsthà, rồi tiến vào rừng cây sàla trong thành phố Kusinagara.

Viên tịch

Vườn sàla khi ấy bỗng trở bông trái mùa. Phật dạy Ananda dọn chỗ cho Ngài ở giữa hai cây, và Ngài nằm xuống, đầu hướng về phía Bắc, nghiêng mình về bên hữu, mặt ngả về phía Tây, chân trái gác dài trên chân mặt, tâm trí hoàn toàn tỉnh táo. Khi ấy, Ananda khóc lóc đau thương và Phật phải dùng lời an ủi. Hoàng tộc Malla nghe tin đức Phật sắp nhập diệt cũng kéo nhau tới đánh lễ Ngài. Phật còn tiếp một đạo sĩ tên Subhadra và chấp nhận

cho vị này được thọ giới tì-kheo, tức là người cuối cùng được Phật thọ nhận làm đệ tử. Đêm ấy, Ngài còn hỏi chúng đệ tử nếu còn điều gì thắc mắc thì cứ nêu ra để cho Ngài giải đáp, và sau cùng nhắc lại các yếu chỉ của giáo pháp và khuyên nhủ mọi người tinh tấn tu hành.

Canh ba đêm ấy, đức Phật nhập sơ thiền. Xuất sơ thiền Ngài nhập nhị thiền, và cứ thế lên đến bậc thứ chín. Từ bậc này, Ngài lại lần lượt trở lui xuống bậc sơ thiền. Từ sơ thiền, Ngài lại lần lượt đi lên đệ tứ thiền rồi thực sự tịch diệt, tức là Đại-Bát-Niết-Bàn (Mahāparinirvana). Năm ấy, Ngài vừa được 80 tuổi, trùng với ngày đản sinh và ngày thành đạo, tức là ngày rằm tháng vaisākha của Ấn độ.

Sau khi Phật viên tịch, nhục thân Ngài được tắm liệm và ướp dầu kỹ lưỡng. Tang lễ được cử hành trọng thể theo nghi thức dành cho một vị Kim-Luân-Vương (Cakravartin). Khi nhục thân của Phật được đưa lên dàn hỏa, người ta đã không thể nào nhóm được ngọn lửa. Mãi đến lúc Mahākāśyapa từ xa nghe tin về tới nơi thì từ nhục thân của Phật

(1) Do-tuần (yojana) là đơn vị khoảng cách, ngày nay không được biết rõ lắm. Theo Soothill trong *A Dictionary of Chinese Buddhist Terms* thì yojana là khoảng cách bằng một ngày đường của quân đội hoàng gia thời cổ, bằng 40, 30 hay 16 lý (dặm). Nếu chúng ta tính một do-tuần là 16 lý và một lý là 576 mét, thì 1 do tuần = 9216 mét.

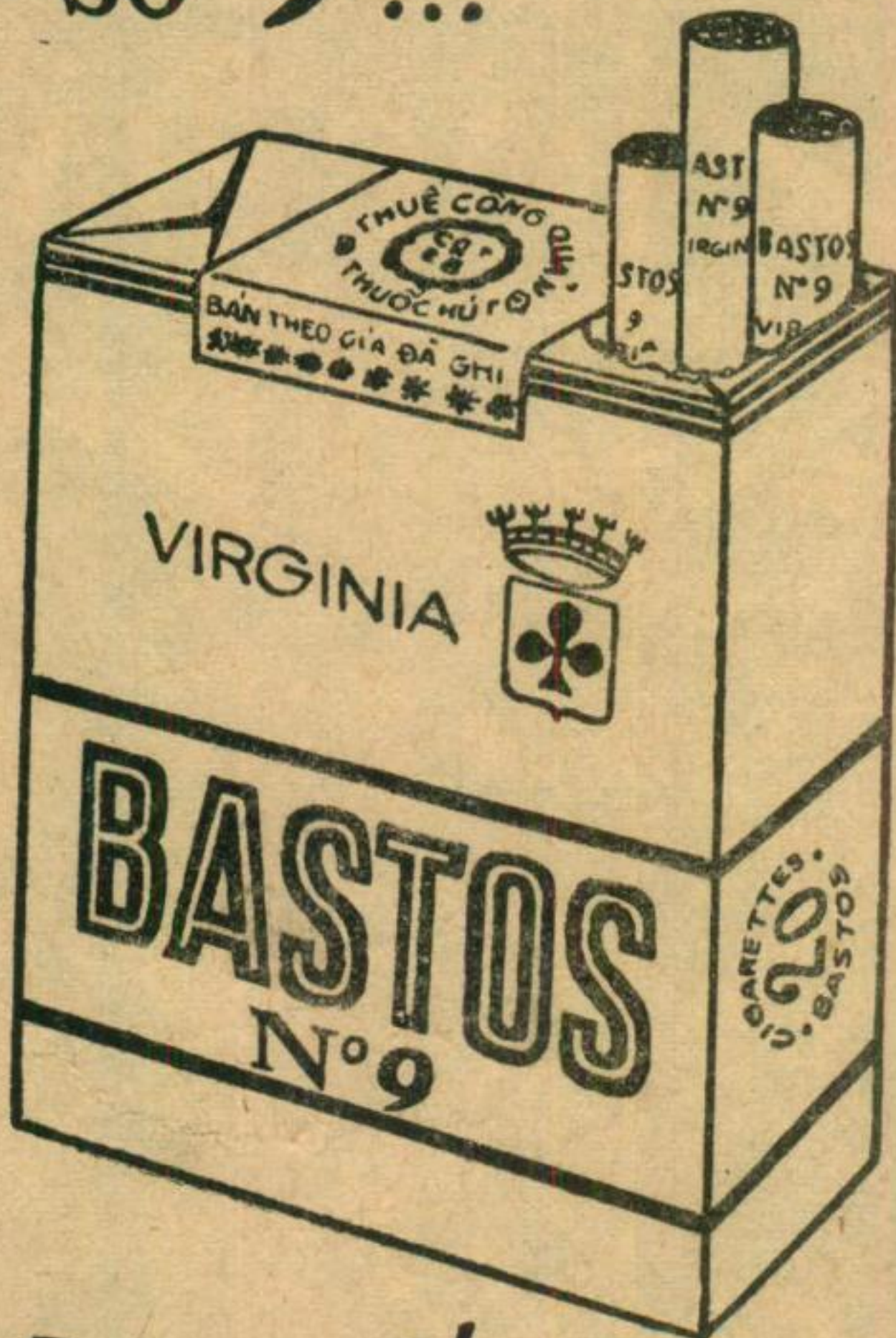
bỗng phát ra ngọn lửa tam muội và tự thiêu cho đến hết.

Sau đó, một cuộc tranh giành xá lợi của Phật đã diễn ra giữa dòng họ Malla tại Kùsinagara với những dòng họ khác từ khắp nơi kéo đến. Một cuộc chiến đẫm máu suốt nửa đã

xảy ra, nhưng thoát được nhờ có sự điều giải của Drona (Đột-lộ-noa), một nhà tu bà-la-môn. Xá-lợi được chia ra làm tám phần để đựng trong tám ngọn bảo-tháp đặt ở những nơi khác nhau trên toàn xứ Ấn-độ.

LÊ-XUÂN-KHOA

số 9...



... LÃ THUỐC THƠM
CỦA BẠN

THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

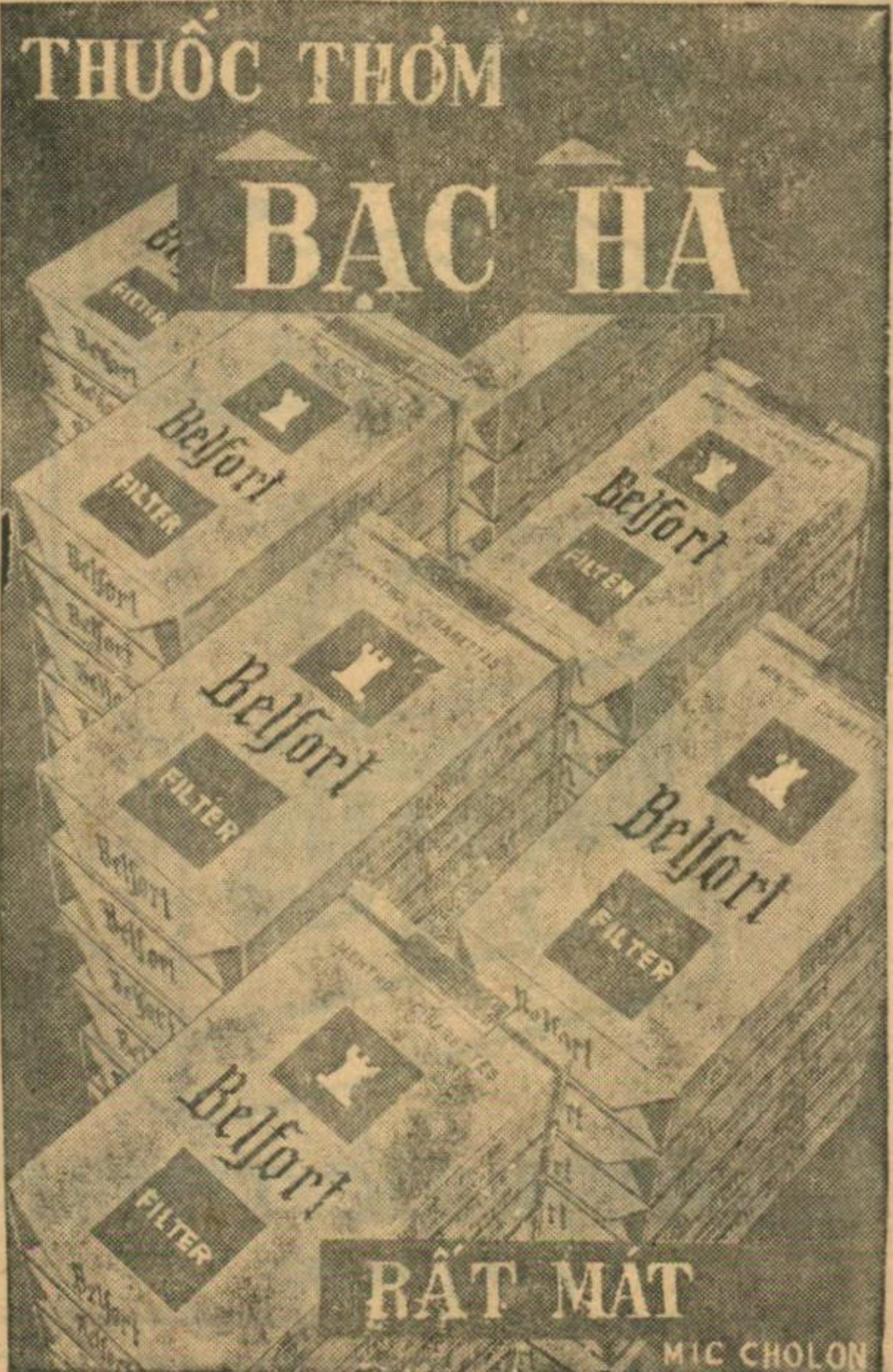
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÁN

THUỐC THƠM

BẠC HÀ



RẤT MÁT

MIC CHOLON

Những phát giác kỳ dị về « Những phát giác kỳ dị chung quanh cuốn Chinh Phụ Ngâm diễn âm tân-khúc »

II. Phát giác kỳ dị về việc ông Phúc cho ai... yêu trộm... Ngọc Hân à không thể tưởng tượng nổi

Phần thứ hai trong bài ông Phúc là : « Phát giác của Giáo sư Nguyễn văn Xuân » gồm 2 phần : -a/ Không đồng ý chữ tác giả gán cho Phan Huy Ích. -b/ Cho là tôi bôi lọ cổ nhân.

Thật ra, việc phát giác của tôi là cả quyền CPNDATK mà ông lầm lẫn là của ông Hoàng Xuân Hãn như đã nói ở phần trước nên không còn gì để nói ở phần này ngoại trừ hai chữ tác giả. Chữ này chỉ là vấn đề danh từ. Nếu tôi đề tác giả thì hiển nhiên không phải của *Chinh phụ ngâm* mà *chính là của bản diễn âm tân khúc*. Tôi có một do dự : vì bản này không phải bản dịch hiểu theo nghĩa Âu Mỹ mà là bản *diễn âm* ; chính Phan Huy Ích xác nhận ông không hoàn toàn theo nguyên tác mà đã tự do « có câu rút ngắn, có ý kéo dài » (...) « chỉ cốt ý cho rõ tình thần lý mạch của nguyên tác ». Nhận xét này của Lại Ngọc Cang đáng được lưu ý : « bản A (Phan Huy Ích ?) không thể áp dụng theo lối dịch theo sát nguyên tác vì sự chú trọng nhạc tính đồng thời bản A cũng là bản xa nguyên tác hơn cả » (1). Bởi lẽ đó tôi muốn đề

là *diễn giả* (chứ không phải là *tác giả* mà cũng không phải là *dịch giả*). Nhưng chữ diễn giả lại dễ lầm với người diễn thuyết nên đã đề là tác giả vì thấy giống trường hợp hầu hết các truyện diễn âm ở ta như *Hoa Tiên*, *Nhị Độ Mai* v.v... Tuy nhiên, nếu ông Phúc muốn dùng chữ dịch giả tôi nghĩ ông vẫn có lý, chỉ mong ông đừng dùng chữ « ngây ngô » khi mình chỉ mới biết có một chưa biết hai là gì ! Cũng không nên lấy những từ ngữ, ý niệm, quen dùng ở Tây phương để làm tiêu chuẩn. Vì sự thật *diễn âm* là một lối đặc biệt của chúng ta ở thời kỳ chưa có luật lệ nào về *quyền tác giả* và chúng ta còn quan niệm văn học nghệ thuật là chuyện chung, là sản phẩm chung của nhân loại, ai muốn thêm bớt, sửa đổi gì tùy tiện ! Và Phan Huy Ích đã tùy tiện khá nhiều.

Nhưng phần đó không quan trọng. Vì chỉ là chuyện danh từ mà tôi vẫn

(1) CPNDATK. Trang 56. Tôi nhấn mạnh (Xuân) đề làm sáng tỏ nhận xét của ông Phúc (B.K. trang 38) ; « Tân Khúc vẫn cứ là một bản dịch, người phiên dịch, đâu có thể (...) muốn sửa đổi, muốn thêm bớt gì cũng được ».

cho ở hàng thứ yếu. Phần sau, ông Phúc cho tôi bồi lộ cổ nhân quan trọng hơn nhiều. Đáng lẽ tôi cũng không vì lời lẽ của ông mà đáp lại. Nhưng vì đây là một việc có liên quan trực tiếp văn học và văn học sử nên tôi cũng nhân tiện trả lời ông và cũng mong bạn đọc góp ý xây dựng.

Chuyện «nghị luận hồ đồ và bồi lộ cổ nhân» như sau :

«Sở là trong bài Ai tư văn của Bắc cung Hoàng hậu (Vũ hoàng hậu nhà Tây Sơn, Ngọc Hân Công chúa của nhà Lê) có một đoạn trông vời, nhớ thương vua Quang Trung, cách bố cục lập ý giống như Chinh phụ ngâm khúc» (Bách Khoa trang 36). Sau đó, ông Phúc chép hai đoạn của Ai Tư Văn từ câu :

Trông mái đông...

đến câu :

Cõi trên thăm thăm (8 câu)

và Chinh phụ ngâm từ câu :

Trông bến Nam...

đến câu :

Cách ghềnh thấp thoáng... (16 câu)

Ông Phúc lý luận về hai đoạn trên để dẫn tới phần nhận định :

«Sở là nhà biên khảo Thuần Phong có nêu ra chỗ giống nhau của Ai tư văn và Chinh phụ ngâm khúc trong đoạn «Trông vời bốn phương» như chúng ta đã vừa thấy ở trên (1) và đưa ra nhận xét rằng : «Ai tư văn và Chinh phụ ngâm khúc hoàn toàn giống nhau và không phải ngẫu nhiên mà giống. Phải có ảnh hưởng nhau. Vậy bản nào đã

gây ảnh hưởng cho bản nào ?

Câu hỏi của nhà biên khảo Thuần Phong, Giáo sư Nguyễn văn Xuân sau khi phát giác ra bản chép tay nói trên đã trả lời một cách dứt khoát :

«Nay thì ta biết chắc Tân khúc đã chịu ảnh hưởng của Ai tư văn».

Tôi xin nói là ông Phúc cũng lại quá nhiều cẩn thận khi chép lại phần tôi nói về ông Thuần Phong. Nếu ai đọc đoạn trên đây của ông cũng sẽ yên trí Thuần Phong sao nông nổi đến thế ! Chỉ có duy một đoạn Trông vời bốn phương mà đã vội kết luận là hai tác phẩm giống nhau. Rồi chính ông Phúc cũng chỉ căn cứ trên mấy câu giống nhau ấy để giảng giải, đề dạy bảo, để phê bình tôi là nghịch lý và ông khuyên tôi đọc sách này nọ (bản CPN Nguyễn Đỗ Mục phần nguyên tác) trong khi chính sách tôi cũng có đầy đủ và không phải in bằng quốc ngữ mà bằng Hán văn và là bản Hán văn có lẽ cổ nhất (?) còn lưu truyền. Thật là oan cho ông Thuần Phong (mà ông gọi là học giả) và tôi (mà ông gọi giáo sư). Vì chẳng lẽ một biên khảo gia, một giáo sư mà lại đi moi tìm có mỗi một đoạn con con như thế để rồi đưa ra giả thuyết ai là tác giả ? Thế thì đáng thương cho họ quá, cả người xướng lẫn người họa !

Thật ra, ông Phúc không chịu đọc kỹ chút nào các trang 127, 128 của tôi đã giới thiệu tổng quát từng điểm nhận xét và phê phán của ông Thuần Phong mà tôi đã thừa trước :

(1) Tác giả bài này (Xuân) nhấn mạnh.

«Tôi đặt nghi vấn ấy (sự liên quan giữa Ngọc Hân và Huy Ích) là vì trong khi tạo tác bản văn này Huy Ích đã đề quá nhiều sự chuyên tâm nghiên cứu bản Ai tư văn của Ngọc Hân Công chúa (1770-1799). Tôi sẽ làm một việc nghịch thường là mượn những nhận xét của một người kịch liệt bác bỏ thuyết Chính Phụ Ngâm là của Phan Huy Ích để làm sáng tỏ (1). Sở dĩ như thế là vì ông Thuần Phong, tác giả Chính Phụ Ngâm Khúc Giảng Luận đã trình bày cặn kẽ tỉ mỉ những đoạn giống nhau, chịu ảnh hưởng nhau sâu sắc giữa tác phẩm của Ngọc Hân và Phan Huy Ích (mà ông bảo là của Đoàn thị Điểm).

Sau đó, tôi tóm lược các phần :

- a) xét về mặt nội dung.
- b) xét về mặt thể thức và phương pháp qui tắc hành văn.

Phần này, trong sách của ông Thuần Phong, như tôi giới thiệu trên kia, đã trình bày cặn kẽ tỉ mỉ. Công trình khó nhọc ông bỏ ra để viết từ trang 28 đến trang 39, nghĩa là 11 trang đặc sệt những chữ và riêng ba trang 35, 36, 37, đã in bằng loại chữ li ti, như chân ruồi cho đỡ choán giấy, chứ nếu in lớn, thật sự phải mất trên vài trang nữa. Và ông có phải chỉ biết có một đoạn thơ còn con ấy không ? Thật là sai lầm đến phũ phàng ! Vì ông Thuần Phong (nhà biên khảo, theo ông Phúc gọi) đã bỏ nhiều công phu để phân khảo, đề so sánh kỹ về sự giống nhau giữa nội dung [a) tư tưởng, b) tình cảm c) nghĩa vụ, cả về d) tôn giáo] ở các

trang 28, 29, 30, 31 để đi đến sơ kết :

Xét phần nội dung như trên, Ai tư văn thật giống Chính phụ ngâm khúc, khiến ta phải tin rằng cả hai đều do một nguồn cội mà ra, như hai đóa hoa nở chung một nhánh (trang 31).

Nhưng ông chưa dừng lại. Vì nội dung ấy chưa đủ. Ông lại xét thêm về thể thức «là phần riêng tư của mỗi ngòi bút, là phần sáng tác của mỗi nhà thơ ; mà cũng là phần giúp ta thấy được sở năng, sở đắc của mỗi người và ảnh hưởng văn hóa đối với mỗi nhà thi sĩ (trang 32).

Sau đó ông lần lượt xét về thể thơ dùng chung cho hai quyển sách trên, thể song thất lục bát với ba yếu tố văn, nhịp, đối. Ông dành các trang 32, 33, 34, 35 để trình bày và sơ kết :

«Các phương pháp hành văn vừa xét ở trên có phải vì tình cờ mà áp dụng giống nhau trong hai tác phẩm do hai tay khác nhau tạo ra không ? Hẳn là không. Phải có một ảnh hưởng của tác phẩm này đối với tác phẩm nọ.»

Rồi « để thêm minh chứng cho sự tương đồng giữa Chính phụ ngâm khúc và Ai tư văn, ta gộp lại và sắp đối chiếu dưới đây : những lời, những từ, những cảnh giống nhau » (trang 35)

Đến đây, ông mới sắp xếp đến sáu đoạn (chớ không phải một đoạn như ông Phúc viện ra) và đã in bằng chữ chân ruồi cho đỡ choán giấy

(1) Vì khi viết sách Chính Phụ Ngâm Khúc Giảng Luận (Văn Hóa x.b kỳ ba 1953), chưa tìm ra sách CPNDATK và cả CPNBK của H.X Hân.

khắp ba trang 35, 36, 37.

Tới đây, ông Thuần Phong đã khẳng định và đặt câu hỏi :

« Vịn vào nội dung và hình thức, từ tiêu tiết đến đại cương, ta có thể kết luận chặt chẽ rằng :

Ai tư văn và Chinh phụ ngâm khúc hoàn toàn giống nhau và không phải ngẫu nhiên mà giống. Phải có ảnh hưởng nhau.

Vậy bản nào đã gây ảnh hưởng cho bản nào ? (trang 37)

Ấy, nhà biên khảo Thuần Phong viết công phu đến như thế, kỹ lưỡng đến thế mà ông Phúc trình bày như thế thì thật chẳng còn trời đất nào nữa ! Thế rồi ông cứ theo cái phần so sánh cón con mà giảng giải mà biện luận, khiến chuyện so sánh phía Ai tư văn, CPNK của ông Thuần Phong, do tôi trình bày, trở thành chuyện đầu voi, đuôi chuột.

Như thế thì làm sao những lập luận khác của tôi dựa vào phần nghiên cứu của Thuần Phong đứng vững nữa ! Sự thật, phần lập luận sau của tôi chỉ còn hữu lý khi thấy hai tác phẩm kia không hẳn « mình với ta tuy hai mà một » chớ cũng là chị em sinh đôi thì những dữ kiện tôi đưa ra để quyết đoán bản nào đã chịu ảnh hưởng bản nào mới có nghĩa lý.

Vậy bản nào đã chịu ảnh hưởng bản nào ? Hiên nhiên Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc ra sau (1804) phải chịu ảnh hưởng của Ai tư văn (viết sau 1792, chớ không phải 1792 ; niên độ này dành cho bài văn tế mới đúng ;

còn Ai tư văn có thể sau đến đôi, ba năm). Nhưng vì lẽ Phan Huy Ích đã góp phần rất nhiều trong việc sáng tác nên không hẳn ông chịu ảnh hưởng của Ngọc Hân mà lại chính là của ông. Phải hiểu như thế chứ không cần phải loanh quanh vô ích.

Đến đây, có thể xem như tôi đã đề cập khá rõ về vấn đề Ai tư văn và Chinh phụ ngâm diễn âm tân khúc. Có thấy phần giống nhau như chị em sinh đôi của hai bản văn kia mới thấy cái giả thuyết về tâm sự Phan Huy Ích tôi đặt ra có nghĩa lý. Nếu không thì các dữ kiện đều đồ và tâm sự, dù chỉ là giả thuyết, cũng đồ theo.

oOo

Vì giả thuyết này—sự liên hệ giữa Ngọc Hân công chúa và Huy Ích — tôi viết :

Tôi vẫn nhớ Phan Huy Ích bản chất là một nghệ sĩ hào hoa. Thế thì ông có thoát được thường tình của hạng người này không ? Ông (1750) hơn Ngọc-Hân (1770) chỉ có hai mươi tuổi, vợ chết đã lâu (vợ họ Ngô, chết 1793) (1) nay đứng trước một hoàng hậu sớm góa bụa trẻ, đẹp, sành văn chương, người đàn ông mới chưa đầy 50 tuổi còn nhiều sinh lực đó có thể cảm lòng được không ? Khóc hộ cho chồng Ngọc Hân bằng tiếng khóc bi thương lẫn hùng tráng, có thể là tiếng khóc chân thành, nhưng bây giờ khóc luôn một hơi bằng những năm

(1) Chữ lâu này tôi dùng là đứng vào cương vị năm 1804. Chứ năm 1793 thì bà chết, đứng vào dịp vua Quang Trung mới thăng hà (1792) một năm.

tiếng khóc khác nhau chàng Huy Ích hào hoa, phong nhã khóc cho thiên hạ hay cho ... chính lòng mình và khóc ngang nhiên trước thần dân và lân quốc? Nỗi niềm tâm sự của Trần Khắc Chung có phải tâm sự của chàng? Và bây giờ viết nên tập Chinh phụ ngâm tân khúc, mô phỏng liên miên những đoạn bà vợ trẻ khóc chồng, hình ảnh ai kia có làm cho chàng bối rối văn chương ai kia có làm cho chàng xúc động mở màn dù cho:

« Tình trong giấc mộng muôn vàng cũng không »

Và câu thơ sau đây thực sự là hành động nhớ chồng hay chính của Huy Ích nhớ lại người xưa:

Lên cao trông thức mây lồng,

Lòng nào là chẳng động lòng bi thương.

Bởi vì Phan Huy Ích đã kết thúc bài thơ Ngẫu thuật là « tự tín suy minh tác giả tâm » (tín là mình đã soi sáng được nỗi niềm tâm sự của tác giả) nên ta nghĩ chắc ông có nhiều băn khoăn về tâm sự nên mới hay đề ý tâm sự kẻ khác. Mà tác giả tâm ở đây, ta cũng có thể ngờ chính là tâm sự của họ Phan (Trang 131-132).

Chỉ như thế mà ông Phúc kêu toáng lên:

« Chưa hết, Ô. Nguyễn Văn Xuân còn phát giác những chuyện động trời » (...) « Phát giác rằng Phan Huy Ích có tiếp xúc và đem lòng yêu Ngọc Hân công chúa, dù chỉ « tình trong giấc mộng » thì Giáo sư Nguyễn Văn Xuân quả là có óc tưởng tượng quá lớn ».

Hỡi ơi và hỡi ơi! « Tình trong giấc

mộng » mà là động trời, là có óc tưởng tượng quá lớn, thì lũ văn nhân, nghệ sĩ thật đáng đem cho cảnh sát bắt giam hết, mà đầu têu là Xuân Diệu:

Tôi yêu Bao Tự mặt sầu bi,

Tôi mê Ly Cơ hình nhịp nhàn,

Tôi tưởng tôi là Đường Minh
Hoàng

Đang đêm viếng nàng Dương Quý-
Phi (1).

Hay ông nói thời ấy, đạo vua tôi quá trọng, không ai dám tưởng tượng như thế? Thế thì tại sao có câu:

Trăm quan có mắt như mờ

Đề cho Huy Quận vào sớ Chính
cung.

Vào thời Lê Trịnh. Rồi cả vào thời lừng lẫy của nhà Nguyễn nó được đòi ra:

Trăm quan con mắt hững hờ

Đề cho Đăng Quế (2) vào rờ Chính
cung

Ấy! Bọn họ không « tình trong giấc mộng » mà có lẽ dám làm thật sự, ông Phúc ạ, làm ngay trước mắt trăm quan và trên ảo tưởng của những người thiếu thực tế, chỉ biết cung đình qua sách vở học trò.

Nếu thế mà ông chưa bằng lòng,

(1) Chép theo trí nhớ, vì không còn tài liệu.

(2) Rất nhiều người, vẫn nghi Trương Đăng Quế (Quảng Ngãi) là cha thật của Tự Đức, bằng cách này hay bằng cách khác...

đòi hỏi phải trả lời *từng chữ một* của ông thì tôi cũng thử trả lời. Ông hỏi: Phan Huy Ích làm cách nào mà đứng trước bà hoàng hậu trẻ, đẹp, sành văn chương kia được? Rồi ông viện lý do là cung cấm trang nghiêm hoàng hậu không *lâm triều chính thống* v.v... ông nghĩ *đứng trước* phải là *đứng bằng* cả hai chân trước bà hoàng hậu. Đó là hiểu theo « *chân từng chữ một* » vì *đứng trước* có nghĩa là *đứng trước một hình ảnh* qua một lời thuật, một sự kiện, một tài liệu, một tưởng tượng. Sự thật, Huy Ích bấy giờ đang ở Thuận Hóa, rất thân cận với Cảnh Thịnh (có thể là Bí thư) mà theo Hoàng Lê nhất thống chí (Ngô Tất Tố dịch; Cơ sở Tự Do, xuất bản) thì ông cùng Ngô thời Nhậm vào Huế, (trang 209 — nhưng trang 238 lại nói Nhậm ở Bắc, có lẽ Nhậm vào rồi ra lại chẳng? (1), Như thế, bên cạnh Hoàng hậu, Ích là người Bắc duy nhất? Có học vấn, ở địa vị rất cao trọng, làm sao cả hai không có sự thông cảm nào đó, nhất là khi Quang Trung đã chết và ông được Cảnh Thịnh tin dùng. Còn nếu bảo ông chưa bao giờ được thấy dung nhan Hoàng hậu, tôi không tin. Vì vào triều Tây Sơn cũng như các chúa Nguyễn về trước, người Miền Nam chưa có những tập tục, lễ nghi quá đáng. Theo Hoàng Lê NTC (Sđd) thì khi Trung ương Hoàng đế Nguyễn Nhạc ra Bắc, ăn mặc rất tầm thường, tả tơi và khi anh em Nhạc, Huệ gặp nhau, đối xử với nhau « *v như anh em các nhà thường dân* » (trang 92). Còn Bình (N.Huệ) khi đi đón vợ về

thì « *hết thấy các lễ đúng theo như lệ thường các nhà* ». Nhất là chúng ta đừng quên Nguyễn Huệ, có lẽ cũng như các chúa Nguyễn — cụ thể Nguyễn Phước Châu — đã từng tự mình *dẫn dân đi chữa lửa khi có nhà cháy* vì cung điện đều bằng tranh cả (theo Thích Đại Sán, Hải ngoại ký sự, Đại học Huế 1963) thì triều đại này chắc chưa có những cách biệt quá lớn để ngăn cản một đại thần đến chào hầu một bà hoàng hậu cùng xứ sở. Và chẳng, nếu ông cứ hỏi « *làm sao đứng trước dung nhan bà cho được mà rung động* » thì tôi cũng có thể đáp quyết chắc: Phan Huy Ích đã từng có lần được thấy — một cách thế nào đó — Ngọc Hân, khi còn là công chúa. Sự kiện này được ghi trong Hoàng Lê nhất thống chí (sđd trang 82).

« Hoàng thượng (...) định đến hôm sau đưa dâu. Rồi ngài truyền chỉ (...) các quan văn võ (...) sớm mai đợi ở cửa điện để đưa Ngọc Hân công chúa ra phủ (...). Trai gái đi xem đông như nêm cối ai nấy đều cho là việc ít có xưa nay ».

Trong các quan văn võ, hiển nhiên có Phan Huy Ích, bấy giờ đã là đại thần.

Nhưng dù cho không thấy mặt bà mà cứ yêu bà — vì bản tính ông là nghệ sĩ — thì có việc gì mà ông Phúc phải la lên oai oái, rất đáng lạ lùng:

(1) Chính trong HLNTC (sđd) trang 238 cũng ngạc nhiên vì sự có mặt của Nhậm ở Bắc. Nhưng theo Hoàng Xuân Hãn trong C.P.N. bị khảo thì các quan người Bắc ở trong nội các cứ sáu tháng ở Thăng Long lại sáu tháng vào Phú Xuân.

« Sử nhà Nguyễn Gia Miêu hay đặt điều nói xấu, xuyên tạc, vu cáo nhà Nguyễn Tây Sơn song không ai tưởng tượng nổi được một vụ như vậy cả! » (1) Vụ gì mà ghê gớm, mà là nói xấu, xuyên tạc, vu cáo được kể vào hàng số một như thế? Hỡi ơi, yêu thầm trong bụng mà phải kết tội đến thế ư? Thế thì những cái tội này đáng ghép vào hình luật gì, ông Phúc? :

a) Theo Chính biên liệt truyện 14a/ : Nhạc càng đắc chí, ngày càng dâm bạo, giết Nguyễn Thung, lại lấy vợ Nguyễn Huệ, người đời đều chê ghét.

b) Theo như lối Liệt Truyện tường thuật thì Quang Trung chết bệnh (...) Nhưng lại có dư luận cho rằng ông đã bị đầu độc và con người bị tình nghi đã chủ trương việc sát nhân đó là chính Bắc cung hoàng hậu. Sự thật thế nào, nay thật khó mà phán quyết (1).

Những truyện đó mới thật « động trời » mà chả bao giờ làm ai ngạc nhiên. Vì vua chúa và phong kiến có những chuyện riêng của họ (2). Vậy mà đảng này chỉ mới « tỉnh trong giấc mộng » mà ông Phúc đã kêu lên rồi lại hò hét gớm ghê đến thành xuyên tạc :

« Chỉ còn một tí nữa là các độc giả được dẫn dụ để hiểu ngầm rằng Ngọc Hân công chúa đã cầm sừng vua Quang Trung » (trang 39).

Ông Phúc thật đúng là hạng « bảo hoàng hơn nhà vua ». Ông hăng say đối với Ngọc Hân cho đến độ ông không muốn tôi dùng những chữ

như... người xưa ! Và ông công kích tôi đã dùng chữ viết nên vì CPNDATK chỉ là bản dịch ! Không thể có sự sửa đổi tí ti nào trong đó chớ đừng nói là tưởng tượng dù Phan Huy Ích đã không chỉ tự do rút ngắn kéo dài mà còn tự ý bỏ 2 câu 287-288, không diễn âm để khỏi gây cho chính phụ tâm trạng tuyệt vọng như người chính phụ của Đặng Trần Côn.

Thật ra, ông Phúc vì quá tôn phục sắc cung Vũ Hoàng hậu nên ông có thành kiến chẳng, chớ một nhà phê bình trẻ khác ở Tạp chí Vượt Thoát, khi đọc đoạn này trong CPNDATK, thì không chỉ đồng ý một cách giản dị và còn muốn đi xa hơn cả tôi nữa :

« Chúng ta ngỡ ngàng một cách thích thú về giả thuyết tâm sự thứ nhì của Phan Huy Ích (xem từ trang 127-132). Tại sao lại không thể được nhỉ? Chúng tôi tưởng ông Xuân có thể tiện thể dành lại tác quyền Ai tư vấn cho Phan Huy Ích mà không sợ tiếng hồ đồ » (Đoàn Xuân. Vượt Thoát - 1972)

oOo

Điều lạ hơn cả là ông còn trách tôi tại sao đi tìm chỉ một bản chép in « trong đó những câu âm thanh tuyệt diệu biến thành những câu cộc lốc ».

Ông lấy thí dụ :

« Chốn Hàm Dương chàng còn ngoảnh lại

(1) Việt Nam thời Bành trướng : Tây Sơn. Nguyễn Phương trang 311.

(2) Tác giả bài này nhấn mạnh (x)

« Bền Tiêu tương v.v... »

Còn bản phát giác của tôi ghi là :

« Chỗn Hàm kinh... »

Rồi ông hỏi :

— Sao lại Hàm kinh được ? Nếu giảng bài cho học sinh Trung học (...) Nếu thực sự có bản chép in nào đó thì quả người in và người chép đều bất thông thi pháp như nhau. »

Tới đây tôi thật chỉ còn biết dở mũ chào một người can đảm : chưa bao giờ nghe nói tới khoa hiệu đính cổ văn mà lại viết *phê bình cổ văn* thì quả thật là một « phát giác kỳ dị » như chính ông Phúc tặng tôi từ tiêu đề của bài này ! Không rõ những người *thông thi pháp* trong chỗ thân tình của ông Phúc là ai mà không can ngăn ông ! Tôi đề nghị ông nên đọc quyển « Thử giải quyết vấn đề diễn giả Chính phụ ngâm » của giáo sư Nguyễn văn Dương (Nhà xuất bản Đại-học Huế 1964) trong đó « có trình bày *Phương pháp khảo đính những tác phẩm cổ, khoa khảo chứng cổ tịch ở Trung Hoa* hiện đã mỗi ngày một cải thiện và có thể giúp ích cho học giới Việt Nam trong việc nghiên cứu kho tàng cổ tịch Việt Nam ra sao » (CPNDATK, trang 53).

oOo

Sau hết, ông Phúc nói về việc tôi « tự nhiệm công tác nghiên cứu văn học lịch sử Miền Nam » rõ ràng là thế. Vậy mà ông lại viết « Giáo sư Xuân nghĩ là miền Bắc đã có nhiều người chuyên khảo về văn học, lịch sử rồi nên giáo sư muốn tự nhiệm công việc

này ở Miền Nam. Nói một cách khác, dưới mắt Giáo sư Xuân sĩ phu miền Nam thờ ơ với Văn Sử. » thật là một chuyện « kỳ dị » khác. Tôi nói nghiên cứu văn học *lịch sử Miền Nam* chứ có bao giờ tôi nói nghiên cứu văn học lịch sử Miền Bắc mà tôi không thông thạo đâu ! Ngày nay, *việc chuyên môn* rất cần, các nhà nghiên cứu mỗi ngày một đi vào *con đường riêng*, môn mà tương đối mình có *biết, có hiểu*. Tôi là người Nam, làm sao tôi rành các vấn đề Miền Bắc, nhất là vào các thế kỷ trước. Vì nôm Bắc khác nôm Trung, phong tục tập quán khác Trung, gia phả, truyền thuyết, ngôn ngữ, liên hệ xã thôn, tộc đảng vô cùng rắc rối, làm sao tôi *bạo gan, bạo phôi nói liều* ! Cho nên tôi đã viết trong Tựa CPNDATK trang V :

« Từ lâu nay, tôi muốn tự nhiệm công tác nghiên cứu văn học, lịch sử Miền Nam vì nghĩ là *Miền Bắc đã có nhiều người chuyên lo trên nửa thế kỷ này* (1). Nhưng tình cờ, trong khi đào bới những đồng sách vở, phát giác được sách này nên tôi phải bỏ công nghiên cứu. Tuy biết còn nhiều khuyết điểm... » Rõ ràng là thế. Vậy mà ông Phúc đã đọc thế nào để đến nỗi dẫn tới kết luận « kỳ dị » sau đây : « Nhưng vẫn còn nhiều người vẫn hằng thiết tha với công cuộc mà Giáo sư tự nhiệm. Chưa đến nỗi bỏ văn đàn thành một vườn hoang cho

(1) Tôi nhấn mạnh trong kỳ in này (Xuân) và tôi xin nhắc là thời này xa thời Phạm Quỳnh là ai muốn viết cái gì thì viết. Đã quá xa rồi ! Thời này là thời *chuyên trách, chuyên môn*.

ai muôn múa gậy thì múa đâu ».

Tôi đọc lại cả đoạn trên. Hoảng hốt không nhớ rõ mình đề cây gậy đâu trong cái vườn hoang « đã có nhiều người chuyên lo trên nửa thế kỷ này ». Mới vội dở lại Bách Khoa (Bđd trang 34) thì « phát giác » ra một chuyện... có thật : Ấy là ông Vũ Tiến Phúc đã là tác giả

quyền « Giảng luận Chinh phụ ngâm khúc » do « Cầm Sa xuất bản 1971 ». Trong cước chú thấy ghi rành rành thế. Tôi không bịa chữ nào ! Và đó là một trong những duyên cớ ông không muốn tôi múa gậy vườn hoang vì đã có... ông múa trước.

NGUYỄN VĂN XUÂN

Đã phát hành :

Những trận đánh lịch sử của Hitler

Bản dịch của NGƯỜI SÔNG KIÊN và LÊ THỊ DUYÊN

- Một cuốn sách độc đáo về Chiến Tranh và Tình Yêu của một con người đã từng làm rung chuyển cả bốn bề năm châu.

- Một cuộc sống li kì, một mối tình thơ mộng của một lãnh tụ bạo tàn nhứt thế giới mà cũng đa tình chung thủy nhứt thế giới : Adolf Hitler.

SÔNG KIÊN xuất bản

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghĩ SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon :	47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuột : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vĩnh Bình : 24 Gia-Long Vĩnh-Bình	ĐT : 092
—	Sađéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vĩnh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : đề xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Lá thư Ba-lê

● MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Saigon 29-3 Paris 14-4-73

Anh Ch.

Thư này bắt đầu viết tại Saigon, trước khi lên đường trở lại Pháp, gần đến giờ phải ra phi-trường tôi mới sực nhớ là ít nhất cũng phải có một bức thư viết từ Saigon chứ sao lại cứ nói chuyện xứ người mãi. Còn một điểm riêng nữa thúc đẩy tôi viết tại Saigon là vì tôi muốn chọc thềm những ai hiện đang sống xa quê hương, có đủ điều kiện về thăm quê hương, mà không về, vì cứ tính toán mãi sự lợi hại.

Biết đâu sau khi đọc bức thư của tôi người ta sẽ động lòng và quyết định về nhìn mặt quê hương một chuyến. Vì vậy thư này nói là gửi cho anh nhưng cũng là gửi cho những người không chịu về ấy nữa.

Anh biết không, tôi mà về đến quê hương là y như cá được về với nước. Cái gì cũng đáng say mê và người nào cũng dễ thương. Nắng Saigon không gay gắt đập vào mặt như nắng Lào hoặc Cao Miên. Đêm Saigon mát mẻ, cô gái Saigon duyên dáng, các đấng Nam-nhi thì khỏi nói, ông nào cũng... đáng cho các cô phải quay lại nhìn.

Đây là không nói đến các quán ăn và cái tình người, tràn ngập trên ánh mắt, trong nụ cười, mà ở ngoại quốc không thể nào tìm thấy.

Nhưng khen mãi quê hương chắc có người lại nghĩ rằng tôi linh lương của chính phủ mà tuyên truyền chẳng? Cố nhiên là xứ mình cũng như tất cả các xứ người có điểm tốt mà cũng có điểm xấu.

Tôi cũng sẽ ghi ra đây một vài điểm đã làm cho người ta phải nhăn mặt nhá.

Điểm thứ nhất là nhiều người ngồi ăn mà cứ vớt các thứ xương xuống đất, có người còn nhả xương ra đất nữa. Thật không đẹp tí nào. Chẳng hiểu họ nghĩ gì mà không vớt vào một cái đĩa hoặc một cái bát ở trên bàn có phải tiện cho việc dọn dẹp không. Có một bạn ở

đây, tôi mời một cậu về ăn ở nhà tôi. Cậu ta trông mặt mày cũng sạch sẽ, mà lúc ăn cứ vớt xương xuống sàn, làm cho cô bạn của tôi nhìn sững sờ. Nhất là sau đó chính chúng tôi lại phải thu dọn lấy chứ ở xứ người thì còn sai ai. Thì ra cậu ta quen cái thói đi ăn hiệu ở bên nhà.

Điểm thứ hai kể nốt anh nghe, ở Saigon tôi được hân hạnh đi chung xe với một cô bạn. Cô ta thật đẹp, lái chiếc xe Hoa-kỳ cũng đẹp như chủ nhân. Vậy mà đang lái xe cô ta quay ra nhổ toẹt xuống đường làm tôi lạnh xương sống. Sao lại không nhổ vào những chiếc khăn giấy có phải đỡ

khờ cho bao nhiêu người, nhất là cho những ai vô tình phải nhìn cái bức tranh người đẹp nhờ toẹt ấy.

Tôi về nhà gặp ngay một người bạn của ông anh tôi. Hắn ta dân Thụy-sĩ, cái dân tộc nổi tiếng là sạch. Thấy tôi phàn nàn với anh tôi về câu chuyện trên, hắn liền kể thêm cho nghe một kỷ niệm của hắn cách mấy tháng trước. Một hôm hắn leo đèo đi theo một cô gái thật xinh, ăn mặc thật đúng thời trang. Đang đi bỗng người đẹp quay sang bên xi mũi bằng cách lấy ngón tay bịt lên mũi... Thế là hắn quay gót chạy mất?

Thôi, chỉ nói thế thôi; bây giờ tôi phải quay sang chuyện khác không có thì ngay đến anh cũng sẽ bức mình, vì người ta mong thư là để nói những chuyện gì vui vui, sạch sạch, chứ những thứ vớ vẩn ấy mà cũng mang ra đây dọa nhau.

Vậy thì kể cái chuyến đi cho anh nghe. Tôi phải nằm lại Bangkok hai hôm vì đi thứ máy bay rẻ tiền, mình phải bị lệ thuộc vào giờ giấc của họ. Đáng lẽ tôi đi vào tối thứ bảy, sáng chủ-nhật tức là vào quãng 3 giờ sáng (giờ Sửu). Lên phi trường chỉ có một mình tôi, ngồi một lúc, lổm nhổm tiếng đồng hồ, mới có người đến báo cho biết là máy bay trễ 15 giờ. Tức ghê không, thế là lạnh lùng cái thân em đành vác va li về lại phòng trọ. Mất bao nhiêu thì giờ, vì phải thức gần suốt đêm, chưa kể là mất tiền xe, đường từ phố lên phi trường lại xa, đi cả tiếng đồng hồ mới đến.

Lúc có may bay thì chật như sắp

cá mòi, chật từ ở Sidney. Đến Bangkok chỉ có ba người lên mà tôi là một, cứ lo người ta bỏ rơi mình, may quá người ta lại còn nhớ. Đã vậy mà cái đàn lục-huyền của tôi nó còn chiếm một chỗ khá nhiều. Chịu vậy. Anh có nhớ cây đàn của tôi không? Tôi có ba cây đàn tên Nghiêm Trinh, Nguyên Trinh và Nghi Trinh. Cây đàn anh thấy mà hiện nay là người yêu số một, là Nghi Trinh đó, cây đàn mà nhạc sĩ Phạm Duy cứ đòi mua lại. Có ai lại mang bán vợ đi bao giờ hả anh. Hôm ấy anh đã nói đúng. Anh Phạm Duy có bao nhiêu là hạnh phúc, vợ đẹp, con khôn v.v... còn tôi, có mỗi một cái hạnh phúc ấy mà anh Phạm Duy cũng đòi mua nốt sao!

Bây giờ về đến đây rồi, ngồi lại trong gian phòng bé nhỏ tầng thứ 6, không thang máy của tôi, tôi mới thở dài một cái để trút hết tất cả mọi ưu tư. Như thế gọi là đi đến nơi về đến chốn. Bao nhiêu người nhờ mang thư bây giờ mới làm cái việc phát thư, toàn những thư phải gửi đi xa hoặc nặng, cái nào cũng trên hai trăm bạc tiền tem. Thôi kệ, ăn tiêu về nhiều, người đời của tạm, cứ cho là được đi. Chỉ có một bức thư mà người ta gửi tiền cho nhau thì than ôi nó lạc đâu mất. Anh có thông cảm giùm không? Ba giờ sáng còn xuống lục thùng rác tìm, vì ngày về, tôi có độ 5 ký thư từ phải đọc. Tôi sợ nó bị lạc vào đồng rác của những phong bì ấy. Báo hại tôi huy động cả láng giềng, cả bạn của láng giềng, mỗi đứa ôm đèn, mang bao tay cao su bịt mũi đi lục thùng rác. Chẳng tìm

thấy tôi đành viết thư hỏi chủ nhân xin tiền vậy, chỉ xin ngài cho biết nó là bao nhiêu... May quá thư chưa gửi thì tôi nhận được một bức điện tín gửi từ khách sạn Bangkok sang, là tôi có quên một bức thư trong phòng. Thật là phúc ba đời. Các bạn tôi hôm qua đang tìm lời an ủi rằng năm ngoái đi làm về thì vào bệnh viện, «năm nay đến tiền mà khỏi vào bệnh viện thế là quý lắm, may lắm rồi» và tôi đã cúi đầu vâng theo sự xếp đặt dễ ghét của định mệnh.

Bây giờ thì lại sắp khao tiệc vì khỏi đền, chẳng biết bao nhiêu mà đền. Nếu người ta ác bảo là 1000 đô-la chắc cũng phải chịu. Bây giờ thì thề, ai gửi tiền mà chơi cái lối bỏ bì, dán kín, là tôi sẽ không nhận, cũng như không nhận tiền nong gì nữa cả. Anh cũng nên lấy cái việc trên đây làm kinh nghiệm, đừng bao giờ dại, giống tôi. Phần thì lo, phần thì mệt, bức mình, thế là tôi mất đi bốn kí-lô mà mãi mấy chục năm mới lên được. Nhưng thôi, anh gặp tôi sáng nay anh sẽ thấy tôi đang vui đây. Trời bao giờ cũng đái đứa khờ, nếu cứ tính toán quá thì chắc giờ này tôi đã điên lên vì nhiều chuyện khác sẽ xảy ra.

Về đến Ba-lê trời mưa tầm tã, nhưng hôm nay nắng đẹp rồi mặc dầu vẫn còn lạnh, đi ra vẫn phải quàng áo khoác và phòng tôi vẫn đốt lò sưởi. Sắp đến lễ Pâques, mọi người đều toan tính chuyện đi trượt tuyết, đi nghỉ chỗ này chỗ khác.

Riêng tôi thì phải tính chuyện đi làm, cái phim quay ở Căm-bốt sắp ra, tôi phải làm vài lời bình luận.

Nói gì bây giờ về tình hình một xứ đang nát như tương; tôi đã năn nỉ với ông đạo diễn để dành cho tôi những đoạn nào tôi chọn lấy; như thế tôi sẽ chọn đoạn nào vô tư, nhân đạo, cho ông đạo diễn những đoạn xương xẩu, gay cấn.

Hôm nay thứ bảy mà tôi vẫn phải đi làm cũng như mai chủ nhật cũng phải làm. Cả buổi chiều nay tôi ngồi trong phòng rạp phim tối om để nghe những tiếng súng bắn, vì cái phim chúng tôi làm ở Căm-bốt là một cuộn phim về chiến tranh. Bây giờ ngồi nhìn lại, trong gian phòng tối, những cảnh mà chúng tôi đã sống, cảm giác khác hẳn. Không còn lo sợ bức bối như lúc phải sống ở cảnh thật.

Cả buổi chủ nhật tôi phải ngồi viết bình luận với ông đạo diễn. Làm từ sáng đến tối, 9 giờ, mới đánh máy xong mấy bản đề ngày mai còn đi thu tiếng. Thế là hết bồn phận của tôi và có thể ra «kết» lãnh tiền không ngưng ngưng.

Anh có muốn nghe một mẩu chuyện trong lúc chúng tôi viết bài ngày chủ nhật không? Muốn viết bình luận cho một cuộn phim như vậy chúng tôi phải xem lại cuộn phim sau khi ráp xong đề ghi số của từng đoạn từng cảnh, từ số bao nhiêu đến số bao nhiêu cảnh gì. Sau đó mới chia nhau mỗi người viết mấy đoạn. Ai ngồi nhà nấy mà viết, điện

thoại cho nhau mỗi khi cần hỏi han hay có thắc mắc. Lúc nào xong thì ráp lại mà sửa chữa gọt đẽo cho nó đẹp tai đẹp ý. Hôm qua ông đạo diễn đến nhà tôi vì ông ta có xe — anh phải nhớ là đạo diễn ăn lương gấp đôi ký giả, tất nhiên là đạo diễn phải giàu hơn ký giả. Ông ta viết đoạn mở đầu, đoạn nhì phần tôi, ông ta muốn tôi phải ghép thêm một câu của ông ta viết và cho là rất đặc ý vào phần của tôi. Một câu mà văn chương rất có vẻ... cái lương: «Mỗi khi mặt trời lên, ánh hồng mơn trớn những nét chạm trổ v.v...» Tôi đã phải cắn môi để khỏi phì cười. Tôi quay lại nói bằng tiếng Việt với một cô bạn ở cùng nhà: Khiếp văn chương này là thứ mà ở nhà gọi là «Bà lớn đa tình» đây.

Cô bạn phá lên cười, ông ta hỏi lý do, hai chúng tôi nhìn nhau chẳng đưa nào đủ can đảm dịch ra, mà có lẽ cũng chẳng biết phải dịch thế nào. Đỗ anh dịch được đấy.

May quá ngày hôm sau lúc sắp thâu vào băng, tôi đọc lên, ông ta nghe hơi chối tai nên yêu cầu bỏ đi, nếu không, chắc lúc thâu thể nào tôi cũng bật cười. Mà cười thì chắc sẽ mất thì giờ vì phải xóa đi làm lại nhiều lần.

Đây cũng là cái lý do ông đạo diễn này cứ muốn làm việc với tôi, là vì cái tính tôi dễ dãi. Ai muốn sao cũng được, tôi chẳng bao giờ muốn tranh dành đòi đề tên mình lên trên hay xuống dưới. Tôi cũng chẳng chê bai gì, chứ với mấy ký giả khác thì thế nào cũng có sự kèn cựa.

Hôm qua có anh Võ-Quang-Yến đến thăm, anh ấy phàn nàn là không được nhiều liên lạc với độc giả bên nhà nên chẳng biết độc giả muốn gì. Ngồi nói chuyện với anh ấy gần hai tiếng đồng hồ, tha hồ than thở. Anh ấy đang có ý định sang năm sẽ về dạy học theo một chương trình dự trù của Bộ Giáo-dục mời Giáo sư ở ngoại quốc về dạy trong mấy tháng hè... Tôi hoan nghênh hết mình. Như vậy mới có dịp gặp anh em và ít nhất cũng gọi là đóng góp gì với quê hương.

Viết đoạn này xong phải ngừng còn đề sửa soạn ăn uống và còn đi dự họp báo của cuộc hội nghị giữa hai bên miền Nam Việt Nam.

Cuộc họp báo kéo dài tới hơn hai tiếng đồng hồ, chẳng khác gì những cuộc họp báo thời trước của cái gọi là hội đàm Ba-lê, chỉ có khác là bớt đi hai bên nên nó bớt lê thê.

Đi vắng từ bốn tháng, hôm nay trở về gặp lại những người bạn cũ, những người đã theo dõi cuộc hòa đàm Ba-lê từ năm 1968. Đứa nào cũng kêu là chúng ta già thêm 5 tuổi, thời gian trôi qua sao mà vùn vụt và con người chẳng làm được gì cho ra hồn.

Ở quê nhà sao có nhiều thì giờ hơn, bên này thấy ngày giờ nó không chờ ai cả. Sẽ có một lần nào đó tôi viết cho anh, nói rộng về những cái cuộc họp báo này mà chắc nó sẽ còn kéo rất dài. Thư này có thể gọi là một bức thư lung tung và nhân hôm nay tôi than thở thêm với anh một vài chuyện nữa.

Tôi vừa nhận được một cú điện thoại, tiếp theo là một bức thư của một người đề hỏi thăm một người khác. Họ tin rằng người ấy đang ở trong nhà của tôi. Ngạc nhiên chưa, sau đó hỏi ra thì trong một chuyến đi, tôi gặp một người, quen gọi là đại khái, họ xin địa chỉ, bảo đề khi nào có dịp sang Pháp sẽ đến thăm. Thế mà rồi sau đó họ xem như là quá thân đến nỗi đưa địa chỉ của tôi, cả số điện thoại cho người quen đề viết thư và... thú thật tôi đang lo họ xách va li đồ bộ xuống nhà tôi thì thật là chí nguy. Nhà tôi bé xíu, ở một người chứ hai người là đã thấy ngạt thở. Một cô bạn nhỏ còn kể thêm rằng cô ta ở căn phòng bé xíu, hai người đã chật thẽ rồi bỗng dưng có tin một cô nữa sẽ sang. Lúc đi đón thì không phải một mà là năm cô, kéo sang ở cả chục ngày chẳng kể gì đến sự khổ sở của người khác. Không chịu đi thuê phòng trọ, sợ tốn tiền mà trong số năm cô chỉ có một cô là có quen với cô bạn kia.

Nghe sợ không, anh thử tưởng tượng bây giờ tôi bỗng dưng mang hành trang về xin ở nhà anh chị, xem có đặt vấn đề cho anh chị không? Hơn nữa lại chẳng quen biết gì mấy, nếu cứ thế thì chắc là bất cứ ai có địa chỉ của ai cũng có thể xem như nhà mình được chẳng? Anh sẽ bảo là tôi bị Âu-hóa nhưng không phải đâu, anh xét lại coi. Nhất là đối với những đứa làm nghề viết lách như chúng ta rất kỵ sự nhón nhíp của một người nào ở bên cạnh. Thà là có quen biết gần gũi, đã từng ngồi hăng buổi, hăng giờ, chuyện trò với nhau, thì cũng bảo rằng đỡ cho nhau vài hôm trong lúc mới bước chân đến một đô

thị. Đẳng này chỉ biết sơ sơ, làm như nhà tôi là cái lữ quán thì tôi chịu sao nổi.

Thôi cho qua câu chuyện tuy rằng tôi vừa nhịn thở một giây vì nghe có tiếng chân lên thang gác. Tôi sợ người ta xách va li đến. Lắm khi sợ lẽ phép, xã giao của mình làm cho người ta hiểu lầm chẳng? Không lẽ như thế rồi tôi phải trở nên lăm li như con gấu. Anh có cảm thông giúp những cái bức mình vụn vặt của tôi như thế không?

Thư dài rồi, viết vừa chứ, viết dài quá đâu có thì giờ mà đọc. Quên kể cho anh nghe hôm qua đi họp báo tôi ngồi suy nghĩ đến một cái phương pháp nào để đừng nghe mà vẫn có vẻ nghe. Tôi đã thử các thứ đồ nhét tai bán ở hiệu thuốc Tây mà thứ nào cũng không có hiệu quả. Tại tôi nhìn thấy một vài người ngủ gục nên tôi mới có ý định phát minh ra cái phương pháp ấy. Bao giờ tôi nghĩ ra sẽ viết thư khoe anh và sẽ đi cầu chứng ngay. Với thời đại này, với cái bệnh nói dai, với cái bệnh thích họp báo, tha hồ tôi làm giàu. Anh sẽ hỏi giàu đề làm gì? Lắm khi tôi cũng tự hỏi giàu đề làm gì, thế nào cũng về xứ tìm một chỗ ở có đầy đủ tiện nghi để làm việc.

Bức thư này phải gọi nó là một bức thư lảng nhãng kể từ lúc chưa bước chân lên máy bay cho đến hôm nay là 2 tuần nằm ở Ba-lê rồi vẫn chưa viết xong. Thôi nhé, phải ngừng. Thư sau viết cho anh sẽ đứng đắn đạo mạo hơn, bớt nói chuyện vớ vẩn. Nhưng chưa chắc, hứa là một chuyện, còn giữ lời lại là một chuyện khác. Thăm cả tòa soạn BK, và hẹn anh thư sau.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Sách mới

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Thơ Quỳnh Dao ấn bản Thơ Xuân Quý Sửu 1973 của Thi-đàn Quỳnh Dao và các thi hữu, do Phương Thảo xuất bản và Cao Tiêu gửi tặng. Giai phẩm in toàn bản đẹp trên giấy Hoàng Hương dày 40 trang gồm 37 bài thơ Xuân xướng, họa của trên hai chục nhà thơ, mở đầu bằng bài « Đón hương Xuân » của Hương-Khuê Đan Quế. Bìa và phụ bản rất đẹp.

— Đôi mắt tập truyện của Miêng do Việt nam và Thế giới Thời báo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 96 trang, gồm 7 truyện ngắn trong có truyện « Em đến với anh » đã được giải nhất truyện ngắn của Tuần báo Hoa Tinh Thương năm 1970. Lời bạt giới thiệu tác giả và tác phẩm của Nguyễn Đình Tuyển (Minh Huy). Giá 240đ.

— Người mắt bóng, nguyên tác của Albert de Chamisso bản dịch của Cô Lữ do Nguyệt Quế xuất bản và Nhà Tổng phát hành Nhiều gửi tặng. Sách dày 168 trang. Giá 230đ.

— Những trận đánh lịch sử của Hitler, nguyên tác của Georges Blond, bản dịch của Người Sông Kiên và Lê thị Duyên, do Sông Kiên xuất bản và Nhà Tổng phát hành Nhiều gửi tặng. Sách dày 450 trang có phụ thêm 8 trang hình ảnh của Hitler. Giá 650đ

— Tiếu đoàn trừng giới, nguyên tác của Heinz-Gunther Konsalik, bản

dịch của Tâm Vũ, do Thùy Dương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 458 trang. Giá 600đ.

— Thư tình trên cát truyện dài của Duyên Anh Vũ Mộng Long, do Tuổi Ngọc xuất bản và gửi tặng. Sách dày 286 trang, bìa Đình Tiến Luyện ; giá 450đ.

— Tín dụng ngân hàng của Nguyễn Văn Tuyên do soạn giả xuất bản và gửi tặng. sách dày 234 trang gồm 2 phần: Lý thuyết và Thực hành, giúp ích cho công cuộc phát triển học thuật chuyên nghiệp kinh tế tài chánh, độc giả có thể gửi mua sách tại nơi soạn giả ở 168/38 Nguyễn Cư Trinh Saigon. Giá 450đ.

— Trên vòng tay người (Viết khi mình còn sống) tập thơ của Trần Hữu Nghiễm do Nhập Cuộc xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ tư được xuất bản của nhà thơ trẻ gồm 24 bài thơ. Bản đặc biệt.

— Trong ánh mắt tập thơ của Trầm Thụy Khanh do Khởi Điểm xuất bản và gửi tặng. Tác phẩm gồm 19 bài thơ của nhà thơ xứ Huế, Bạch Trọng Thanh giới thiệu.

— Hồ Mộng Tường truyện dài của Từ Kế Tường do Vàng Sơn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 326 trang, trình bày đẹp, Giá 450đ.

Đất Thiêng Đặc san Hè 1973 do Tường Phương, Lâm Vị Thủy và Tường Linh chủ trương, dày 192 trang, gồm những bài tiểu luận và sáng tác văn nghệ của hàng chục cây bút tên tuổi: Nguyễn Đăng Thục, Bùi Giáng, Vũ Hạnh, Tô Thùy Yên v.v... Giá 280đ.

Trong lòng son

Cả buổi chiều hai đứa ngồi xe chạy vòng vo. Không chủ đích. Tránh mọi xa lộ. Tìm vào những con đường nhỏ quanh co màu cây xanh và không có xe chạy xuôi chạy ngược. Cả vũ trụ và mùa xuân cho riêng hai người. Hai kẻ gặp nhau mùa xuân, yêu nhau mùa hạ, từ tạ nhau mùa thu cho một mùa đông dài cách biệt. Rồi bỗng nhiên khi những loại hoa nở vàng trên thảm cỏ bên đường, tôi gặp lại Hưng. Ngơ ngác trước một cơ hội trở về. Không tìm ra lời nói với mung lung trong lòng.

— Em nên nhớ, không một người đàn ông nào cho rằng mình sẵn sàng để lập gia đình cả. Chính người đàn bà phải làm cho người đàn ông thấy họ đã sẵn sàng.

— Còn trẻ con đâu mà phải để ai ép buộc.

— Đó là điều em quên. Mọi người đàn ông dù thế nào cũng vẫn còn một phần trẻ con bên trong. Cái trẻ con sợ trách nhiệm, muốn được dẫn thúc, nhưng ghét mệnh lệnh và ép buộc.

— Không phải người đàn bà nào cũng biết làm mẹ.

— Đúng và sai. Không phải ai cũng biết dạy con, nhưng mỗi người đàn bà đều có khả năng làm mẹ. Cũng như mọi cô con gái đều là thợ săn. Nhưng không phải cô con gái nào cũng biết chọn đúng mồi săn để bày thú.

— Có thể có những người không muốn thì sao?

— Đố em tìm ra cho được một cô con gái từ khi lớn lên đến khi nhắm mắt mà không có những giây phút mong có chồng có con. Anh nhớ dưới quê anh ngày trước có câu ví dụ: «Đàn ông cần đàn bà, đàn bà cần đàn ông, nếu không làm sao cây trở bông.» Bộ đừng không mà người dân quê nghĩ ra được vậy à!

Chiếc xe lạng gập sang lề bên mặt để tránh một chiếc xe ngược chiều từ dưới dốc chạy lên. Thấy cô con gái ngồi sát ôm cổ người con trai đang lái xe. Chút xíu nữa thì tai nạn. Hưng chửi thề «đồ chó đẻ». Rồi hỏi tôi em có sao không? Tôi nói «Chưa sao; nhưng có điều cây trở bông đâu thì chưa thấy, mà chỉ thấy chút nữa là toi bốn mạng đó anh».

Hưng lái xe chạy ra công viên Great Falls. Xe nối đuôi nhau đợi vào cổng. Hưng quay đầu xe chạy vào một con đường vắng khác rồi đậu xe bên một cánh rừng. Hai đứa ngồi ăn bánh mì và uống sữa tươi. Rồi nằm dài trên cỏ. Không nói với nhau một lời. Nhiều lúc thấy rõ ràng giữa tri âm mình không nói mà nói với nhau rất nhiều. Im lặng nằm nghe cỏ mát dưới lưng và không khí ấp đầy hương thơm cây cỏ mới mùa xuân. Ngắm vào từng tế bào thân thể. Dẫn ra, nhẹ nhàng. Tưởng như hồn mình đang bênh bồng trên ngọn cây, len qua những chùm lá

non trong xanh như ngọc dát. Cứ thế mà hết buổi chiều. Không thắc mắc. Không hỏi han. Thấy lòng mình như cây cỏ. Bỏ rớt lại đằng sau tự lúc nào giáo dục, lễ nghi, ước vọng, và cả những buồn phiền. Thấy hồn mình mộc mạc như một ngọn cỏ lau bằng bạc trong nắng quái. Bóng nắng bồi hồi rồi lịm dần. Đêm ngọn cỏ vào êm đềm. Mất đi ánh bạc, ngọn lau biến dạng thành sắc tím mờ mờ. Một cách tự nhiên.

Cho đến lúc bắt đầu lạnh lạnh và lá cây trở về màu xanh đục, hai đứa tôi mới phúi cổ ngoài lưng áo, lên xe trở vào thành phố. Lại thấy xã hội và văn minh ào ào vây quanh.

Chúng tôi về gia đình chị Hương, nơi tôi về chơi cuối tuần, ăn cơm tối. Ngồi ăn sôi vò với thịt gà luộc lòng đào và tráng miệng bằng bánh đậu Bảo-Hiên từ Việt-nam gửi qua là một sự sang trọng đặc biệt đối với một kẻ chuyên môn ăn cơm cafeteria của lưu xá sinh viên như tôi. Cơm Việt-nam và đề tài « xã hội Hoa-kỳ ». Hình như bao giờ cũng thế. Thiên hạ ở Hoa-kỳ hay làm thế. Sống trên đất Hoa-kỳ, nhưng vẫn nói tiếng Việt-nam. Thích phân tích xã hội Hoa-kỳ tuy chỉ thuần ăn cơm Việt có đủ cả nước mắm và ớt xanh trong chén bát men thật trắng làm tại phố Tàu Nữ-ước.

Hương phê bình : « Thế hệ trẻ Hoa-kỳ này rồi hư hỏng cả. Vì bọn chúng nó sung túc và tự do quá. Chẳng hạn như tại các trường học thì trai gái ở chung cùng lưu xá.

Bây giờ ở nhiều trường còn cho chung cả buồng tắm. Và rồi sẽ đi đến chỗ cho ở chung phòng nữa. Chả lâu đâu. »

Tôi góp chuyện : « Ở dưới trường em có lưu xá sinh viên nam nữ được phép ở chung, nhưng vẫn còn một lưu xá dành riêng cho nữ sinh. Cho bọn cù lằn như em chẳng hạn. Con trai chỉ được tới thăm có giờ. »

Hưng đùa : « Sao em không thử ở lưu xá hỗn hợp cho biết. Và đề anh có lý do ngày nào đó trở về trường đi học lại. »

— « Đừng có đại nghe. Các cụ ở bên nhà mà biết Phương làm những cái trò đó các cụ sẽ chết ngất. Thiệt cái xã hội gì mà loạn quá đi. »

Hưng nói : « Chưa hẳn là cả xã hội, mà chỉ là một thiểu số gồm những người, ở trên thật cao hay ở dưới thật thấp, mới thực sự loạn. Chỉ những người thượng lưu trí thức trong xã hội là những người có phương tiện để có thể sống bậy bạ và đồng thời che dấu được những vụ nhầy rào của họ. Cũng như những kẻ bần cùng là những người chẳng có gì để mất và phải sợ nếu họ sống ngoài khuôn mẫu của xã hội, ngoài luân lý. Trong khi đó đa số là giai cấp trung lưu, những người lập nên thành trì để bảo vệ luân lý đạo đức xã hội và sống ép mình trong những thành trì mà họ vô tình dựng nên. »

Rồi câu chuyện quay sang triết lý sống đời mình và tôn trọng, cho phép người khác sống cuộc đời của họ

theo khuôn cách họ lựa chọn hay ưa thích. Hương bảo thể không được. Hưng thì chỉ trích là Việt Nam còn thiếu cái quan niệm «sống và để cho người khác sống» nên con người sống bức bối, khờ sở. Tôi không biết gì nhiều để góp vào câu chuyện nên chỉ ngồi nghe. Nhưng có điều tôi cảm thấy thật rõ ràng là khi đã khuya, biết Hưng sắp về khách sạn và tôi sẽ ở lại nhà Hương, tôi thật muốn nhay rào. Tôi sắp đặt trong óc. Tôi có thể nói tôi muốn về thăm Hoa, bà chị họ tôi, và sẽ ngủ tại đó. Tôi có chìa khóa phòng của chị để đưa mọi người xem làm bằng. Rồi ngày mai tôi sẽ về đó sớm, trước khi mọi người bắt đầu có thể gọi điện thoại. Vào lúc đó tôi đã có mặt, thì ai có thể biết được là tôi ở đêm ngoài khách sạn với Hưng. Tôi lắng nghe thân xác của mình. Lặng tiếng... Nhưng còn mọi người? Mọi người có thể nghi ngờ. Có thể thông minh và đọc thấu ý nghĩ của tôi. Hương có thể quên điều gì và điện thoại cho tôi ở nhà chị Hoa và không gặp tôi. Rồi mọi người sẽ biết, Tôi có thể hẹn mọi người ở nhà chị Hoa ngày mai để đi chụp ảnh, như vậy cho mọi người biết là tôi có ngủ tại nhà chị Hoa. Rồi tôi sẽ về đó trước giờ hẹn... Nhưng lỡ chị Hoa vô tình nói câu gì chứng tỏ tôi không ngủ đêm tại nhà chị. Thì sao...

~ Cứ quanh quẩn thế. Và tôi thấy mình không được bằng ngọn cỏ lau ban chiều. Đến khi mọi người đứng dậy, cổ họng tôi đặc lại và miệng khô. Không sao phát ra nổi âm thanh

những điều tôi định nói. Đứng vững nhìn Hưng ra xe. Chiếc xe vụt vào bóng tối con đường đem theo những mong ước chân tình nóng bừng cả thân thể. Ý tưởng đảo điên. Tôi nghe có tiếng mắng là đạo đức giả và nhát. Cùng với giọng vỗ về: «Thế là phải, mi còn xã hội và gia đình, đâu phải một mình một chợ mà mặc sức theo ý thích. Thế là đúng rồi.»

Những tiếng cãi vã của bản năng và tâm thức cứ oang oang trong đầu. Thao thức mãi mới tìm được một giấc ngủ chập chờn. Nằm mơ thấy mình lái xe qua một khu rừng có những hàng cây thật cao, xanh mướt và bóng râm đồ dài. Ven rừng là một dọc cây quan san, hoa sắc hồng đậm đậm hơn hoa anh đào Đà-lạt. Có những bảng cắm đậu và thấp thoáng hình như có bóng cảnh binh trong đám cây. Tôi quanh quẩn tìm chỗ không có bảng cắm. Chân vẫn nhấn ga và xe vẫn chạy rà rà. Mắt để ý tìm. Rồi xe ra khỏi khu rừng chạy vào xa lộ. Xe vùn vụt lao đi. Khu rừng mê thích lùi tuốt lại phía sau. Xa dần, xa dần. Tôi đạp thắng xe định quay lại, nhưng xe vẫn vùn vụt không sao bẻ lái cho quay lại nổi. Xa lộ biến thành sa mạc nắng gắt đến độ tôi thấy mình chảy nhão thành bùn.

Tỉnh dậy mồ hôi ướt đầm áo. Tôi bỗng sợ và chơi vơi khôn cùng. Tôi muốn gặp chị Hoa mong chấm dứt cuộc cãi vã trong đầu. Chị Hoa tôi đã sống ở Hoa-kỳ hơn bốn năm. Xa nhà, thân lập thân. Và dù đã ngoài ba mươi tuổi chị vẫn thản nhiên về tình trạng gái già của chị. Vẫn sung

sương và không hề tai tiếng gì. Tôi thấy cần gấp chị để tìm một tấm gương khuyên mình.

Tôi mặc quần áo, viết một miếng giấy để lại cho Hương rồi ra gọi taxi đi. 9 giờ sáng chủ nhật nên đường vắng hoe. Mọi người còn ở nhà ngủ muộn hay mới bắt đầu ăn sáng. Trời âm như tháng tám Sài-gon dù đang còn đầu xuân. Năng trong vắt. Bầu trời không một gợn mây khoe khoang với cỏ xanh rục rỡ bên đường. Thiên nhiên thanh lành. Nhưng lòng tôi là trận mạc bên trong.

Tới building nhà chị, tôi chạy thang chân ba tầng lầu vì không thể đợi thang máy. Cầm sẵn chìa khóa trong tay từ lúc trên taxi, tôi không bỏ phí một giây, mở cửa lách cách. Có tiếng nhạc nhè nhẹ bên trong, vọng ra. May quá. Chắc chị đã dậy, mình đỡ phải đánh thức.

Đẩy cửa bước vào tôi bỗng sững người vì thấy một người đàn ông cời trần ngồi ở bàn ăn sáng. Mắt tôi lóa đi trong một giây rồi mới nhận ra đó là John, người bạn cùng sở của chị Hoa mà tôi đã có gặp. Chưa ai lên tiếng nói thì chị Hoa từ trong bếp hỏi vọng ra «Cưng mở cửa đi đâu đó?» Chưa ai cất tiếng thì chị từ bếp bước ra, mặc quần áo ngủ, tay cầm ly nước cam. Trong giây phút sững sờ nhất đó đáng lẽ tôi phải thối lui liệch tứ chi thì tôi lắp liếm: «Chị cho em mượn hai đồng để trả taxi, em không đủ tiền lẻ.» Rồi không ai nói gì tiếp. Chị Hoa

vẫn đứng sững. Anh John với chiếc ví để trên bàn đưa tôi hai đô-la. Tôi nói cảm ơn chút nữa em sẽ lên. Rồi ra cửa. Trước khi bước ra tôi nghe tiếng chị Hoa: «Sao em không điện thoại trước cho chị?» Chị vẫn đứng nguyên chỗ cũ. Nét mặt thật lạ. Làm tôi sợ. Tôi chưa hề thấy nét mặt đó bao giờ. Không hẳn là tức giận. Không hẳn ngượng ngùng. Có thể là nét mặt của một con hổ cái.

Tôi chạy xầm xầm xuống thang. Những tiếng còi cộ không còn. Nhưng óc tôi là một cơn bão tố có sấm sét ầm ầm. Ừ sao mình không điện thoại trước cho chị nhỉ? Sao có thể ngu đến thế. Sao chị có thể thế nhỉ? Sao mình không thế nhỉ? Tại sao lại không? Có nên lên bây giờ hay đi luôn? Mình có thể lên rồi tỉnh đi như không có gì lạ. Như chả có chuyện gì. Hay mình đi luôn. Để tránh một cuộc giải thích thiếu chữ nghĩa cho cả ba người.

Tôi đi vòng vòng bốn góc đường. Không biết đi đâu. Cuối cùng tôi vào một tiệm nước gọi một ly cà-phê sữa. Nhấp từng ngụm cà-phê nhỏ lòng tôi dịu dần, ấm lại. Ngoài đường xe cộ đã thấy dọc ngang. Bên kia đường là một cửa tiệm bán quần áo đàn bà. Trong khuôn cửa kính có những cô kiều mẫu bằng sáp đứng uốn éo điệu bộ. Mặc những chiếc quần và áo khoác sọc vuông đủ màu. Hình như là một mùa xuân năm nay thì phải. Trông khá đẹp. Hồi mới qua tôi cứ lầm mấy tượng sáp đó là người thật. Vì thật giống. Nhưng

người đàn bà mặt sấp chắc là sương hơn người thật. Hơn tôi.

Tôi ngồi bọc ly cà phê trong bàn tay, thấy xung quanh mình là văn minh và tiến bộ. Thở thấy toàn văn hóa, giáo dục. Xoay người phía nào cũng đụng đầu với những bức thành luân lý. Tôi bỗng tự nhiên thấy thương chị Hoa. Tôi thương cả tôi. Tại sao lại không dám cho mình sống. Nếu tinh thần người sống động thì thân xác sao lại phải ép buộc ngủ yên. Tôi

nhớ lại cảnh những cặp thạch sùng trèo lên lưng nhau trên trần nhà phòng tôi ở Saigon. Cố nhớ xem thấy chúng làm tình trong bóng tối hay ngoài đèn. Hình như chúng yêu nhau cả ngoài đèn sáng. Rất thoải mái tự nhiên. Không cần biết là có tôi vẫn rình mò theo dõi chúng.

Tôi bỗng thêm trả lại áo quần và son phấn văn minh của con người. Đề trở về rừng.

DU LI
4 - 1973



TIỀN ĐUA

Sân ga đầy người
Nhìn em không nói
Anh nắm tay em
Anh muốn hôn em

Một năm cách trở
Anh về núi rừng
Em qua xứ lạ
Lòng buồn rưng rưng

Sao em không nói
Sao em không hôn
Trời làm xa cách
Mây vương đầy hồn

Đêm mưa hành quân

Vào đêm em ngủ chưa em ?
Trong mơ có gặp ưu phiền nhiều không ?
Đèn xanh thành phố xa trông
Hoang vu anh đứng mà lòng chiêm bao
Mưa rừng tiếng lá xôn xao
Tay ôm súng lạnh buồn sao là buồn !
Tương tư chìm ngập đáy hồn,
Dáng em thoáng hiện bên cồn diu hiu.
Hành quân mưa ướt từng chiều
Ôm hôn thân súng nhớ nhiều môi em
Đêm rồi em ngủ cho yên
Anh thân băng giá trên miền cát xa

Chén rượu chiều 30

Thơ HUỲNH-KIM-SƠN

● Tặng Hoàng Lộc

Ta mời bạn đứng chiều 30 Tết
Ghé hầm ta uống chén rượu tàn năm
Đề mai một lỡ mình an phận chết
Vẫn ghi đời kỷ niệm buổi liên hoan !

Phía trước mặt dù chông gai cách trở
Lệnh dừng quân ngừng bắn đến hôm qua
Buổi mai sớm vẫn còn nghe súng nổ
Dăm ba thằng ngã xuống giữa rừng xa

Ta cũng có mẹ già mòn mỏi đợi
Những mùa xuân biến biệt bóng ta về
Tóc mẹ trắng đã bao chiều sương khói
Mắt điu hiu sâu mấy dặm sơn khê

Ta cũng có người em yêu mới lớn
Tuổi còn xanh như cây lá sân trường
Ngày về núi lòng ta không dám hẹn...
Em ngậm ngùi cúi mặt dấu đau thương

Xin hãy cạn chén này — thêm chén nữa
Rừng hoang vu cỏ dại cũng lên hoa
Trong giây phút bình an còn mở cửa
Ta ngồi nghe tim trôi những lời ca

Tay ghi súng tạm quên niềm thống hận
Trời đã cho thêm một tuổi trên vai
Ta cùng bạn chưa tan giòng cay đắng
Buồn mà chi biển rộng với sông dài.

(Hải Phố)

Nhà ĐỒNG DAO hân hạnh giới thiệu hai
tác phẩm giá trị trong Tủ Sách Thi Ca :

NĂM NĂM DÒNG SÔNG THƠ

Thi phẩm của TRẦN HUIỀN ÂN

ĐẠO NÚI MÌNH TA

Thi phẩm của HÀ THỨC SINH

- Hai dòng thơ tiêu biểu của hai tác giả quen thuộc
- Quà tặng ý nghĩa nhất cho mùa hè 73
- Nam Cường và Lá Bối phát hành. Giá mỗi cuốn 250\$

Chú ý : Nhà Đồng Dao sẽ in đến tập thơ thứ 10 rồi nghỉ để chuyển sang Tủ Sách khác. Vậy các bạn yêu thơ liên lạc thường xuyên với chúng tôi để lấy thư mục và có thể đặt mua trước. Xin biên thư về : Hoàng Đình Huy Quan, số 64 Thoại Ngọc Hầu — Gia Định. Bưu phiếu để tên Cô Huỳnh Thị Tố Tâm.

công dụng nhất
thuốc mới

hemocalcium B12

ĐI SUY YẾU . CHẬM LỚN
KÉM ĂN . THIẾU MÁU



hemocalcium B12

Có chất Sorbitol để giúp cho
sự thẩm thấu sinh tố B12
qua màng ruột mà không bị
tiêu hao.

SHAPP SAIGON

Phân phối tại

Công thức môn
thuốc mới :

HÊMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
nhuần sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

Tuần lễ văn hóa ở Cổ-đô

Thành phố Huế xưa nay được kể như là một thủ-đô Văn-Hóa của Việt-Nam Cộng-Hòa. Những người hiện đang đóng góp hữu hiệu cho Văn Hóa hiện tại, phần lớn nếu không gốc Huế cũng có ít nhiều liên hệ với Huế. Đã vậy Huế đang có một Viện Đại Học, một trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, một trường Quốc Gia Âm Nhạc và Kịch Nghệ. Tất cả những yếu tố đó đòi hỏi Huế có những sinh hoạt Văn hóa. Thế nhưng trong khoảng mười, mười lăm năm trở lại đây Huế vẫn im lìm, mang một bộ mặt khép kín, u uất.. Rồi cùng với những biến động do thời cuộc, ảnh hưởng đến thời cuộc khiến người ta không khỏi bàng hoàng lo ngại, chẳng lẽ Huế lại có thể chuyển biến đến thế sao...!

Nhưng biến cố Mậu Thân, với những tàn phá sâu đậm, đã gây những ấn tượng hãi hùng cho nhân dân Huế. Trong cái khe khắt của hoàn cảnh, người Huế đã và đang lặng lẽ cố thoát ra chi phối khắc nghiệt của thời cuộc để trở về con đường muôn thuở của mình. Con đường Văn hóa. Hội Bảo Tồn Cổ Đô Huế, Hội Bảo-Trợ Văn Hóa Việt-Nam và nhất là Trung-tâm Văn Hóa Liễu Quán (của Phật Giáo) được thành hình. Trong ba tổ chức Văn hóa trên, Trung Tâm Văn Hóa Liễu-Quán bằng những bước lặng lẽ vững chãi đang lần lần tạo ra những vang động đáng kể bằng những công tác văn hóa rất khiêm nhường.

Đề cúng đường Cổ Đại Lão Hòa Thượng Tăng Thống PGVNTN nhân ngày lễ chung thất của Ngài, Thượng Tọa Đức Tâm Giám Đốc Trung-tâm Liễu Quán đã tổ chức được một tuần lễ Sinh Hoạt Văn Hóa từ 12-4 đến 18-4-73 tại Huế. Tuần lễ này gồm một cuộc triển lãm Hội-họa Điêu Khắc kéo dài một tuần, hai buổi diễn thuyết, bốn buổi trình diễn, nhạc Cổ Điền Tây Phương, Ca Kịch Nhạc, Nhạc Cổ Điền Việt nam, và Nhạc Thời Trang. Qua một tuần triển lãm và trình diễn, tất cả mọi người đều công nhận rằng Trung Tâm Liễu Quán đã gặt hái được một thành công rất đáng kể, nếu không nói là thành công hoàn toàn.

Thành công về phương diện tổ chức.— Nổi bật cho sự thành công này là từ lâu nay, tuy ở Huế có nhiều tổ chức văn hóa, nói tắt lại, ở Huế có Trường Đại Học Văn Khoa, thế mà chưa có tổ chức nào thành công suốt trong một tuần sinh hoạt như Trung Tâm Liễu-Quán. Lúc nói đến sự tổ chức, ai cũng nghĩ ngay đến hai phương diện căn bản : đó là tài chánh và nhân sự. Nói về tài chánh thì Trung Tâm Liễu Quán gần như không có gì, hay chỉ là một con số không. Chứng cứ là cho đến giờ, sau gần bốn năm, cơ sở hiện tại của Liễu Quán trên đại lộ Lê Lợi cũng chỉ mới dựng nổi một cơ sở tạm bằng gỗ và vừa đúc xong móng cho một ngôi nhà hai tầng... Tất cả

điều đó, tuy là một nhược điểm quá lớn cho Trung Tâm, nhưng lại cũng là một lợi thế. Lợi thế này vừa chứng tỏ cho mọi người thấy rõ nỗ lực vì Văn-hóa của Trung-tâm, thấy rõ nỗi thiết tha của Trung-tâm Liễu Quán đối Văn-hóa cho nên đã mời gọi được sự tham gia, đóng góp nhiệt thành của giới Văn nghệ và Văn-hóa khắp nước.

Sau phương diện tài chánh là phương diện nhân sự. Điều này quả là một khó khăn. Trong quá khứ, biết bao nhiêu tổ chức mà tài chánh không còn là vấn đề với họ, nhưng vẫn không sao tổ chức nổi một cái gì cả, bởi không có người hợp tác hoặc hợp tác mà không có thành tâm, hợp tác mà không gây nổi một không khí cộng tác hòa đồng tin tưởng nên phải thất bại. Trung Tâm Liễu Quán vượt qua được trở ngại đó. Điều này là đáng kể nhất.

Thành công về phương diện kết hợp.
— Qua một tuần sinh hoạt, cái nổi bật nhất trong công tác văn hóa của Trung-tâm Liễu Quán là sự kết hợp lớn lao giới làm văn nghệ ở cổ đô Huế, và sự phối hợp điều hòa giữa các trường Cao Đẳng Mỹ-Thuật, trường Quốc Gia Âm Nhạc Kịch Nghệ và một quần chúng Phật Tử Huế. Đành rằng phần lớn nhân dân Huế là Phật tử, nhưng qui tụ những Phật tử làm văn nghệ lại với nhau trong một tuần sinh hoạt để đi đến thành công lại là một việc không dễ chút nào.

Triển lãm Hội Họa Điều Khắc.—

Công tác này có sự tham gia nồng nhiệt của các họa sĩ tên tuổi, mà tác phẩm của họ trên dưới mười năm nay đã chứng tỏ được sự hiện diện một nền hội-họa Việt Nam, đem lại cho văn giới Việt nam nhiều kính phục sâu xa. Đó là các họa sĩ Đinh Cường, Phạm Đăng Trí, Tôn Thất Văn, Vĩnh Phối, Đỗ Kỳ Hoàng Văn Đen, Phan Xuân Sanh, Thiềm Quốc Hùng, Hồ Hoàng Đài và điều khắc gia Lê Thành Nhơn với tác phẩm độc đáo « Đức Quan Thế-Âm ». Bước vào phòng triển lãm, lướt nhìn qua toàn bộ số lượng tranh sơn dầu, tranh lụa, tranh thủy mặc, tranh « dán giấy », người xem thấy ngay một cảm giác thoải mái, phấn khởi và tin tưởng. Muốn đi sâu vào giá trị của mỗi tác phẩm, hay ít ra của mỗi họa sĩ, thì phạm vi bài này không cho phép, nhưng nói chung, về phẩm tất cả họa phẩm trưng bày trong phòng triển lãm là một thành công của họa sĩ, tự nó trong mỗi tác phẩm, phản ánh sắc thái, tài hoa, quan niệm của tác giả. Nhớ lại thời nào xa xưa, năm bảy năm trước, cũng trong một cuộc triển lãm, đã được nghe người xem tranh thì thảo : « giá họa sĩ tặng cho một bức tranh trong phòng này, mình cũng không muốn nhận ».

Bây giờ thì người Huế vào phòng triển lãm của Trung Tâm Liễu Quán, tất cả đều hài lòng và gần như không nói ra, nhưng ai nấy cũng có một chút tự hào là cổ đô Huế đang có một trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, và trường này đang làm tròn trách vụ

của họ trong sứ mệnh đóng góp, phát huy một nền hội họa Việt-nam. Nhưng nổi bật nhất của phòng triển lãm, là tác phẩm điêu khắc của Lê Thành Nhơn, bức tượng bán thân của Phật Quan Âm (cao kê cả đến gần 4m) nằm ngay phía cửa vào. Đường nét tân kỳ táo bạo, có thể gây những thắc mắc trong tín đồ đối với diện mạo của một đấng từ bi mà họ chiêm bái kính lễ hằng ngày, nhưng tài nghệ của Lê Thành Nhơn thể hiện qua đường nét được phối hợp điều hòa làm cho toàn thể khuôn mặt toát ra một sự thanh thản dịu dàng, làm cho càng nhìn kỹ càng cảm thấy thêm sâu đậm cái cảm giác lâng lâng triu mến. Tôi dám nghĩ rằng trong một khung cảnh khác, có khó; trăm, bao phủ bởi một tầng cồ thụ, thì bất kỳ một người nào, thoát nhìn Tượng Quan Thế Âm tác phẩm điêu khắc của Lê Thành Nhơn, thì thế nào cũng lặng lẽ quì xuống chấp tay lại. Cứ nhìn kỹ, sẽ thấy cảm tưởng này không thể sai. Tôi nghĩ đó mới là thành công của một công trình điêu khắc táo bạo tài tình.

Các buổi diễn thuyết, trình diễn Âm Nhạc Kịch.— Hai diễn giả mở đầu và kết thúc cho buổi trình diễn là Thượng Tọa Minh-Châu Viện Trưởng Viện ĐH Vạn Hạnh, và Học Giả Lê Văn Siêu: hai vị này là hai học giả uyên thâm, vừa là hai giáo sư cho nên thẩm định giá trị hai buổi diễn thuyết của họ tưởng không cần thiết. Thượng-Tọa Minh Châu đã gây ngạc nhiên không ít cho người nghe

khi Thượng Tọa đã chọn đề tài khó (giáo dục trong giáo lý đạo Phật) mà vẫn lôi cuốn được người nghe ngay từ phút đầu bằng cái giọng trầm ấm thân mật, và ngôn từ hết sức dung dị đến nỗi cả những người chưa quen với các từ ngữ Phật giáo cũng có thể lĩnh hội được dễ dàng. Riêng với học giả Lê văn Siêu khi mở đầu câu chuyện đã đem lại niềm tin kính giữa diễn giả và thính giả, cho nên đến khi câu chuyện đã kết thúc mà thính giả ngổ ngàng mong được nghe tiếp.

Nhưng thành công nhất, vẫn là ba buổi trình diễn Âm Nhạc. Vấn đề chủ chốt vẫn là yếu tố kết hợp nhân tài. Người ta thấy Trung-tâm Liễu Quán đã qui tụ được những giáo sư tiếng tăm như Bửu Ý, Nguyễn Xuân Phong (Giám đốc Trường Quốc Gia Âm Nhạc Huế), Nguyễn Ngọc Minh (Hiệu-Trưởng Trường Hưng Đạo), Nhạc sĩ Vĩnh Tuấn, Trương Huệ Mẫn, Đặng Văn Nhuận, Phạm Thành Hoàng, Nguyễn Hữu Ty, Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Quý Cát, Trần Kích, Vĩnh Quí... Tất cả giáo sư, nhà văn, nhạc sĩ, nhà viết kịch Bửu Ý trong một thời gian kỷ lục, theo lời mời của Thượng Tọa Giám Đốc đã tập dượt và hoàn thành các buổi trình diễn của mình và đã được người xem nhiệt liệt tán thưởng. Một sự tán thưởng tưởng trong vòng mười năm nay người Huế chưa hề dành cho một cuộc trình diễn nào hết. Từ một chị tiểu thương chợ Đông Ba, một sinh viên, một

giáo sư, một khoa trưởng, một thương gia, một tu sĩ, một vị tướng lãnh cho đến một vị cao tăng, không một ai sau khi xem một buổi trình diễn là không ngợi khen tán thưởng. Thường thường một cuộc trình diễn chỉ làm hài lòng một giới nào đó, nhưng tất cả chương trình bốn buổi trình diễn tân cổ nhạc Việt-Nam Tây phương do Trung-tâm Liễu Quán tổ chức có thể nói mà không hề sợ nói ngoa, là đã được mọi giới, mọi người tán thưởng.

Ở Huế có một trường Quốc Gia Âm Nhạc. Điều này ở Huế họa may chỉ có các giới chức, một số ít, có liên hệ biết đến mà thôi. Còn quần chúng chỉ thoang thoảng mới nghe qua là có trường Âm Nhạc, nhưng sự thật thì quần chúng Huế không biết trường đó ra làm sao. Lần này trong chương trình hưởng ứng lời mời của Thượng Tọa Đức Tâm, Nhạc sư Nguyễn Xuân Phong với nhiệt huyết, tài năng của mình đã cho quần chúng biết, đem cho quần chúng Huế một phần khởi, một tự hào rằng Huế có một trường Quốc Gia Âm Nhạc hẳn hoi và rất xứng đáng. Hai buổi trình tấu Nhạc Cổ Điển Tây Phương và Việt Nam, các nhạc sư với tài năng cùng sự điều khiển của mình, đã làm cho hàng ngàn người nghe quên mất thực tại. Một sự kiện tuy nhỏ bé, nhưng nó chứng tỏ một thái độ thường thức của quần chúng rất đáng kể. Suốt một tuần sinh hoạt văn hóa, ban tổ chức gần như không nghĩ đến trật tự, không có ai lo trật tự. Thế nhưng suốt bốn buổi trình diễn ở Câu lạc bộ Thê Thao, phòng không

được rộng, ghế khoảng năm trăm cái, thế mà người đến dự đông đảo, những người đến sau muốn theo dõi phải công nhau trên vai, đứng trên ghế, chen chúc nhau, nhưng tuyệt nhiên không có một tiếng ồn, và chẳng bao giờ gây một chút trở ngại cho người trên sân khấu. Phải chăng tài nghệ của các nhạc sĩ, kịch sĩ, ca sĩ đã chi phối hoàn toàn được tất cả khán giả. Chỉ có một giải đáp mà thôi. Đó là tài năng tuyệt vời của người trên sân khấu. Tôi tưởng rằng muốn chế ngự được khán giả, không gì bằng uy tín của tập thể đứng ra tổ chức và tài năng người trình diễn trên sân khấu. Tin được hai yếu tố đó, tự nhiên khán giả tôn trọng trật tự ngay.

Huế vốn dè dặt khi biểu lộ tình cảm, Huế vốn nhiều ngờ khi gặp phải một biến cố mới. Nhưng khi đứng trước tác phẩm điêu khắc táo bạo của Lê Thành Nhơn, trước tài năng, thiện chí của nhạc sư Nguyễn Xuân Phong, của Giáo sư Bửu Ý, người ta đã không ngớt lời tán thưởng. Nói chung cái thành công mỹ mãn qua một tuần sinh hoạt mà Trung Tâm Liễu Quán đã thu lượm được, người ta buộc phải so sánh với những tổ chức có trước đề rồi kết luận rằng, yếu tố thành công của mọi tổ chức phải là yếu tố quy tụ tài năng. Có tài mà tài không có dịp thi thố, có ý chí mà không có tài tổ chức, có tài tổ chức mà không có đức độ tập hợp thì cũng không làm nên được gì. Thành phố Huế không thiếu gì nhân tài. Thành phố Huế không thiếu gì tổ chức. Và Huế

không thiếu gì cơ hội tốt. Nhưng rồi mọi cái đi qua, trôi chảy theo thời gian. Lần này Thượng Tọa Đức Tâm đã thành công. Bên cạnh đức độ, uy tín của Thượng Tọa, một thân hữu cộng tác gần như cánh tay mặt của Thượng Tọa, nhất là qua tuần lễ Văn Hóa vừa qua, là Kỹ sư Hồ Đăng Lễ và Thi sĩ Phạm Nhuận. Cái tài tổ chức của kỹ sư Hồ Đăng Lễ cộng với cái nhiệt thành với văn nghệ của Phạm Nhuận được bao phủ trong cái phong thái văn hóa của Thượng Tọa Đức Tâm đã qui tụ được gần như là tinh hoa văn nghệ của cố đô Huế. Không ai khó tánh cho bằng văn nghệ sĩ, nhưng cũng không ai dễ thương cho bằng họ khi họ gặp môi trường tốt. Người ta bàn tán nhau dễ gì mà Bửu Ý viết kịch, tập cho sinh viên đọc kịch và đạo diễn luôn vở kịch trong thời gian hơn một một tuần lễ khi trình diễn lại thành công, dễ gì mà Đinh Cường, Tôn Thất Văn, Phạm Đăng Trí, Vĩnh Phối... chịu góp tranh tham dự triển lãm khi thời gian chuẩn bị hạn chế trong vài tuần, dễ gì mà học giả Lê Văn Siêu từ Saigon ra Huế để chỉ diễn thuyết trong hơn 60 phút rồi trở về Saigon. Tất cả không khí phấn khởi tin yêu trong thời gian chuẩn bị tuần lễ văn hóa, đã làm cho anh em văn nghệ ở xa nôn nao. Duy Lam bận quân vụ, thế mà trong buổi chiều khai mạc phòng tranh, Duy Lam cũng chịu khó mặc đồ lớn lái xe ra Huế dự. Trịnh Công Sơn đang lo thủ tục đi Nhật ở Saigon cũng vội ra Huế hai hôm để được tắm trong không khí văn nghệ của quê hương.

Tóm lại, Tuần lễ Sinh Hoạt Văn

Hóa do Trung Tâm Liễu Quán đứng ra tổ chức là một thành công rất đáng kể. Cái đáng kể nhất là đã tạo ra một môi trường thuận lợi qui tụ được giới văn nghệ sĩ ở cố đô trong công tác văn hóa gây được niềm phấn khởi cho mọi giới ở Huế. Người ta sợ rằng điều kiện sinh hoạt hiện tại dễ gây nên nỗi chán chường trong tâm tư mọi người, tưởng không gì đánh thức nổi. Nhưng tuần lễ sinh hoạt của Trung Tâm Liễu Quán gần như làm hồi sinh lại thành phố nhiều phen điều đứng này. Trịnh Công Sơn vắng Huế lâu ngày, sau khi tham dự các buổi trình diễn đã tâm sự: «Trung Tâm Liễu Quán đã hồi sinh cố đô Huế.»

Người ta có thể trách rằng, sau khi xem phòng tranh, sau khi tham dự các buổi trình diễn Nhạc Kịch, rằng tác phẩm hội họa điêu khắc, đề tài trình diễn, đề tài sáng tác gần như không liên hệ gì đến tâm trạng chung của Con Người Việt Nam nói chung. (Có một bức tranh của Đỗ Kỳ Hoàng với đôi bồ câu sải cánh là có ít nhiều dính líu đến hòa bình mà thôi). Điều trách cứ này không hẳn là vô lý. Nhưng không nên quá nghiêm ngặt đối với người tổ chức, người sáng tác. Bởi lẽ trong không khí, trong hoàn cảnh hiện tại, ban tổ chức, văn nghệ sĩ có thể làm được gì, sáng tác được gì mà không bị ràng buộc. Cái đáng kể qua tuần lễ sinh hoạt Văn Hóa ở Huế là qui tụ được hầu hết văn nghệ sĩ trong một không khí tin yêu, đồng thời đem lại cho quần chúng thưởng ngoạn rất nhiều phấn khởi và tin tưởng. Thế là thành công rồi.

HOÀNG THAO

(18-4-73)

PHÁT HÀNH THÁNG 6 - 1973 :

ĐẤT NƯỚC QUÊ HƯƠNG

Tùy bút của VÕ PHIẾN

● Tập tùy bút mà nhà văn Nguyễn Hiến Lê đã không ngần ngại đem ra so sánh với tùy bút của Nguyễn Tuân, đề đi đến nhận xét : « Nghệ thuật không kém mà lại dí dỏm hơn, nhẹ nhàng hơn, có hương vị của quê hương hơn ».

● Sách dày 300 trang, do LỬA THIÊNG xuất bản.

Sắp phát hành toàn quốc :

MỐI SÀU CHUNG

truyện dài của MẶC THÚY

do HOA NẮNG xuất bản

— Một truyện tình tuyệt vời thơ mộng chứa đầy đau khổ. Giữa khung cảnh đồ nát của Huế, sau những ngày ảnh hưởng trận chiến Quảng-Trị.

— Một tình bạn chân thành, cao thượng.

TỊNH KHẨU

Tác phẩm thứ mười của NGUYỄN ĐỨC SƠN, là một tập thơ, chắc chắn sẽ in xong và phát hành vào khoảng đầu tháng 6-1973. Mọi liên lạc với tác giả đứt đoạn lâu nay xin vui lòng gửi bằng thư bảo đảm, đề tên THANH TUỆ, giám đốc nhà xuất bản AN TIÊM, 166/1/10B Lý Thái Tổ Saigon, nhờ chuyển lại.

Đời sau người có thương ta
Tù lâu xuống lỗ làm ma mất rồi
Đường xa thôi miễn bồi hồi
Mả hoang nhảy đại lên ngồi đi cha

HƯ CHU (1923-1973)



Mùng 8 tháng 2 âm lịch năm Kỉ Dậu, Đông Hồ qui tiên ; mừng 8 tháng tư âm lịch năm nay Hư Chu từ trần. Chỉ trong bốn năm hai tháng tôi đã mất hai người bạn thân. Hai vị đó, một Nam một Bắc (Hư Chu quê làng Hành Thiện - Nam Định), tuổi hơn kém nhau xa (Đông Hồ sinh năm 1906), bề ngoài cũng khác nhau xa (Đông Hồ nho nhã mà sang trọng, Hư Chu giản dị mà bình dân) nhưng sinh tiền rất quý mến nhau, vì có vài điểm giống nhau : cả hai đều sinh trong một gia đình Nho giáo được học ít (về Pháp văn, Hư Chu chỉ tới năm thứ nhì, thứ ba Cao đẳng tiểu học ; về Hán

Hư Chu thuở viết « Tình sử » trên Bách Khoa 1957 văn, chỉ đủ để đọc một cách khó nhọc Liêu trai và Đường thi), mà đều nhờ có tài, nhờ gắng sức, sớm nổi danh trên văn đàn, thi đàn ; cả hai lại đều thích văn thơ cổ, văn thơ đều điều luyện.

Tôi được quen Hư Chu từ năm 1951 hay 52, trước khi quen Đông Hồ. Hồi đó tôi tản cư ở Long Xuyên ; một nhóm anh em chúng tôi gồm năm sáu người, có kẻ làm «quan lớn» trong tỉnh nhỏ, có người làm chủ quán cóc, chủ sạp vải ở chợ, hoặc gõ đầu trẻ (như tôi) mỗi khi họp được nhau nói chuyện văn chương, đều khen những truyện của Hư Chu đăng trên nhật báo Việt Thanh, vì tình tiết li kì, lời văn già giặn mà dí dỏm, nhất là phục vốn liếng cự học của tác giả. Chúng tôi tự hỏi nhau giọng văn thì trẻ mà sao cách dùng các tiếng Hán Việt, các điển tích, cổ sự, thì lại có vẻ là người già. Tôi đoán chắc phải vào khoảng bốn chục tuổi trở lên, cho nên tôi ngạc nhiên làm sao khi Hư Chu, trả lời một bức thư của tôi, cho hay mới xấp xỉ ba chục. Ba chục tuổi mà danh đã vang ở một tỉnh lỵ có thể nói là còn quê mùa, chưa có truyền thống văn học,

điều đó cũng hiếm có.

Từ đó chúng tôi thường thư từ với nhau. Tôi được biết anh phải thôi học sớm về quê học thêm ít chữ Hán, rồi phiêu bạt, làm khá nhiều nghề : buôn bán, nuôi gà, thư kí, thầu rừng, dạy học, chế trà, nghề nào cũng thất bại ; năm 1950, có vợ rồi, vào Sài-gòn, thử nghề cầm bút : viết truyện feuilleton cho tờ Việt Thanh, được ông Chủ nhiệm Văn Hoàn có thanh nhãn biệt đãi, sau giao cho việc coi sóc phụ trương Văn chương. Từ đó, được tiếp xúc với nhiều văn nhân, danh ông càng lên. Chính lúc ấy, tôi thỉnh thoảng góp với ông một bài tạp luận hoặc phê bình văn chương.

Năm 1953 lên Sài gòn, tôi mới được gặp mặt ông. Cảm tưởng đầu tiên của tôi là « con người ấy dễ thương », mà đó cũng là cảm tưởng chung của tất cả các bạn văn của ông. Ông cởi mở, tự nhiên, thành

thực, sẵn sàng giúp bạn, mà nụ cười rất tươi, cặp mắt cạnh thị của ông hiền. Ngay buổi đầu, ông đã cười cười thú thực với tôi : « Cái vốn chữ Hán của tôi có gì đâu anh ; tôi chỉ có mỗi một con dao găm chứ có lưỡi kiếm, lưỡi dao nào đâu, múa bậy mà được các anh khen đấy thôi ».

Năm 1954, tờ Việt Thanh suy sút, đổi manchette mà cũng không vượt lên được, rốt cuộc phải tự đình bản. Lúc đó tôi mở nhà xuất bản với một số vốn rất nhỏ, ba bốn tháng mới ra một cuốn. Hu Chu không viết cho tờ nào khác, có lẽ vì không gặp được ai tri kỉ như ông Văn Hoàn, ngồi nhà viết truyện, và giúp tôi trong công việc xuất bản : ông thường lái chiếc xe máy dầu Peugeot sơn đen đưa tôi lại các nhà in, cùng tôi đi giao sách, sửa ấn cảo, tiếp xúc một hai họa sĩ... Có lời thì chúng tôi chia nhau, đề tạm sống cho qua ngày. Hai năm đó ông tưng bấn mà vẫn vui ; tờ Việt Thanh thiếu ông bồn bộn, ông đòi không được mà cũng chỉ hơi buồn thôi. Ông dễ thương ở chỗ đó.

Năm 1955 ông kiếm được một chân dạy Sử địa ở một vài trường Trung học tư thực Sài Gòn ; ông say mê ngay với nghề mới này, lại thành công, được học trò rất mến, ít có thì giờ trứ tác, nhưng đời sống đã ung dung hơn.

Trong năm năm viết lách, ngoài những truyện feuilleton đăng trên Việt Thanh, ông cho xuất bản được hai tác phẩm :

— *Nam Hải truyền kỳ* tập I (1 ông tự xuất bản năm 1952. Tác phẩm này (không tái bản), là tác phẩm quan trọng nhất của ông, dày 250 trang, gồm 18 truyện ngắn đã đăng trên Việt Thanh.

Đây là lời tự giới thiệu của ông ở đầu sách :

«... Tập chuyện này gồm những chuyện nghe được, đọc được và phần nhiều bịa được. Nghe được thì nghe theo một ông bạn già họ Đặng tại xứ Quất châu. Đọc được thì đọc ở bộ Tang thương ngẫu lục hay Truyền kỳ mạn lục. Còn bịa được thì bịa do những giấc mộng cuồng giữa những buổi vô liêu.

« Nói trắng ra, đây chỉ là tập chuyện về ma, hồ, thần, quỷ. Nhưng một lũ ma quỷ rất ưa kết bạn, rất thích uống rượu và rất khoái ngâm thơ...»

Có thể nói đó là tập Liêu trai của Việt Nam, từ nội dung tới bút pháp. Các bạn của tôi ở Long Xuyên và chắc còn nhiều độc giả ở các tỉnh khác nữa, rất thích những truyện như *Phụng minh cầm*, *Nữ Thành hoàng* và *Thạch nữ giá bồ lang*. Trong truyện cuối này, tình thật mệnh mông, bao trùm cả vũ trụ ; tình giữa một hươu quan với một vị thần hoa ; Tình giữa loài chim thúy vũ với một gốc mai, rồi tình giữa cỏ và đá. Đọc xong ta thấy tâm hồn thanh thoát, cảm xúc triển miên. Đoạn tác giả tả năm giống mai : Nguyệt hiện, Cổ lăng, Hồ điệp, Nhất

(1) Tập II hứa in mà rồi không in, vì Tập I bán không chạy.

chi và Thúy vũ, giọng cô kính du dương, mà óc tưởng tượng tài tình.

— *Thơ nghiên hoa mộng*, (1955) cũng do ông in và trình bày, mà mượn tên nhà xuất bản của tôi, gồm bốn bài, mỗi bài là một thẻ văn: thi ca phẩm luận, tiểu thuyết kịch thẻ, truyền kỳ cổ thẻ và mộng trung tùy bút. Trong bốn thẻ ấy thẻ truyền kỳ văn thành công nhất. Nhưng tập này cũng như tập trên chỉ đề một số người đã lớn tuổi, biết ít nhiều về cổ học, thưởng thức. Và như vậy đủ cho tác giả mãn nguyện rồi. Có lần ông kể cho tôi nghe, trong một đám đông, Nhất Linh nghe thấy có người gọi tên ông, bèn chạy lại, bắt tay ông, khen rằng thích Nam Hải truyền kỳ lắm.

Chúng ta nên nhớ Hư Chu là nhà văn hậu chiến, nhỏ tuổi hơn các nhà văn tiền chiến nhiều; hai tác phẩm kể trên vừa điêu luyện vừa cổ kính, y như những ngôi sao lẻ loi trên văn đàn, nên được chú ý tới ngay, và ai không thích thì thôi, đã thích thì phải tấm tắc khen ngợi.

Sau cùng, trong khi dạy học, năm 1957, ông lại cho ra một cuốn bàn về kĩ thuật *Thơ Đường luật*, gồm 150 trang. Từ trước tới nay chưa có một cuốn nào phân tích kĩ thẻ ấy như ông. Ông có những nhận xét đôi khi quá nghiêm khắc nhưng rất mới mẻ, cơ hồ chưa ai nói ra. Ngày nay rất ít người còn làm thơ Đường luật, nhưng tác phẩm đó rất nên tái bản, nó giúp chúng ta hiểu thêm được cái đẹp của cổ nhân. (1)

Chính ông là một thi sĩ rất tốn công luyện thơ luật. Ông làm ít thôi, từ trước tới nay có lẽ được dăm sáu chục bài, nhưng nhiều bài được các bạn thơ khen là già giặn, hay, như bài *Duyên Liêu trai* ở đầu tập *Nam Hải truyền kỳ*:

Duyên Liêu trai

Phòng vắng chưa năm đầy giấc mơ
Vang cười chợt tỉnh có đâu ngờ!
Nửa trang kỳ sử hồ lay gối
Bốn mặt thu phần quỷ đọc thơ.
Hẹn một đời sau âu cũng vậy,
Tình trăm năm cũ lại bây giờ.
Kìa ai dong đuốc xa dần mãi?
Eo óc canh gà những ngẩn ngơ.

Ông là một nghệ sĩ từ cách viết tới cách sống. Bất kì viết một bài nào, chẳng những thơ, tiểu thuyết mà cả bài giảng sử địa nữa, ông cũng sửa chữa kĩ lưỡng cho ý thật liên lạc với nhau, bố cục thật thông minh, lời cô đúc mà nhiều nhạc. Ông rất trọng nhạc: *Nam Hải truyền kỳ* có nhiều đoạn du dương như thơ, và có lần ông bảo tôi phải uống cà phê, thức gần suốt đêm, “vật lộn với chữ”.

Còn lối sống của ông, không phải là lối sống của các nghệ sĩ ngày nay: bốc đồng, hưởng thụ cho nhiều, ăn bần bảnh bao..., mà là của các nghệ sĩ thời xưa như Tô Đông Pha chẳng hạn: dư tiền không vung phí, mà nghèo cũng không buồn, vui vẻ chấp

(1) Nghe nói ông đã sửa lại gần hết, và định đề cho nhà Mạc Lâm xuất bản.

nhận cuộc đời, thích hợp bạn văn thơ, uống trà ngon, cà phê đậm có thời mỗi tuần tiêu khiển một vài ván cờ tôm hay tài bàn, nhưng cái thú nhất của ông là trồng cây, nuôi gà. Ông vẫn ước ao hể hết chiến tranh là kiếm một khu vườn để hưởng cái thú điều viên, chiến tranh chưa hết thì ông đã qui tiên, buồn thật !

Trong mấy năm gần đây, ông bắt đầu viết lại, nhưng ít thôi : một bộ Việt sử, vài cuốn truyện cho trẻ em, hiệu chính bộ Văn đàn bảo giám, và dịch một số truyện trong bộ Tình sử, hết thấy đều giao cho nhà Mạc Lâm xuất bản.

Cuốn *Tình sử* này mà vài truyện đã đăng trên Bách Khoa, nay ông dịch lại rất công phu, dày trên 200 trang, nhà Mạc Lâm vừa in xong bìa, (1) ông đem lại cho thi sĩ Bình Hành coi. Đương nhận định với bạn về lối trình bày của Họa sĩ Văn Thanh thì mặt ông bỗng tái xanh đi, rồi ông bất tỉnh, đưa vào dưỡng đường Nguyễn văn Học thì giữa đường ông tắt thở. Ông bị cùng một bệnh với Đông Hồ, và cũng « đi » rất mau, mau hơn Đông Hồ, chỉ trong nửa giờ không đau đớn gì cả. Đông Hồ ở thế giới bên kia nay có thêm một bạn cố tri, nhưng chín người con (mà sáu người còn nhỏ) của Hư Chu nay chỉ còn trông cậy vào mẹ.

oOo

Đọc lại bài *Lão mỗ* (Mộng trung tùy bút) của ông trong tập *Thơ nghiên hoa mộng*, tôi bùi ngùi. Mở đầu tùy bút đó là một bài thơ song thất lục

bát, Hư Chu bảo rằng Hóa công chỉ ghen với hạng có tài có sắc, còn như ông, không có một chút tài, thì :

... *Mình như thế, cao xanh hẳn
thích,*

Tất không ghen không ghét chi nhau.

Mặc cho mình bạc phơ đầu,

Làm ông Bành Tò vuốt râu cười khà.

Nhân nghĩ vậy ba hoa ních chén,

Rằng hèn ngu lại bén duyên trời

Rồi mơ đến lúc bảy mươi.

Và ngồi kẻ lão đôi lời lão nghe.

Ông hi vọng sống được bảy mươi, nhưng ông chỉ sống tới năm mươi. Không Trời không ghen ông, không có lí gì để ghen ông. Cái chiến tranh non ba chục năm này đây, cái đời sống cực khổ của một nhà giáo đông con tại Sài Gòn này đây đã cướp mất hai mươi năm của ông. Bệnh ông phát từ năm ngoái, tưởng đã nguy kịch, sau bớt, đầu năm nay tôi khuyên ông giữ gìn sức khỏe. Nhưng làm sao giữ gìn được khi có một vợ và sáu con còn nhỏ !

Anh Hư Chu, anh chết như vậy là yên cho anh ; là sướng nữa, không đau đớn chút nào ; đau khổ là gia đình anh và hàng triệu người hiện còn sống trên dải đất này đây.

Sài Gòn ngày 12-5-73

NGUYỄN HIỂN LÊ

(1) Sách đã phát hành ngày 20-5

Khóc Hư Chu

Mồ kia sâu, hận ấy dài ;
Hỏi ai đây dám cùng ai lên đường ?
Có chẳng là hoa Bạch-Vương
Cảm thơ ai giữa vườn sương hôm nào ! (1)
Tiếc thay, hoa cũng gầy hao,
Để chi vượt ỏi chiêm - bao gặp ghềnh !
Là thôi, đành vậy, thôi đành
Khói mây trắng mãi trên cành trông theo.
Ngồn ngang gò đống buồn teo ;
Thơ, Nghiên, Hoa, Mộng (2)... gió vèo đẩy thôi !

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

13-5-73

(1) Chiều 26 tháng 4, Gác Mây đã họp thơ và trong số các thi-hữu của V.H.C. có bạn Hư-Chu hiện diện. Cùng nhau dạo quanh vườn, V.H.C. đã trở vào 1 loài hoa trắng, đặt tên cho là « hoa Bạch-Vương », rồi yêu cầu mấy vị ngẫu chiếm 1 bài Thất-ngôn-tứ-tuyệt, gieo chữ « Sương » làm vần. Đây là bài của Hư-Chu :

Miếu nguyệt xưa kia hân nỡ nường,
Tìm sang khoe nở trắng vườn sương.
Làng Thơ ví cỏ duyên từ trước,
Cái mộng đêm nay cũng lạ thường.

(2) « Thơ, Nghiên, Hoa, Mộng » là nhan một tập tùy bút của Hư-Chu, ấn hành khoảng 15 năm trước tại Sài Gòn.

Đam mê và tuyệt vọng của một thời trẻ dại
Bơ vơ và cuồng nộ của tuổi vào đời
Gánh nặng của tuổi tác và sức mạnh của ý chí
Cuộc sống đa diện ấy thu lại trong tác phẩm

BÃO RÓT

tập truyện của một nhà văn quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa :

NGUYỄN MỘNG GIÁC

do TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành
vào trung tuần tháng 6-1973

Bài thơ ấy của ai ? Đồ Chiêu hay Bút Trà ?

Sáng chủ nhật đầu năm nay, (1) tại trụ sở Trung tâm Văn bút Việt-nam, trong buổi lễ kỉ niệm Nguyễn-Đình-Chiêu, khi nghe diễn giả Hồ-Hữu-Tường đọc hai câu kết bài thơ Đường « của cụ Đồ » :

*Ai bảo ông đui ? Ai mới sáng ?
Đui mà như thế, sáng bằng không ?*

tôi không khỏi ngạc nhiên. Vì mới đây, tôi có soạn đề giao cho nhà in sắp chữ một đoạn văn anh Bút-Trà nói về tác phẩm của tôi, mà tôi còn nhớ rõ :

« Và đề tỏ lòng quý anh, tôi xin đem bài thơ tôi vịnh nhà chí sĩ Nguyễn-Đình-Chiêu để tặng lại anh :

... « *Người bảo anh điên, ai mới tỉnh ?*

Điên mà như thế, tỉnh bằng không ? »

« Hai câu sau, nguyên văn chữ « Ông » đổi lại chữ « anh », hai chữ « đui » và « sáng » đổi lại hai chữ « điên » và « tỉnh ».

Sau đó, tôi được quyền đặc san nói về Bến-tre và Nguyễn-Đình-Chiêu, trong đó có bài nói chuyện « *Thử tìm hiểu câu thơ đầu của Lục-Vân-Tiên* » của Hồ-Hữu-Tường. Tôi xin chép lại bài thơ mà họ Hồ sưu tầm được trong cuộc đi tìm tài liệu tại gia quyến Đồ Chiêu ở Ba-tri. Bài thơ này, họ Hồ cho là một bài thơ di chúc và truyền miệng trong gia tộc :

*Sống thời khói lửa khắp non sông,
Chia xẻ muôn dân cảnh khổn cùng.*

Tước, lộc không lay lòng chí sĩ,

Nho, Y nguyên giữ nếp gia phong.

Bao thăng quĩ trắng, bao quân cướp ;

Một tấm gan vàng, một but lông.

Ai bảo ông đui ? Ai mới sáng ?

Đui mà như thế, sáng bằng không ?

Tôi mang tập đặc san lại nhà anh Bút-Trà chỉ anh xem đoạn cần thiết.

Anh xem xong, bình tĩnh nói :
« Bài thơ vịnh Nguyễn-Đình-Chiêu này là của tôi. Tôi đăng nó trên *Sài-gòn Mới* cách mười lăm năm và tôi cho in lại trong tập thơ « *Tâm sự ngàn thu* » của tôi, ra đời khoảng mười năm nay. Tôi tiếc rằng một người bạn thân đã mượn tập thơ ấy rồi, nhưng tôi còn bản thảo đánh máy. Đây, anh xem. »

Tôi xem và thấy hai bài có hai chữ khác nhau, ở câu 2 và câu 7. Theo Hồ-Hữu-Tường, thì :

« Chia xẻ *muôn* dân cảnh khổn cùng.

« Ai bảo ông đui ? Ai mới sáng ?
Còn thơ Bút-Trà, thì :

Chia xẻ *cùng* dân cảnh khổn cùng.

« *Người* bảo ông đui ? Ai mới sáng ? »

Đề kết thúc câu chuyện, anh Bút Trà nói : « Minh là người hậu bối, mình nhìn lại, cho cụ là chí sĩ, bảo cụ không đui, thì nghe được. Chớ chính cụ tự xưng mình là chí sĩ, cho rằng mình không đui, lại xưng « ông », anh thấy có kì không ? ».

Tôi thấy câu chuyện khá li kì, nên ghi lại đây để bạn đọc cùng biết, sau khi chờ đợi bốn tháng qua, mà chẳng thấy hai anh bạn già chẳng lạ gì nhau ấy tìm đến nhau để làm sáng tỏ vấn đề, mặc dầu sau khi đề lại địa chỉ anh Tường, tôi từ giã anh Bút-Trà, tìm đến anh Tường, viết thư đề lại cho anh, kể tự sự và ghi cho anh địa chỉ riêng anh Bút-Trà.

24-V-73

NGÊ-BÁ-LÍ

(1) Ngày 7-1-1973.

T.B. Khi bài này lên khuôn, tôi được anh Bút Trà Nguyễn Đức Nhuận cho coi tập thơ « *Tâm sự ngàn thu* », do Phụ Nữ Ngày Mai xuất bản năm 1962.

Tạ Ty và trường họa Lập-thể nhân cái chết của Picasso



Họa sĩ Tạ Ty (1973)

BÁCH KHOA: *Người ta thường cho rằng tranh của Họa sĩ Tạ Ty thuộc trường họa Lập-thể và chịu ảnh hưởng của họa sĩ Picasso vừa mới từ trần. Xin anh cho biết sự thực có thời kỳ nào anh vẽ theo trường họa Lập thể hay không và tại sao anh lại chọn đường lối sáng tạo này?*

TẠ TY: Trước hết, tôi xin cảm ơn Tòa soạn Bách-Khoa đã có nhã ý đặt ra câu hỏi trên, nhân dịp Picasso, nhà danh họa lớn của Thế kỷ 20, vừa qua đời, và tôi cũng mượn cơ hội này để bày tỏ cùng bạn đọc Bách Khoa một vài điều về đường lối sáng tạo của tôi trong địa hạt Tạo Hình. Từ lâu, tôi vẫn bị hiểu lầm là đại diện cho trường họa Lập Thể tại Việt Nam, do Picasso nhà danh họa

họa Tây Ban Nha khởi xướng ở đầu Thế kỷ thứ 20 này. Sự thực, không hẳn như vậy. Tôi đã đi qua rất nhiều trường họa (école) với mục đích để tìm tòi xem trường nào hợp nhất với khả năng chuyên môn và sở thích của riêng mình. Tôi đã bước vào trường Siêu Thực (surréalisme) từ năm 1941 ngay khi còn đang theo học tại Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà-nội. Qua năm 1943 tôi mới xỏ cửa bước vào khung trời của trường họa Lập Thể với mục đích đi tìm chiều thứ tư (4^e dimension), tức là chiều động trong kỹ thuật tạo hình. Ở giai đoạn này, tôi chịu ảnh hưởng của G. Braque nhiều hơn Picasso. Lý do chủ quan, ở Braque, tôi thấy có một cái gì "trí thức" hơn, "Phương Đông" hơn Picasso. Nói về trường họa Lập Thể (Cubisme) mọi người thường chỉ nghĩ về Picasso (có lẽ nhà cổ danh

được ngôi sao tốt chiếu mệnh) nhưng đúng ra, người có công xây dựng và kiến tạo chung với Picasso để trường họa này mỗi ngày mỗi phát triển và đứng vững, lịch sử mỹ thuật nhân loại và giới yêu tranh không thể quên được G. Braque cùng một số nhà danh họa khác. Tôi chỉ dừng lại ở trường họa Lập Thể độ mười năm, sau khi đã tìm kiếm và nhận thấy những khuyết điểm, nhất là sự gò bó, không buông thoát của hình kỷ hà đối chiếu với sự vật vẫn-còn-nhận-được, qua cung cách cấu tạo tác phẩm, dù cho sự vật đã được biến chất bởi màu sắc và hình thể. Nhưng ở đó, phần tâm linh vẫn bị chìm khuất nhường chỗ cho qui tắc tạo hình. Nói như vậy, không có nghĩa tôi phủ nhận giá trị độc đáo của trường họa Lập Thể mà già nửa Thế kỷ nay vẫn được sự hâm mộ của giới thẩm mỹ quốc tế, nhưng chính thực,

để xác định, giá trị lịch sử của trường họa Lập Thê đã qua rồi, qua lâu rồi, do sự tiến hóa của Văn Nghệ nói chung.

— Như vậy hiện nay anh vẽ theo trường họa nào ?

— Tôi đã rời xa trường họa lập thê từ gần 20 năm để tiến vào một khung trời khác của nghệ thuật tạo hình, đó là trường Trừu Tượng (abstrait). Tôi không muốn so sánh cái hay giữa các trường phái, vì mỗi trường phái có mặt để chứng minh một giai đoạn tiến hóa, và không có một trường phái nào toàn bích. Bên cạnh mỗi cái hay đều có cái dở mà chỉ ở trong nghề mới biết. Do vậy, quan niệm về cái Đẹp bao giờ cũng dừng lại ở ranh giới hiểu biết của mỗi người hoặc từng lớp người làm nghệ thuật hay thưởng ngoạn cũng vậy.

— Xin anh cho biết cảm tưởng của anh sau cái chết của Picasso, và cảm tưởng của anh đối với các họa phẩm của nhà danh họa này ?

— Sự vắng mặt vĩnh viễn của nhà danh họa Picasso là một cái tang chung cho giới hội họa, ông mất đi

để lại một sự nghiệp lẫy lừng và giữ trọn vẹn uy tín về nghề nghiệp, đó là một vinh dự chẳng những cho gia đình ông mà còn là tấm gương cho mọi nghệ sĩ, nếu muốn hy sinh đời mình cho nghệ thuật, cần phải biết kiên trì và tự vượt để tồn tại, như Picasso đã tồn tại dù hôm nay hay mai sau. Còn cảm tưởng của tôi đối với họa phẩm của Picasso, nói cho đúng, có nhiều tác phẩm của ông đã làm tôi rung động đến đáy sâu tâm thức như bức Les trois musiciens, Guernica v.v... nhưng bên cạnh đấy, cũng có nhiều bức chung chung. Một vài tác phẩm thuộc loại đồ gốm cũng lạ mắt và gây được cảm mỹ. Tôi thường nghĩ, một khi nói về Picasso là nói về khám phá sẽ có ích lợi nhiều hơn là phê bình, vì phê bình đối với một danh họa lớn của nhân loại là một công trình chứ không phải và không thể chỉ là những dòng chữ vô trách nhiệm. Bởi đó, xin hứa với độc giả Bách Khoa, nếu có dịp, tôi sẽ viết một loạt bài trên tạp chí này để giới thiệu các họa sĩ lớn và họa phái Âu Châu từ Trung Cổ tới tới Hiện đại.

BÁCH KHOA ghi lại

- Quý vị lo lắng khi nghĩ đến tương lai gia đình con cái ?
— Quý vị muốn an tâm làm ăn để khi nghỉ việc, về già có được một số tiền khả quan đủ chi dụng ?
— Chỉ có một giải pháp duy nhất :
Đó là bảo hiểm sinh mạng quý giá của Quý vị.
Xin hưởng ứng Bảo-Hiểm Nhân-Thọ và vui lòng liên lạc với :

HUNG-VIỆT BẢO-HIỂM CÔNG-TY



39, Hồng-Thập-Tự và 1B Duy-Tân Saigon
Điện thoại : 98.382-98.605.
Sẽ có chuyên viên đến tiếp xúc Quý vị.

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Sự bốc thơm hiếm có

Mở sách ra, gặp ngay một danh ngôn của Thánh Matthieu : « Frappez et l'on vous ouvrira ». Câu ấy thường được dịch : « Gõ cửa, cửa sẽ mở ». Nhưng dịch thật sát thì mơ hồ hơn : « Đập vào đi, người ta sẽ mở cho anh ».

Đập vào cái gì ? Mở cái gì ra cho anh ?

Hiều theo ý nghĩa của Jacques Serguine thì là đập vào... mộng đàn bà, và cái được mở ra là cái mà anh mong muốn đó.

Chính vì vậy mà cái sự đập mộng, hay vỗ mộng, hay phát mộng đáng được ca ngợi. Do đó, tác phẩm của Jacques Serguine mang nhan đề : « Ca ngợi sự phát mộng » (*Eloge de la fessée*).

Sở dĩ nhà văn của chúng ta phải vất vả viết sách ca ngợi sự phát mộng là vì lâu nay người đời thường lầm lẫn, nó với sự... phét đít. Cùng là « fessée » cả, nhưng phét đít là trừng phạt trẻ con, còn phát mộng đàn bà con gái tức là làm trái lại sự trừng phạt.

— Văn sĩ văn siếc gì mà dẫn thân vào một đề tài kỳ cục vậy ?

— Đừng coi thường ông ta. J. Serguine từng đoạt giải Fénéon với cuốn « *Les Saints-innocents* », đã từng được một phiếu trong giải Goncourt với cuốn « *Les abois* », và suýt đoạt giải Médicis với cuốn « *Le fils du roi* » (chỉ thua Claude Mauriac).

Nhưng thành tích đáng chú ý nhất của tiểu thuyết gia J. Serguine là cuốn « *Mano l'archange* » bị chính bà De Gaulle yêu cầu cấm bán, vì nó... loạn luân.

Xứ người, thật lắm chuyện

Nội các mới của Pompidou vừa ra mắt, liền bị chê ngay, Nữ sĩ Françoise Giroud chê nhất ông Bộ trưởng Văn hóa.

«Cái ông Maurice Druon thực ra trông cũng đáng yêu, ông ta có biết nhiều chuyện, không chừng biết cả tiếng la-tinh nữa đấy, ông ta giúp vui cho bà Pompidou vào các buổi tiếp tân chính thức, và hồi trước chính ông ta cũng có viết được một vở kịch khá lắm, vở *Mégarée* v.v...»

Dưới con mắt của bà chủ báo *L'Express*, của tác giả cuốn « *Si je mens...* » suốt sáu tháng nay được xếp vào bảng danh sách được hâm mộ nhất nước Pháp, thì vị Bộ trưởng đặc trách Văn hóa giống như một... gia nô : «giúp vui cho bà Pompidou».

Con người bị văn giới giễu cợt, cho là không xứng đáng nổi gót A. Malraux đề điều khiển bộ Văn hóa, con người ấy đã vào Hàn-lâm-viện từ sáu năm nay, đã từng ra tranh cử chức vụ Thư ký vĩnh viễn của Hàn lâm viện Pháp quốc.

Thành thử ở xứ người, văn giới quan niệm kẻ đứng ra đặc trách Văn hóa phải hơn thế mới được.

Người ráp

Nay nghe người này ráp tim nhân tạo, mai nghe người kia mang phổi

nhân tạo, thân nhân tạo v.v...; rồi lại có tin chế tạo được bạch huyết cầu, chế tạo được loại tay cử động theo ý muốn v.v... Kể từ món răng giả, tóc giả, cho đến ngực giả, lông mi giả, mắt giả v.v... cho đến huyết giả: các bộ phận trong người đã «giả» được tất cả chưa?

— Gần đây đủ cả, David Rorvik bảo thế, với một bản liệt kê tỉ mỉ các «phụ tùng nhân thể» đã sản xuất trên hoàn cầu.

— Đầy đủ thế, tại sao không ráp lại làm một con người giả từ đầu tới chân?

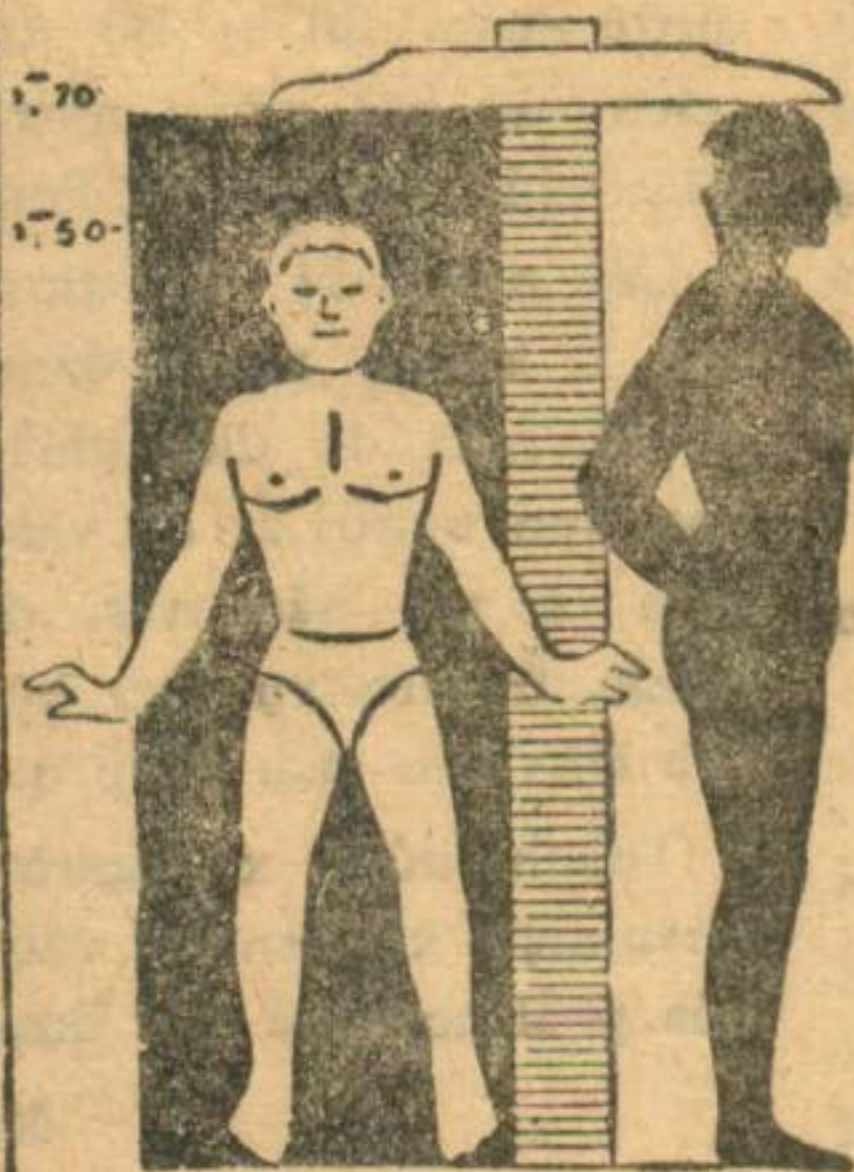
— Tại sao không?

David Rorvik thực hiện cuộc ráp người kỳ lạ này, không phải trong một xưởng máy, mà là trong một tác phẩm: cuốn *Quand l'homme devient machine*.

TRÀNG THIÊN

VỀ R...?

Vitaplex
CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯƠNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHỔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

TẬP LUẬN

của Võ Phiến

PHI LẠC SANG TÀU

của Hồ Hữu Tường

BỨC BÌNH PHONG

của Somerset Maugham

bản dịch của Nguyễn Minh Hoàng

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

ĐÃ PHÁT HÀNH

MỘT TÁC PHẨM MÀ QUÝ BẠN ĐỌC ĐANG MONG ĐỢI

TÌNH NGHỆ SĨ

của

PAUL GALLICO

HOÀNG ỨNG

dịch

Tác phẩm dành riêng cho những tâm hồn thuần khiết thơ ngây, những người còn tin ở một mảnh lực hóa giải cuối cùng : Tình yêu

NHỊ KHÊ

482/52 Nguyễn-Tri-Phương Saigon 10

Thời sự thế giới

● T U R M I N H

Trong những ngày vừa qua, 3 sự kiện được người ta chú ý tới nhiều nhất là vụ Watergate tại Hoa-kỳ làm cho cả chế-độ Mỹ bị lung lay và dư luận quốc tế xôn xao bàn tán rất nhiều.

Sau vụ Watergate người ta phải kể tới các hoạt động ngoại giao của Mỹ về phía Âu-châu nhằm đặt một căn bản mới cho liên-minh Đại-tây-dương.

Và sau cùng là vụ các người Ả-rập chống lẫn nhau ở Liban sau khi cảm-tử-quân Do-thái đột nhập vào thủ-đô Beyrouth.

Vụ Watergate và đời sống chính-trị Hoa-kỳ:

Tháng 5-1972 khi Tổng-Thống Hoa-kỳ Richard Nixon chuẩn bị ra tái ứng-cử vào cuối năm thì các bộ hạ của ông đã tìm đủ mọi cách để ông tái đắc cử. Một Ủy-ban được mệnh-danh là « Ủy ban Vận động cho Tổng-Thống được tái cử » do ông Mitchell, cựu Bộ-trưởng Tư pháp làm Chủ-tịch đã vận động mạnh mẽ để quyền tiền và cò động cho ông Nixon.

Đàn em của ông Nixon đã hoạt động một cách liêu lĩnh đến nỗi họ cho gián điệp đột nhập vào trụ sở đảng Dân-chủ đối-lập ở khu Watergate, gần thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, để đánh cắp tài liệu của các lãnh tụ đảng Dân chủ. Vụ này khi đổ bể vào năm 1972 đã làm dân chúng dị nghị rất nhiều

và một phần nào đã làm giảm uy-tín của ứng-cử-viên đảng Cộng-hòa Richard Nixon.

Nhưng vụ Watergate năm 1972 chỉ là một tiếng động nhỏ so với những thành quả vang dội của ông Nixon sau ông khi viếng thăm Trung-Cộng và Nga-xô. Do đó ông Nixon đã đắc cử hết sức vẻ vang vào tháng 11 năm ngoái.

Đến tháng 4 năm nay khi vụ Watergate được các nhà điều tra phanh phui thêm người ta thấy một số các công sự viên thân cận nhất của ông Nixon đã bị dính líu. Dân chúng rất lấy làm xúc động vì họ cho là họ sống giữa một xã hội dân chủ mà chính quyền còn để cho Công-an Cảnh-sát (FBI) lợi dụng quyền hành đến nỗi vi phạm tự do của người dân.

Vụ Watergate quan trọng đến nỗi người ta đã đặt vấn đề với nhiệm kỳ của ông Nixon. Nhiều người đã nghĩ tới chuyện ông Nixon từ chức hay bị Quốc-hội đưa ra xét xử (impeachment). Tuy sự từ chức của ông Nixon hay việc ông bị Quốc hội xét xử chỉ là một chuyện hết sức xa vời nhưng vụ Watergate đã làm cho người dân Mỹ mất tin tưởng vào định-chế của họ. Họ không ngờ đến ngay tại nước họ mà người ta dám đột nhập gia cư bất hợp pháp để đến nỗi quyền bất khả xâm phạm của con người không còn được bảo đảm.

Tuy qua các cuộc thăm dò ý kiến, số dân chúng không muốn ông Nixon

ra đi còn khá lớn nhưng rất nhiều người đã quy trách nhiệm cho ông. Thật ra thì ông Nixon bị oan trong vụ này. Đàn em của ông muốn « lấy điểm » một cách quá mức đến nỗi làm hại cả ông. Sự thực thì vào tháng 5 năm ngoái, khi mà ông McGovern gần như được coi là ứng-cử-viên của Đảng Dân-Chủ thì người ta đã chắc chắn rằng ông Nixon sẽ đánh bại đối thủ của ông dễ dàng. Ông Nixon chẳng cần phải dùng những thủ đoạn mờ ám mà vẫn có thể thắng trong cuộc tranh cử được. Tuy ông có thể không biết gì về vụ này, nhưng khi nội vụ đổ bể, ông đã tìm cách che chở cho đàn em nên ông đã phải chịu một phần trách nhiệm.

Nếu dư luận trong nước tỏ ra xúc động trước vụ Watergate thì dư luận thế giới lại có những phản ứng trái ngược. Các nước từ trước tới nay chống đối Mỹ, như Nga và Trung Cộng, đã có một thái độ hoàn toàn im lặng. Không một đài phát thanh, không một tờ báo nào tại hai quốc gia này đá động tới vụ Watergate. Các nhà lãnh tụ Cộng-sản không muốn có hành động nào để cho ông Nixon bị lúng túng. Vì ông Nixon còn ngồi lại chính quyền thì họ mới có hy vọng hợp tác với Hoa-kỳ.

Báo chí của thế giới tự do thì lại bàn bạc về vụ Watergate rất kỹ. Tờ Times của Anh cho rằng những thành quả của ông Nixon trong nền chính trị quốc tế còn quan trọng hơn vụ Watergate. Báo « Jornal do Brasil » của Ba-tây thì cho rằng vụ Watergate chứng minh sức mạnh

của nền dân chủ Hoa-kỳ, nơi mà người ta dám phanh phui ra trước dư luận những điều gì đen tối nhất để lành-mạnh hóa chính-thề.

Đây không phải là lần đầu tiên ông Nixon bị dân chúng chỉ trích và chống đối. Nhưng trong các lần trước ông luôn luôn lật ngược lại được thế cờ. Người ta tự hỏi không hiểu lần này ông có thành công như trước không và bằng cách nào.

Hoa-kỳ kêu gọi thành lập Hiến-chương Đại-tây-dương

Sau khi chiến tranh Việt-Nam gần chấm dứt, chính phủ Hoa-kỳ đã nhấn mạnh rằng năm 1973 sẽ là năm Mỹ hướng mọi hoạt động về Âu-châu. Trong mấy tháng đầu năm 1973 người ta đã hầu như không tin rằng Mỹ có thể làm được một điều gì có tính cách xây dựng ở lục-địa Âu-châu.

Nhưng đầu tháng 5 vừa qua ông Kissinger đã đọc một bài diễn văn quan trọng về vấn đề Âu-châu. Theo ông thì từ khi Tây-Âu và Nhật trở nên mạnh hơn thì những sự tranh chấp giữa họ và Hoa-kỳ cũng gia tăng lên nhiều. Những cuộc tranh chấp này bắt nguồn từ những khó khăn về thương-mại giữa Hoa kỳ và Âu-châu. Thêm vào đó, Hoa-kỳ, vì tình hình tài chánh khó khăn đã ngỏ ý muốn cho Âu-châu chia sẻ gánh nặng phòng thủ chung với Hoa-kỳ hay nói một cách khác là Hoa kỳ muốn Âu-châu phải chi thêm để tài-trợ cho 200.000 lính Mỹ đồn trú tại Âu-châu. Nhưng người Âu-

châu tuy muốn quân Mỹ tiếp tục ở lại, muốn độc lập và ngang hàng với Mỹ, nhưng lại không muốn mất tiền.

Kissinger cho rằng những khó khăn kể trên không làm thương tổn tới tình đoàn kết giữa các nước đồng minh. Ông tuyên bố rằng tuy mỗi nước có thể đi theo một đường lối riêng, phù hợp với nguyện vọng của quốc-gia mình, nhưng cũng nên ấn định một khuôn khổ hoạt động để phục vụ cho quyền lợi chung của Liên-minh Bắc Đại-tây-dương.

Và sau cùng Henry Kissinger kêu gọi soạn thảo một Hiến-chương Bắc Đại-tây-dương mới để củng cố bang-giao giữa Hoa-kỳ và các đồng-minh Âu-châu. Bài diễn văn của ông Kissinger được người ta so sánh với bài diễn-văn của Tướng Marshall cách đây 26 năm và đã mở màn cho một chính sách Âu-châu của Hoa-kỳ trong trên 1/4 thế kỷ vừa qua. Người ta cho rằng bài diễn văn của Kissinger sẽ mở màn cho một kỷ nguyên mới trong bang giao giữa Hoa-kỳ và Âu-châu :

Phản-ứng của các quốc-gia Âu-châu đã biểu lộ tâm trạng... của mỗi quốc gia. Đức tỏ ra hết sức bất-thành vì Thủ-tướng Brand sửa soạn sang Hoa-kỳ để gặp Tổng-Thống Nixon. Ngoài ra ông Brandt muốn củng cố Minh-ước Bắc Đại-tây-dương để có đủ hậu thuẫn nói chuyện với Đông-Đức và phe Cộng-sản Đông Âu.

Anh thì tỏ ra hết sức dè dặt vì vai trò của Anh trên trường chính-trị cũng

không còn hoạt động như trước nên nếu Anh ủng hộ Mỹ thì các nước trong khối Thị-trường chung sẽ tỏ ra nghi ngờ Anh là chưa thực tâm gia nhập cộng-đồng Âu-châu mà chỉ là tay sai của Mỹ :

Còn Pháp thì chống đối ra mặt vì một số người cho rằng ông Kissinger đang bắt bí Âu-châu để Âu-châu phải nhượng-bộ Mỹ về vấn đề thương mại nếu Âu-châu muốn được Mỹ bảo đảm an-ninh.

Muốn tiến tới một đường lối mới ở Âu-châu, Hoa-kỳ phải trước hết giải tỏa những nghi-kỵ của các nước Âu-châu trước đã. Có lẽ đó là mục tiêu cuộc công du Âu-châu của ông Nixon trong năm nay.

Á rập đánh Á rập tại Li-băng

Trên đường phố Beyrouth súng đã đột nhiên nổ rền khiến dân chúng hốt hoảng tìm nơi ẩn tránh. Người ta tưởng rằng cảm tử quân Do-thái trở lại đột kích giữa ban ngày. Nhưng sự thật thì lại là một cuộc chạm súng giữa quân đội Liban và phe kháng chiến Palestine

Cuộc chạm súng này bắt nguồn từ vụ Do-thái đột kích Beyrouth sát hại một số lãnh tụ Palestine vào tháng trước. Dân Palestine trách chính-phủ và quân đội Liban đã tỏ ra bất lực không bảo vệ nổi cho các tổ chức kháng chiến Palestine trên lãnh thổ Liban. Các quân du kích Palestine từ Syrie sang cũng đã ủa tới yểm trợ đồng bào của họ và tấn công quân đội Liban.

Lý do vụ đồ máu này xảy ra là vì quân Palestine đã bắt cóc hai người sĩ quan Liban và tuyên bố chỉ trả lại nếu Liban thả 3 tên khủng bố Palestine bị chính phủ Liban bắt giữ vì tội toan tính phá phi trường Beyrouth. Quân đội Liban đã phản ứng lại mạnh mẽ bằng cách gửi chiến-xa tới vây các làng có dân Palestine trú ngụ và oanh tạc các cơ sở quân sự Palestine. Đề đi tới ngưng bắn tân Thủ tướng Liban Amin Hafez đã phải tới gặp lãnh tụ kháng chiến Palestine là Yasir Arafat. Tuy hai ông đạt được một thỏa-hiệp nhưng một phong trào khủng bố đã

lan rộng trên lãnh thổ Liban. Các ông Sadat, Tổng-Thống Ai-cập, và Hasan Bakr, Tổng-Thống Irak phải can thiệp đề hai bên ngưng chiến.

Nhưng Tổng-Thống Liban nhất quyết đuổi quân Palestine ra khỏi nước ông. Như vậy quân khủng bố Palestine chỉ còn cách sang Syrie, cách xa lãnh thổ Do-thái đề cho an-ninh Liban được bảo đảm hơn trước. Ả-rập Palestine đánh Ả-rập Liban, rút cục lại chỉ Do-thái là được hưởng lợi.

TỪ MINH

Nhà xuất bản Lá Bối

Lô O, 121, Chung cư Minh Mạng Saigon 10

Giám đốc sáng lập : Nhất Hạnh

Những tác phẩm tăng giá trị của tủ sách

- SỬ KÍ CỦA TƯ MÃ THIÊN Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê *giới thiệu dịch và chú thích*
- CHIẾN QUỐC SÁCH Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê *giới thiệu dịch và chú thích*
- TÌNH NGƯỜI Tâm Quán
- GÓP NHẬT CÁT ĐÁ Thiền sư Muju, Đỗ Đình Đồng *dịch*
- BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ Will Durant, Nguyễn Hiến Lê *dịch*
- LIỆT TỬ VÀ DƯƠNG TỬ Nguyễn Hiến Lê *dịch giới thiệu và chú thích*
- NÓI VỚI TUỔI HAI MƯƠI Nhất Hạnh (tái bản kỳ 7)

Sách báo mới

— Lịch sử báo chí Việt-nam từ khởi thủy đến 1930, của Huỳnh Văn Tòng, do Viện Đại học Hòa Hảo bảo trợ, Trí Đăng xuất bản. Sách dày 288 trang, khổ 14,5 x 20,5, Giáo sư Nguyễn Văn Trung giới thiệu. Một công trình biên khảo quý mô về lịch sử báo chí V.N với nhiều tài liệu chưa phát giác, rút từ luận án tiến sĩ đệ tam cấp của tác giả. Giá 500đ.

— Một mình như cánh lá tập thơ của Hạc Thành Hoa do Giao điểm xuất bản và tác giả gửi tặng. Thi phẩm thứ hai được xuất bản của tác giả dày 90 trang, gồm 48 bài thơ, trình bày đẹp, tranh bìa của Nguyễn Trung. Bản đặt biệt. Giá 200đ.

— Đạo núi mình ta tập thơ của Hà Thúc Sinh do Đồng Dao xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 94 trang, gồm 56 bài thơ. Giá 250đ.

— Phương đuổi mộng tập thơ của Nguyễn Thanh Tịnh do Thời Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 128 trang, gồm 46 bài thơ và văn của tác giả. Giá 250đ.

— Quê hương tự tình tập thơ của Phạm Trường Hưng do Bằng Hữu xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách này trên 60 trang gồm 45 bài thơ. Giá 150đ.

— Đất Thiêng đặc san Hè 1973, Chủ trương : Tường Phương, Lâm Vĩ Thủy, Tường Linh. Mỗi số dày 120 trang, gồm những bài biên khảo, tiểu luận, nhận định, thơ, truyện v.v... của nhiều cây bút tên tuổi : Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Văn Canh, Mặc Khải, Vũ Hạnh, Bùi Giáng, Kiên

giang, Viên Linh v.v... Giá 280đ.

— Cát vàng giai phẩm mùa hè 1973 của liên lớp 10 Trung học Phù Cát Bình Định. Mỗi số dày 46 trang, trình bày đẹp.

— Ý nghĩ xanh tuyển tập thơ văn học sinh, niên khóa 72-73 của Trường Trung học Bán công Đà-nẵng, năm thứ 15. Mỗi số dày 96 trang, phần lớn gồm nhiều truyện và thơ.

— Tập san Văn chương ; sáng tác, phê bình, thông tri văn chương nghệ thuật. Chủ trương : Joseph Huỳnh Văn, Nguyễn Tường Giang, Nguyễn Tử Lộc, Phạm xuân Đàm, Phạm Hoán v.v... Mỗi số khổ 15, 5 x 24 dày 90 trang. Giá 120đ.

— Hải Triều Âm, cơ quan phát khởi nền Quốc học, Phật học và Văn hóa Việt-nam, do Tổng vụ Văn hóa chủ trương và T.T. Thích Mãn Giác là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút. Hải Triều Âm đã ra 2 số : Số 1 Xuân Quí Sửu tháng 2,3,4/73 dày 166 trang và số 2, Số Phật Đản 2517, dày 170 trang, đều có những bài của các cây bút tên tuổi : Thích Mãn Giác, Nguyễn Đăng Thục, Thạch Trung Giả, Lê Văn Siêu, Trần Ngọc Ninh, Nguyễn Bá Lăng, Nguyễn Nhuận, Doãn Quốc Sỹ, Trần Văn Khê Sơn Nam, Bình Nguyên Lộc, Tuệ Sỹ v.v... Mỗi số giá 300đ.

— Bát Nhã, cơ quan thông tri Phật sự, hoằng dương chánh pháp, số tháng 3 và 4-1973, đặc san Phật Đản 2517 kỷ niệm 10 năm Pháp nạn 1963-1973, Giám đốc : Hòa thượng Thích Trí Thủ, Phụ tá : Thích Tuệ Sỹ, Hoàng Văn Giàu. Mỗi số dày 144 trang, gồm nhiều bài giá trị. Giá 200đ.

THỜI SỰ KHOA HỌC

Skylab : phòng thí nghiệm trong không gian

Ngày thứ hai hồi 17 giờ 40 phút, giờ quốc tế, hỏa tiễn không lồ Saturn 5 đã phóng phòng thí-nghiệm không gian Skylab vào ngoại tầng không gian dưới sự chứng kiến của chừng vài ngàn người có mặt tại mũi Kennedy. Con số khán giả này thật khiêm nhường, chỉ bằng một phần mười số khán giả chứng kiến cuộc phóng phi thuyền Apollo sau cùng.

Điều đặc biệt là trong số khán giả hôm đó tại bãi phóng có mặt 3 phi-hành - gia của phòng - thí - nghiệm - không-gian : đó là Đại tá Hải-quân Peter Conrad, phi hành trưởng, bác-sĩ Joseph Kerwin và Paul Weigtz. Khác với các chuyến bay trong chương trình Apollo, phi hành đoàn lần này sẽ được phóng đi sau, do một hỏa tiễn khác và sẽ ráp nối với trạm không gian để vào cư trú ở đó.

Phòng - thí - nghiệm - không - gian Skylab nặng 70 tấn, là phi-thuyền lớn nhất từ trước tới nay được phóng lên không-gian. Cuộc phóng phi thuyền đã diễn ra một cách tuyệt hảo : phi thuyền được đặt đúng vào quỹ-đạo đã định cách trái đất 443 cây số. Nhìn từ xa, Skylab có hình dạng một cái chai kỳ lạ. Cái chai này có kích thước thật sự là một hình ống chiều dài 30 thước, đường kính gần 7 thước, có gắn thêm hai cái cánh to lớn có bề ngang tổng cộng gần 31 thước và 4 cánh khác nhỏ hơn giống như cánh quạt cối-xay gió. Tất cả những cánh

trên là những tấm tiếp nhận ánh sáng mặt trời để biến thành điện lực cung cấp cho phi thuyền. Trái với cảnh chật chội trong phi-thuyền Apollo trước đây, Skylab là một căn nhà lý tưởng đối với các phi hành gia : nó có đủ 3 phòng ngủ riêng cho mỗi người, phòng ăn, phòng tắm, phòng tập thể thao, phòng thí nghiệm, nơi làm việc và một kho dự trữ đồ ăn thức uống dồi dào dư dưng cho cả tháng. Các kỹ sư đã phải tốn rất nhiều công sức để làm cho cuộc sống trong trạng thái vô-trọng-lực được phần nào dễ dàng. Một tuần các phi hành gia sẽ được tắm nước nóng một lần, dĩ nhiên là trong một bồn tắm đặc biệt. Họ ngủ đứng trong các túi ngủ được mắc vào tường trong phòng ngủ riêng. Bàn ăn ở đây không có ghế mà chỉ có các miếng gỗ bắc ngang để dựa. Bàn cũng không có ly tách gì vì các phi hành-gia ăn uống thực phẩm qua các ống hút chứa trong các bình có sức ép.

Chương trình hoạt động hàng ngày của các phi hành gia sẽ như sau : sáng họ được Trung-tâm-kiểm-soát Houston từ dưới đất đánh thức dậy lúc 6 giờ. Tập thể dục mất 30 phút. Sau đó ăn uống lúc 7 giờ sáng. Làm việc cho tới trưa và ăn uống lúc 12 giờ. Một ngày họ được nghỉ ngơi dưỡng sức trong 1 tiếng đồng hồ trong giờ làm việc và dành 2 giờ rưỡi để lau chùi và làm sạch sẽ phi thuyền.

Họ dùng bữa chiều lúc 6 giờ và mỗi đêm ngủ 8 tiếng. Theo đúng luật lao-động quốc-tế ở dưới đất,

một tuần phi hành gia vẫn được quyền nghỉ một ngày để làm việc tùy hứng. Tuy nhiên ngày nghỉ này có thể bị hủy bỏ khi có các thí nghiệm đặc biệt đòi hỏi.

Thời gian các phi-hành-gia ở trong phi thuyền là 28 ngày. Mục đích của sự kéo dài thời gian này là để khảo sát tình trạng sinh lý của cơ thể con người trong trạng thái vô-trọng-lực. Đây là điều quan trọng cho các cuộc thám hiểm trong tương lai đòi hỏi một thời gian dài sống ngoài bầu khí quyển trái đất. Ngoài ra một viễn-vọng-kính đặt trên phi thuyền sẽ được sử dụng để quan sát mặt trời một cách chi tiết hơn. Những thí nghiệm người ta giao phó cho 3 phi hành gia nhiều đến nỗi chính ông Giám đốc chuyến bay cũng không hy-vọng gì nó sẽ được thực hiện hết.

Nhưng chuyến bay của Skylab đã không như ý muốn của những người đang mong đợi. Các cánh tiếp nhận ánh sáng đã không mở ra và như thế phi thuyền sẽ không có điện lực để hoạt động. Ngoài ra, một tấm chắn-nhiệt của Skylab đã bị văng đi mất làm cho nhiệt độ bên trong phi thuyền lên tới 40 và 44 độ. Người ta đã phải hoãn cuộc phóng ba phi hành gia lại 5 ngày để họ có thì giờ tập dượt công tác gắn lại cái chắn-nhiệt mới cho Skylab. Họ sẽ phải đi bộ ngoài không gian để làm việc này.

Nếu các sửa chữa trên đây có thể hoàn tất thì phòng-thí-nghiệm-không-

gian Skylab mới hy vọng hoạt động tốt trở lại được.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266 — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

**Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...**

**Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie**